

16°
Incloch
1184

曆南義
日南義
年未焚

1943



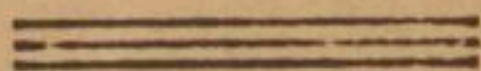
TAN NAM ICH

NĂM QUÝ MÙI

Imprimerie de Hanoi

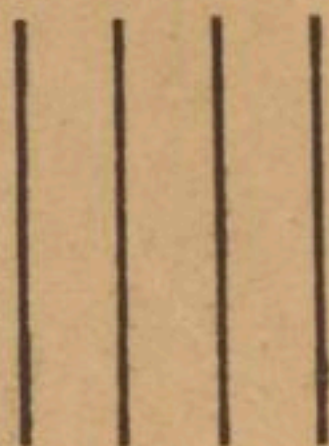
85, Rue du Coton

SOCIÉTÉ DES DISTILLERIES TONKINOISES



BẮC-KỲ NAM-TỬU CÔNG-TY

toàn cổ-phần của người Annam



*Rượu ngon có tiếng ở
Đông dương, cất loàn bằng
gạo nếp và men làm bằng
các vị thuốc bắc rất bổ*

RƯỢU TRẮNG 35° VÀ 40° RƯỢU
BẠCH-CÚC VÀ HOÀNG CÚC, RƯỢU
CAM, RƯỢU LÊ RƯỢU HẮC-NHU-MỄ
AI CŨNG CHỈ NÊN UỐNG RƯỢU
VĂN - ĐIỀN

Chính - sở và lò cất tại :

VĂN-ĐIỀN HÀ-ĐÔNG

Adresse télégraphique : Distillerie Gare Van-diên

Téléphone : Hanoi N° 774

Cùng các độc-giả Tân-Nam-Lịch

Cũng như hai năm Tân-tị và Nhâm-ngọ vừa qua, năm Quý-vị sắp tới đây lại là một dịp thúc-giục Tân Nam Xã sốt-sắng xuất-bản cuốn niên lịch này.

Vì mục-đích muốn giúp các gia-đình về những điều cần biết, cuốn niên-lịch Nhâm-ngọ có hứa mỗi độc giả được viết thư hỏi bốn lần về các điều pháp-luật, khoa-học, y-học, thú-y, nông-phổ không mất tiền, được các ngài tin cậy, lần lượt viết thư về hỏi tới một số khá đông: 2825 câu hỏi về pháp-luật, 1172 câu về y-học, 815 câu về khoa-học, 581 câu về thú-y, 376 câu về nông-phổ. Bản-xã lần lượt phúc-đáp, đều được các ngài tỏ ý hài lòng và khen ngợi: quả như lời, duy có bộ biên-tập Tân-Nam-Lịch mới đủ các nhà chuyên-môn giải-đáp được như thế cho nên lại thúc-giục bản-xã kịp cho ra cuốn niên lịch năm Quý-vị này.

Dù ở trong tình-thế khó khăn, các phẩm-vật cần dùng như giấy mực càng ngày càng khan, càng đắt, bản-xã cũng không từ nan, mà cố hết sức tính việc tục bản để giữ lời hứa.

Vậy ngoài những điều ích lợi đã nói ở trong sách rồi, bản-xã lại xin hứa mỗi bạn đọc được hỏi bốn lần về pháp-luật, y-học, thú-y, nông-phổ, xã-giao mỗi lần về việc gì, nhớ cắt một dấu-hiệu in ở các trang sau, dán lên bức thư hỏi việc và dính thêm con tem 0\$06 hoặc 0\$15, tùy liệu bài giải đáp ngắn (vắn) hay dài để tiện trả-lời và nhớ đề phong bì rõ ràng theo địa-chỉ sau này «Imprimerie de Hanoi» 85 Rue du Coton, Hanoi.

Tân Nam Xã cần bạch

Thông-chế PÉTAIN đã nói :

Bản chức mong tất cả quốc-dân phải thấm-nhuần một tinh-thần mới để phục hưng vinh-quang của Tổ-quốc

Bản chức chân trọng đề lời chúc các dân-tộc Đế-Quốc xa cách trùng dương các tù-bình lưu trú ở ngoài bờ cõi.

Nước Pháp vẫn còn.

Chúc mừng năm mới.



NHỮNG SÁCH

DO ÔNG PHẠM-HUY-LỤC XUẤT BẢN

BÁN TẠI Hà-Thành Ấn-Quán (Imprimerie de Hanoi)

85, Phố hàng Bông Hanoi

Quan sự cầm nang . . 0\$80
Hùng-sơn Ngọc phả . . 0.15
Luật Lao-công . . . 0.12
Thẻ lệ về nghề làm
thuốc và bán thuốc ta . 0.15
Thẻ-lệ bầu cử hội viên
và nghị viên : quyển I. 0.15
— II 0.20

Phòng-thủ thụ động về không-
chiến (Manuel élémentaire
de Défense passive contre
les attaques aériennes
Bản quốc ngữ 0.20
Bản chữ tây 0.20
Tân-Nam lịch năm Tân-tị 0.50
năm Nhâm-ngọ 0.50

SƠN TỐT CÓ
TIẾNG LÀ SƠN

“ GECKO ”

BÁN BUÔN VÀ LẺ TẠI:
THANG-LONG
PHỐ CHỢ HÀNG DA HANOI

JANVIER

VENDREDI

1

THÁNG 11

NGÀY KỶ-VỊ

25

H. Hỏa, s. Cường, tr. Nguy. *Nên* :
trồng cây, khai quang *Kỵ* : Phá
khoán, an sàng.

SAMEDI

2

NGÀY CANH-THÂN

26

H. Mộc, s. Đê, tr. Thành. *Nên* :
Hợp bạn, vào học, xuất hành, giao
dịch, làm nhà.
Kỵ : An sàng, hành tang.

DIMANCHE

3

NGÀY TÂN-DẬU

27

H. Mộc, s. Phòng, tr. Thu. *Nên* :
Tế-lễ, săn bắn, nộp của, tiễn người.
Kỵ : Hợp bạn, phá khoán.

LUNDI

4

NGÀY NHÂM-TUẤT

28

H. Thủy s. Tâm tr. Khai. *Nên* : Mở
trường, mở chợ, hợp bạn, kết hôn.
Kỵ : Tế lễ, cầu phúc, xem bói
kiện cáo.

MARDI

5

NGÀY QUÍ-HỢI

29

H. Thủy, s. Vĩ, tr. Bế. *Nên* : Phạt
mộc, đóng kho, thu vốn. *Kỵ* : Giá
thủ, kiện cáo.

MERCREDI

6

THÁNG CHẠP

NGÀY GIÁP-TÍ

1

Kiến: Quý-sử. h. Kim, s. Cơ, tr. Kiến
Nên : Tế lễ, cầu phúc, đắp nền nhà.
Kỵ : Mở kho, xem bói, kiện cáo.

JANVIER

JEUDI

7

THÁNG CHẠP

NGÀY ẤT-SỬU

2

H. Kim, s. Dậu, tr. Kiến. *Nên* : Hợp
bạn, kết hôn, nộp của, chăn nuôi.
Kỵ : trồng cây, săn bắn, hành tang

VENDREDI

8

NGÀY BÍNH-DẦN

3

H. Hỏa, s. Ngưu tr. Trừ. *Nên* : Giao
dịch, làm nhà, kết hôn. *Kỵ* : Cho
vay, làm bếp, tế lễ.

SAMEDI

9

NGÀY ĐINH-MÃO

4

H. Hỏa, s. Nữ, tr. Mão. *Nên* : Hợp
bạn, xuất hành, kết hôn. *Kỵ* : Đào
giếng, kiện cáo.

DIMANCHE

10

NGÀY MẬU-THÌN

5

H. Mộc, sao Hư, tr. Bình. *Nên* : Sửa
đường, sửa, vá tường vách. *Kỵ* : Nhận
ruộng, hành tang.
Nguyệt kỵ.

LUNDI

11

NGÀY KỶ-TỊ

6

H. Mộc s. Ngụy, tr. Đinh. *Nên* : Kết
hôn, hợp bạn, động thổ, tu tạo
Kỵ : Xuất hành, phá khoán, hành
tang.

MARDI

12

NGÀY CANH-NGO

7

H. Thổ, s. Thất, tr. Chấp. *Nên* : Hợp
bạn, xuất hành, kết hôn. *Kỵ* : Xem
bói, kiện cáo, tế lễ.

JANVIER
MERCREDI

13

THÁNG CHẠP
NGÀY TÂN-VỊ

8

H. Thổ, s. Bích, tr. Phá. *Nên* : Tế lễ, dời nhà, phá tường. *Kỵ* : Làm bếp, an sàng.

JANVIER
MARDI

19

THÁNG CHẠP
NGÀY ĐINH-SỬU

14

H. Thủy, s. Chủy, tr. kiến. Mọi việc đều không nên. *Nguyệt kỵ*

JEUDI

14

NGÀY NHÂM-THÂN

9

H. Kim, s. Khuê, tr. Ngụy. *Nên* : Tế lễ, chăn nuôi, an táng. *Kỵ* : Khoi nước, an sàng.

MERCREDI

20

NGÀY MẬU-DẦN

15

H. Thổ, s. Sâm, tr. Trừ. *Nên* : Kết hôn, mở chợ, giao dịch. *Kỵ* : Nhận ruộng, tế lễ.

VENDREDI

15

NGÀY QUÍ-DẬU

10

H. Kim, s. Lâu, tr. Thành. *Nên* : Xuất hành, mở chợ, giao dịch, làm nhà. *Kỵ* : Hợp bạn, kiện cáo, tế lễ.

JEUDI

21

NGÀY KỶ-MÃO

16

H. Thổ, s. Tinh, tr. Mão. *Nên* : Tế lễ, cầu phúc, khai ngôi. *Kỵ* : Đi dò, hành tang.

SAMEDI

16

NGÀY GIÁP-TUẤT

11

H. Hỏa, s. Vị, tr. Thu. *Nên* : Hợp bạn, nhận cửa, trồng cây. *Kỵ* : Mở kho, khai ngôi.

VENDREDI

22

NGÀY CANH-THÌN

17

H. kim, s. Quĩ, tr. Thành. *Nên* : Sửa đường, đắp tường. *Kỵ* : Xem bói, kiện cáo.

DIMANCHE

17

NGÀY ẤT-HỢI

12

H. Hỏa, s. Mão, tr. Khai. *Nên* : Hợp bạn, tu tạo, động thổ. *Kỵ* : trồng cây, giá thú.

SAMEDI

23

NGÀY TÂN-TỊ

18

H. kim, s. Liễu, tr. Đinh. *Nên* : Tu tạo, làm nhà, dời chỗ ở, chăn nuôi. *Kỵ* : Xuất hành, lợp nhà.

LUNDI

18

NGÀY BÍNH-TÍ

13

H. Thủy, s. Tất, tr. Bế. *Nên* : Tế lễ, lập khoán, giao dịch. *Kỵ* : Xem bói, làm bếp, kiện cáo.

DIMANCHE

24

NGÀY NHÂM-NGO

19

H. Mộc, s. Tinh, tr. Chấp. Mọi việc đều không nên.

JANVIER LUNDI 25 H. Mộc, s. Tinh, tr. Phá. <i>Nên</i> : Tế lễ, giỗ nhà, phá tường. <i>Kỵ</i> : xem bói, kiện cáo, tế lễ.	THÁNG CHẬP NGÀY QUÍ-VỊ 20	JANVIER DIMANCHE 31 H. Hỏa, s. Phòng, tr. Kiến. <i>Nên</i> : Đắp nền, trồng cây, chăn nuôi tu tạo. <i>Kỵ</i> : Hành tang, xem bói, kiện cáo.	THÁNG CHẬP NGÀY KỶ-SỬU 26
MARDI 26 H. Thủy s. Dục, tr. Nguy. <i>Nên</i> : Tế lễ, cầu phúc. <i>Kỵ</i> : Mở kho, an sàng.	NGÀY GIÁP-THÂN 21	FÉVRIER LUNDI 1 H. Mộc, s. Tâm, tr. Trừ. <i>Nên</i> : Hợp bạn, trừ phục, động thổ, cất nhà. <i>Kỵ</i> : Tế lễ, xem bói, kiện cáo.	NGÀY CANH-DẦN 27
MERCREDI 27 H. Thủy, s. Chấn, tr. Thành. <i>Nên</i> : Kết hôn, mở chợ, chăn nuôi, vào học. <i>Kỵ</i> : Hợp bạn, động thổ, trồng cây.	NGÀY ẤT-DẬU 22	MARDI 2 H. Mộc, s. Vĩ, tr. Mãn. <i>Nên</i> : Tế lễ, mở cửa, an sàng, động thổ. <i>Kỵ</i> : Đắp đường, khai ngòi, đi đò.	NGÀY TÂN-MÃO 28
JEUDI 28 H. Thổ, s. Dốc, tr. Ihu Các việc đều không nên. <i>Nguyệt kỵ</i>	NGÀY BÍNH-TUẤT 23	MERCREDI 3 H. Thủy, s. Cơ, tr. Bình. Mọi việc đều không nên.	NGÀY NHÂM-THÌN 29
VENDREDI 29 H. Thổ, s. Cang, tr. Khai. <i>Nên</i> : Tế lễ, khai quang, mở trường, mở chợ. <i>Kỵ</i> : Giá thú, hành tang, xem bói	NGÀY ĐINH-HỢI 24	JEUDI 4 H. Thủy, s. Đẩu tr. Định. Các việc đều không nên. <i>Từ tuyệt.</i>	NGÀY QUÍ-TỊ 30

NĂM QUÍ - VỊ

SAMEDI
30
H. Hỏa, s. Đê, tr. Bế.
Các việc đều không nên.

NGÀY MẬU-TÍ
25

VENDREDI
5
THÁNG GIÊNG
NGÀY GIÁP NGỌ
1
KIẾN: Giáp-dần, h. Kim, s. Ngưu, tr. Chấp. **Tết Nguyên đán.**
Lập xuân (giờ Tí)
Hỉ thần ở phương Đông Nam. Tài thần ở phương Đông. Xuất hành nên theo giờ Thìn.

FEVRIER SAMÉD 6	THÁNG GIÊNG NGÀY ẤT-VỊ 2	FÉVRIER VENDREDI 12	THÁNG GIÊNG NGÀY TÂN-SỬU 8
H. Kim, s. Nữ, tr. Phá. <i>Nên</i> : Chăn nuôi, trồng cây, an sàng. <i>kỵ</i> : Họp bạn, xuất hành.		H. Thổ, s. Lâu, tr. bế. <i>Nên</i> : Tế lễ, vào học, xuất hành. <i>kị</i> : Giá thú, mở kho.	
DIMANCHE 7	NGÀY BÍNH-THÂN 3	SAMÉDI 13	NGÀY NHÂM-ĐẦN 9
H. Hỏa, s. Hư, tr. Nguy. <i>Nên</i> : Tế lễ, cầu phúc, dựng cột, cất nóc. <i>kỵ</i> : làm bếp, xuất hành.		H. Kim, s. vị, tr. Kiến, <i>Nên</i> : Cất nhà, dâng biếu, xuất hành. <i>kị</i> : giá thú, lợp nhà.	
LUNDI 8	NGÀY ĐINH-DẬU 4	DIMANCHE 14	NGÀY QUÍ-MÃO 10
H. Hỏa, s. Nguy, tr. Nguy. <i>Nên</i> : Tế lễ, cầu phúc, dâng biếu. <i>kỵ</i> : họp bạn, xem bói.		H. Kim, s. Mão, tr. Trừ. <i>Nên</i> : Tế lễ, cầu phúc, họp bạn, vào học. <i>kị</i> : mở chợ, kết hôn.	
MARDI 9	NGÀY MẬU-TUẤT 5	LUNDI 15	NGÀY GIÁP-THÌN 11
H. Mộc, s. Thất, tr. Thành. <i>Nên</i> : Săn bắn, an táng, họp bạn. <i>kỵ</i> : Cất nhà, dời chỗ ở. <i>Nguyệt kị.</i>		H. Hỏa, s. Tất, tr. Mão. <i>Nên</i> : Tế lễ, dời chỗ ở, cầu phúc. <i>kị</i> : Đi đò, mở kho.	
MERCREDI 10	NGÀY KỶ-HỢI 6	MARDI 16	NGÀY ẤT-TỊ 12
H. Mộc, s. Bính, tr. Thu. <i>Nên</i> : Săn bắn, nộp cửa, trồng cây. <i>kỵ</i> : Xuất vốn, giá thú.		H. Hỏa, s. Dậu, tr. Bình. <i>Nên</i> : Tế lễ, vào học. <i>kị</i> : An sàng, hạ h tang.	
JEUDI 11	NGÀY CANH-TÍ 7	MERCREDI 17	NGÀY BÍNH-NGO 13
H. Thổ s. Khuê, tr. khai. <i>Nên</i> : mở chợ, lập khoán, giao dịch, xuất hành. <i>kị</i> : giá thú, hành tang.		H. Thủy, s. Sâm, tr. Định. <i>Nên</i> : Vào học, kết hôn, tu tạo. <i>kị</i> : An sàng, làm bếp.	

FÉVRIER

JEUDI

18

THÁNG GIÊNG

NGÀY ĐINH-VỊ

14

H. thủy, s. tnh, tr. Chấp
Mọi việc đều không nên.
Nguyệt kỵ.

FÉVRIER

MERCREDI

24

THÁNG GIÊNG

NGÀY QUÝ-SỬU

20

H. Mộc, s. Chấn, tr. Bế. Nên: An sàng,
làm bếp, an táng. kỵ: Đi xa, đổi
chỗ ở.

VENDREDI

19

NGÀY MẬU-THÂN

15

H. Thổ, s. Quý, tr. Phá. Nên: Đổi chỗ
ở, phá tường. kỵ: Giá thú, tu tạo.

JEUDI

25

NGÀY GIÁP-DẦN

21

H. thủy, s. Dốc, tr. kiến. Nên: Tu
tạo, động thổ, săn bắn. kỵ: Giá
thú, làm bếp.

SAMEDI

20

NGÀY KỶ-DẬU

16

H. Thổ, s. Liễu, tr. Ngụy. Nên: Tu tạo,
giá thú, vào học. kỵ: Phục mộc,
ở xa về.

VENDREDI

26

NGÀY ẤT-MÃO

22

H. thủy, s. Cang, tr. trừ. Nên: Cầu
phúc, dựng cửa, làm bếp. kỵ:
Kết hôn, xem bói, hành tang.

DIMANCHE

21

NGÀY CANH-TUẤT

17

H. kim, s. Tinh, tr. Thành. Nên: Cầu
tự, lợp nhà, kết hôn, kỵ: Cho vay,
kiện cáo.

SAMEDI

27

NGÀY BÍNH-THÌN

23

H. thổ, s. Đê, tr. Mãn. Nên: kết lưới,
trừ p ục kỵ: Kết hôn, an sàng.

LUNDI

22

NGÀY TÂN-HỢI

18

H. kim, s. Mão, tr. Định. Nên: Dựng
nhà, vấn danh, săn bắn. kỵ: Xem
bói, kiện cáo.

DIMANCHE

28

NGÀY ĐINH-TỊ

24

H. thổ, s. Phòng, tr. Bình. Nên:
Sửa đường, đắp tường, lợp nhà.
kỵ: Đi đò, hành tang.

MARDI

23

NGÀY NHÂM-TÝ

19

H. Mộc, s. Dục, tr. khai. Nên: Mở
chợ, giao dịch, cất nhà. kỵ: Tê
lễ cầu tự, an sàng.

MARS

LUNDI

1

NGÀY MẬU-NGO

25

H. Hỏa, s. Tâm, tr. Định. Nên: Hợp
bạn, đắp nền, đổi chỗ ở. kỵ: An
sàng, phá khoán.

MARS MARDI 2	THÁNG GIÊNG NGÀY KỶ-VI 26	MARS LUNDI 8	THÁNG HAI NGÀY ẤT-SỬ'U 3
H. Hỏa, s. Vĩ, tr. Chấp. <i>Nên</i> : Hợp bạn, chăn nuôi, trồng cây. <i>kị</i> : Mở kho, phá khoán.		H. Kim, s. Nguy, tr. Khai. <i>Nên</i> : Mở cửa, vào học, lập khoán. <i>kị</i> : Cho vay, hành tang.	
MERCREDI 3	NGÀY CANH-THÂN 27	MARDI 9	NGÀY BÍNH-DẦN 4
H. Mộc, s. Đẩu, tr. Nguy. <i>Nên</i> : Tế lễ, phá tường, giỡn nóc. <i>kị</i> : Kết hôn, xuất hàn.		H. Hỏa, s. Thất, tr. Bử. <i>Nên</i> : Cầu phúc, xuất hành, giao dịch. <i>kị</i> : trồng cây, đào giếng.	
JEUDI 4	NGÀY TÂN-DẬU 28	MERCREDI 10	NGÀY ĐINH-MÃO 5
H. Mộc, s. Đẩu, tr. Nguy. <i>Nên</i> : Hợp bạn, đổi chỗ, góp vốn. <i>kị</i> : Làm bếp, cất nhà.		H. Hỏa, s. Bính, tr. Kiến. <i>Nên</i> : Tế lễ, dựng nhà, cầu phúc. <i>kị</i> : Làm bếp, đổi chỗ ở.	
VENREDI 5	NGÀY NHÂM-TUẤT 29	JEUDI 11	NGÀY MẬU-THÌN 6
H. Thủy, s. Ngưu, tr. Thành. <i>Nên</i> : Vắn danh, dâng biểu, mở chợ. <i>kị</i> : Khai cù, đào ao.		H. Mộc, s. Khuê, tr. Trừ. <i>Nên</i> : Tế lễ, cầu phúc, kết hôn. <i>kị</i> : Hành tang, an sàng.	
SAMEDI 6	THÁNG HAI NGÀY QUÝ-HỢI 1	VENREDI 12	NGÀY KỶ-TI 7
KIẾN : Ất-mão. H. Thủy, s. Vĩ, tr. Thu. <i>Nên</i> : Tế lễ, nộp của, nuôi ngựa ở. <i>kị</i> : Xem bói, hành tang.		H. Mộc, s. Lâu, tr. Mão. <i>Nên</i> : Tạo, dọn thổ, dựng nhà. <i>kị</i> : trồng cây, chăn nuôi.	
DIMANCHE 7	NGÀY GIÁP-TÍ 2	SAMEDI 13	NGÀY CANH-NGO 8
H. Kim, s. Hư, tr. Khai. <i>Nên</i> : Hợp bạn, xuất hành, dâng biểu. <i>kị</i> : Tế lễ, mở kho.		H. Thổ, s. Vĩ, tr. Bình. <i>Nên</i> : Hợp bạn, xuất hành, cất nhà. <i>kị</i> : An táng, hành tang, an sàng.	

MARS
DIMANCHE
14

THÁNG HAI
9
NGÀY TÂN-VỊ

H. Thổ, s. Mão, tr. Đinh. *Nên* :
Dâng biểu, cầu tự, vấn danh, *kị* :
Hợp bạn, làm bếp.

MARS
SAMEDI
20

THÁNG HAI
NGÀY ĐINH-SỬ'U
15

H. Thủy, s. Liều, tr. Khai. *Nên* :
trồng cây, mở kho, làm bếp.
kị : Đào giếng, khai ngôi.

LUNDI
15

NGÀY NHÂM-THÂN
10

H. Kim, s. Tắt, tr. Chấp. *Nên* : Bắt
cá, đổi chỗ ở, *kị* : Khai ngôi, đào ao.

DIMANCHE
21

NGÀY MẬU-DẦN
16

H. Thổ, s. Tinh, tr. Bế.
Các việc đều không nên.

MARDI
16

NGÀY QUÍ-DẬU
11

H. Kim, s. Chủy, tr. Phá.
Các việc đều không nên.

LUNDI
22

NGÀY KỶ-MÃO
17

H. Thổ, s. Trương, tr. Kiến. *Nên* :
Đi việc quan, xuất hành, hợp bạn.
kị : Cho vay, an táng, xem bói.

MERCREDI
17

NGÀY GIÁP-TUẤT
12

H. Hỏa, s. Tâm tr. Ngụy. *Nên* : Cầu
phúc, kết hôn, hợp bạn. *kị* :
Mở kho, hành tang.

MARDI
23

NGÀY CANH-THÌN
18

H. Kim, s. Dực, tr. Trừ. *Nên* : Vào
học, xuất hành. *kị* : Hành tang,
an sàng.

JEUDI
18

NGÀY ẤT-HỢI
13

H. Hỏa, s. Tinh, tr. Thành. *Nên* :
Dâng biểu, đi việc quan. *kị* : trồng
cây, chăn nuôi.

MERCHEDI
24

NGÀY TÂN-TỊ
19

H. Kim, s. Chấn, tr. Mãn. *Nên* : Chấn
tầm, cầu phúc. *kị* : Đi đò, đổi
chỗ ở.

VENDREDI
19

NGÀY BÍNH-TÍ
14

H. Thủy, s. Quĩ tr. Thu.
Các việc đều không nên.
Nguyệt kị.

JEUDI
25

NGÀY NHÂM-NGỌ
20

H. Mộc, s. Dốc, tr. Bình. *Nên* :
Sửa đường sá, đắp tường vách.
kị : An sàng, hợp bạn.

MARS VENDREDI 26	THÁNG HAI NGÀY QUÍ-VỊ 21	AVRIL JEUDI 1	THÁNG HAI NGÀY KỶ-SỬ'U 27
H. Mộc, s. Cang, tr. Định. <i>Nên</i> : Kết hôn, cất nhà, mở chợ. <i>kị</i> : Kiện cáo, hành tang.		H. Hỏa, s. Đẩu, tr. khai. <i>Nên</i> : Tế lễ, xuất hành, họp bạn, mở chợ. <i>kị</i> : Phá khoán, hành tang.	
SAMEDI 27	NGÀY GIÁP-THÂN 22	VENDREDI 2	NGÀY CANH DẦN 28
H. Thủy, s. Đê, tr. Chấp. <i>Nên</i> : Bả cá, săn bắn. <i>kị</i> : Nạp tài.		H. Mộc, s. Ngưu, tr. Bế. <i>Nên</i> : Tế tự, cầu phúc, kiến trúc. <i>kị</i> : Kết hôn, động thổ	
DIMANCHE 28	NGÀY ẤT-DẬU 23	SAMEDI 3	NGÀY TÂN-MÃO 29
H. Thủy, s. Phòng, tr. Phá Mọi việc đều không nên. <i>Nguyệt kị</i> .		H. Mộc, s. Nữ, tr. kiến. <i>Nên</i> : Dâng biểu, cầu tự, kết hôn. <i>kị</i> : Xuất hành, đổi chỗ ở.	
LUNDI 29	NGÀY BÍNH-TUẤT 24	DIMANCHE 4	NGÀY NHÂM-THÌN 30
H. Thổ, s. Tâm, tr. Ngụy. <i>Nên</i> : Họp bạn, xuất hành. <i>kị</i> : Làm bếp, dựng cửa		H. Thủy, s. Hư, tr. Trừ. <i>Nên</i> : Xuất hành, gao dịch, đi việc quan. <i>kị</i> : Hành tang, khai cù.	
MARDI 30	NGÀY ĐINH HỢI 25	LUNDI 5	THÁNG BA NGÀY QUÍ-TỊ 1
H. Thổ, s. Vĩ, tr. Thành. <i>Nên</i> : Mở chợ, văn danh. <i>kị</i> : Đi đồ, kiện cáo.		Kiến : Bình-thìn, h. Thủy, s. Ngụy tr. Mãn. <i>Nên</i> : Tế tự, đắp nền, động thổ, kết lưới. <i>kị</i> : Hành tang, trừ phục (Thanh minh)	
MERCREDI 31	NGÀY MẬU TÍ 26	MARDI 6	NGÀY GIÁP-NGO 2
H. Hỏa, s. Cơ, tr. Thu. <i>Nên</i> : Họp bạn, xuất hành, mở kho. <i>kị</i> : Kết hôn, hành tang.		H. kim, s. Thất, tr. Bình. <i>Nên</i> : Sửa sang đường sá, vá đắp tường vách. <i>kị</i> : An sàng, hành tang.	

AVRIL
MERCREDI

7

THÁNG BA
NGÀY ẤT-VỊ

3

H. Kim, s. Bích tr. Định. *Nên*: Hợp bạn, xuất hành, kết hôn, cất nóc.
Ky: Trồng cây, xem bói, kiện cáo.

JEUDI

8

NGÀY BÌNH THÂN

4

H. Hoả, s. Khuê, tr. Định. *Nên*: Tế tự, kỳ phúc, hợp bạn, xuất hành.
Ky: Cất nhà, lập khoán.

VENDREDI

9

NGÀY ĐINH-DẬU

5

H. Hoả, s. Lâu, tr. Chấp.
Nên: Nộp của, săn bắn, bắt cá.
Ky: kết hôn, lợp nhà.
Nguyệt kỳ

SAMEDI

10

NGÀY MẬU-TUẤT

6

H. Mộc, s. Vị, tr. Phá. *Nên*: Tế-tự, cầu phúc, *Ky*: kết hôn, nộp của.

DIMANCHE

11

NGÀY KỶ-HỢI

7

H. Mộc s. Mão tr. Ngụy. *Nên*: Hợp bạn, tu tạo. *Ky*: Tậu ruộng, xuất vốn.

LUNDI

12

NGÀY CANH-TÍ

8

H. Thổ, s. Tất, tr. Thành. *Nên*: Tế tự, cầu tự, xuất hành, hợp bạn.
Ky: Phá khoán, an sàng.

AVRIL

MARDI

13

THÁNG BA

NGÀY TÂN-SỬU

9

H. Thổ, s. Quý, tr. Thu. *Nên*: Săn bắn, nạp tài. *Ky*: Kết hôn, hợp bạn.

MERCREDI

14

NGÀY NHÂM-DẦN

10

H. Kim, s. Sâm, tr. Khai. *Nên*: Vào học, hợp bạn, xuất hành. *Ky*: kết hôn, động thổ.

JEUDI

15

NGÀY QUÍ-MÃO

11

H. Kim, s. Tỉnh, tr. Bế. *Nên*: Xuất hành, hợp bạn, đóng kho, an sàng. *Ky*: Trồng cây, hành tang.

VENDREDI

16

NGÀY GIÁP-THÌN

12

H. Hỏa, s. Quý, tr. Kiến. *Nên*: Tế tự, cầu phúc, xuất hành. *Ky*: kết hôn, nhận ruộng.

SAMEDI

17

NGÀY ẤT-TỊ

13

H. Hỏa, s. Liễu tr. Trừ. *Nên*: Xuất hành, an sàng, làm bếp. *Ky*: Hành tang, an táng.

DIMANCHE

18

NGÀY BÌNH-NGỌ

14

H. Thủy, s. Tinh, tr. Mão. *Nên*: Cất nhà, cầu tự, xuất hành. *ky*: Mở kho, khai ngôi.

AVRIL

LUNDI

19

THÁNG BA

NGÀY ĐINH VI

15

H. Thủy, s. Trương, tr. Bình. *Nên* : Cầu phúc, đắp nền nhà, trồng cây. *Ky* : Kết hôn, hành tang, an sàng.

MARDI

20

NGÀY MẬU-THÂN

16

H. Thổ, s. Dực, tr. Đinh. *Nên* : Xuất hành, họp bạn, nộp của. *Ky* : Cất nhà, làm bếp.

MERCREDI

21

NGÀY KỶ-DẬU

17

H. Thổ, s. Chấn, tr. Chấp. *Nên* : Tu tạo, động thổ, an sàng. *Ky* : Xuất hành, ở xa về. *Cốc vũ*

JEUDI

22

NGÀY CANH-TUẤT

18

H. Kim, s. Dốc, tr. Phá. *Nên* : Giở nóc nhà, phá tường. *Ky* : Kết hôn, an sàng.

VENREDI

23

NGÀY TÂN-HỢI

19

H. Kim, s. Cang, tr. Ngụy. *Nên* : Mở chợ, lập khoán. *Ky* : Cất nhà, làm bếp.

SAMEDI

24

NGÀY NHÂM-TÍ

20

H. Mộc, s. Đê, tr. Thành. *Nên* : Vào học, mở chợ, cất nhà. *Ky* : Khai cù, đào ao.

AVRIL

DIMANCHE

25

THÁNG BA

NGÀY QUÍ-SỬU

21

H. Mộc, s. Phòng, tr. Thu. *Nên* : Tế-tự, cầu phúc. *Ky* : Đào giếng.

LUNDI

26

NGÀY GIÁP DẦN

22

H. Thủy, s. Tâm, tr. Khai. *Nên* : Mở chợ, vào học. *Ky* : Kết hôn.

MARDI

27

NGÀY ẤT-MÃO

23

H. Thủy, s. Vĩ, tr. Bế. *Nên* : Nộp của, đổi chỗ ở. *Ky* : Xuất hành, mở kho, *Nguyệt kì*

MERCREDI

28

NGÀY BÍNH-THÌN

24

H. Thổ, s. Cơ, tr. Kiến. *Nên* : Tế tự cầu phúc, xuất hành. *Ky* : An sàng, nhận ruộng

JEUDI

29

NGÀY ĐINH-TI

25

H. Thổ, s. Đẩu, tr. Trừ. *Nên* : Sửa đường sá, đắp tường vách. *Ky* : Kết hôn, hành tang.

VENREDI

30

NGÀY MẬU-NGO

26

H. Hỏa, s. Ngưu, tr. Mão. *Nên* : xuất hành, trồng cây, nuôi súc vật. *Ky* : cất nhà, làm bếp.

MAI
SAMEDI

1

THÁNG BA
NGÀY KỶ-VI

27

H. Hỏa, s. Nữ, tr. Bình. *Nên* : đắp nền nhà, đắp tường vách, mở chợ. *kị* : kết hôn lập khoán.

DIMANCHE

2

NGÀY CANH-THÂN

28

H. Mộc, s. Hư, tr. Đinh. *Nên* : Tế tự, nhập học, cất nhà, kết hôn. *kị* : khai cù, đào ao.

LUNDI

3

NGÀY TÂN-DẬU

29

H. Mộc, s. Ngụy, tr. Chấp. *Nên* : Tế tự, kỷ phúc, tu tạo. *kị* : hành tang, làm bếp.

MARDI

4

THÁNG TƯ
NG. NHÂM-TUẤT

1

Kiến : Đinh-tị. H. Thủy, s. Thất, tr. Ngụy. *Nên* : mở chợ, nhập học, xuất hành. *kị* : mở kho. an sàng,

MERCREDI

5

NGÀY QUÍ-HỢI

2

H. Thủy, s. Bính, tr. Thành. *Nên* : Tế tự, vào học, cất nhà, kết hôn, *kị* : trồng cây, săn bắn

JEUDI

6

NGÀY GIÁP-TÍ

3

H. kim, s. Khuê, tr. Thu. *Nên* : Săn bắn, nộp của; *kị* : Kết hôn
Lập hạ

MAI
VENDREDI

7

THÁNG BA
NGÀY ẤT-SỬU

4

H. Kim, s. Lâu, tr. Khai. *Nên* : Dâng biếu, đi việc quan, vào học, *kị* : phạt mộc, làm bếp.

SAMEDI

8

NGÀY BÍNH-DẦN

5

H. Hỏa, s. Vị, tr. Khai. Mọi việc đều không nên.
Nguyệt kỵ.

DIMANCHE

9

NGÀY ĐINH-MÃO

6

H. Hỏa, s. Mão, tr. Bế. *Nên* : dựng cửa, làm bếp. *kị* : xuất hành.

LUNDI

10

NGÀY MẬU-THÌN

7

H. Kim, s. Tất, tr. Kiến. *Nên* : Hợp bạn, xuất hành, giao dịch. *Kỵ* : kết hôn.

MARDI

11

NGÀY KỶ-TỊ

8

H. Thổ, s. Chủy tr. Trừ. *Nên* : Xuất hành, dựng cột, cất nóc *kỵ* : Xem bói, kiện cáo.

MERCREDI

12

NGÀY CANH-NGO

9

H. Thổ s. Lâm, tr. Mão. *Nên* : Xuất hành, vào học, giao dịch. *kỵ* : Cất nhà.

MAI

JEUDI

13

THÁNG BA

NGÀY TÂN-VỊ

10

H. Thổ, s. Tỉnh, tr. Bình. *Nên* :
Sửa sang đường sá, và đắp tường
vách. *kị* : Hạp bạn, góp vốn.

VENREDI

NGÀY NHÂM-THÂN

14

11

H. Kim, s. Quĩ, tr. Định. *Nên* :
Xuất hành, giao dịch, tu tạo
kị : Hành tang.

SAMEDI

NGÀY QUÍ-DẬU

15

12

H. Kim, s. Liễu, tr. Chấp. *Nên* :
Dâng biền, hạp bạn, xuất hành.
kị : Xem bói, kiện cáo.

DIMANCHE

NGÀY GIÁP-TUẤT

16

13

H. Hỏa, s. Tỉnh, tr. Phá.
Các việc đều không nên

LUNDI

NGÀY ẤT-HỢI

17

14

H. Hỏa, s. Trương, tr. Ngụy
Nên : Tế tự, kỷ phúc, xuất hành
kị : Giá thú
Nguyệt kị

MARCI

NGÀY BÍNH-TÍ

18

15

H. Thủy, s. Dực, tr. Thành. *Nên* :
Hạp bạn, xuất hành, giá thú, cất
nhà. *kị* : Đào giếng, khai ngôi.

MAI

MERCREDI

19

THÁNG BA

NGÀY ĐINH-SỬU

16

h. Thủy s. Chấn, tr. Thu. *Nên* :
Săn bắn, tế lễ, cầu phúc. *kị* :
Nhận ruộng, hành tang.

JEUDI

NGÀY MẬU-DẦN

20

17

H. Thổ, s. Dốc, tr. Khai. *Nên* :
Tế tự, cầu tự, vào học, giao dịch.
kị : An sàng, an táng

VENREDI

NGÀY KỶ-MÃO

21

18

H. Thổ, s. Cang, tr. Bế. *Nên* :
Đóng kho, thu vốn. *kị* : Trồng
cây, chăn nuôi.

SAMEDI

NGÀY CANH-THÌN

22

19

H. Kim, s. Đê, tr. Kiến. *Nên* : Tế
tự, hạp bạn, xuất hành. *kị* :
Xem bói, kiện cáo.
Tiểu mãn

DIMANCHE

NGÀY TÂN-TỊ

23

20

H. Kim, s. Phòng, tr. Trừ. *Nên* :
Tế tự, tu tạo, xuất hành, giao
dịch. *kị* : khơi nước, lập khoán.

LUNDI

NGÀY NHÂM-NGỌ

24

21

H. Mộc, s. Tâm tr. Mãn. *Nên* :
Tế tự, cấp ruộng, làm bếp *kị* :
Hạp bạn, đi dò.

MAI
MARDI

25

THÁNG TƯ
NGÀY QUÍ-VỊ

22

H. Mộc, s. Vĩ, tr. Bình. *Nên* : Tế tự, cầu phúc, xuất hành. *Kỵ* : Kết hôn, hành tang.

MERCREDI

26

NGÀY GIÁP-THÂN

23

H. Thủy, s. Cơ, tr. Định. *Nên* : Mở chợ, lập khoán, giao dịch. *kỵ* : kết hôn. *Nguyệt kỵ*.

JEUDI

27

NGÀY ẤT-DẬU

24

H. Thủy, s. Đẩu, tr. Chấp. *Nên* : Đi việc quan, đi nhậm chức, đổi chỗ ở. *kỵ* : Xem bói, kiện cáo.

VENDREDI

28

NGÀY BÍNH-TUẤT

25

H. Thổ, s. Ngưu, tr. Phá. *Nên* : Săn bắn, dỡ ngói, phá tường. *kỵ* : Cất nhà, làm bếp.

SAMEDI

29

NGÀY ĐINH-HỢI

26

H. Thổ, s. Nữ, tr. Ngưu. *Nên* : Tu tạo, trồng cây, gá thú. *Kỵ* : kiện cáo, ở xa về.

DIMANCHE

30

NGÀY MẬU-TÍ

27

H. Hỏa, s. Hư, tr. Thành. *Nên* : Cầu tự, dâng biểu, xuất hành *kỵ* : Đào giếng, khai ngòi.

MAI
LUNDI

31

THÁNG TƯ
NGÀY KỶ-SỬU

28

H. Hỏa, s. Ngưu tr. Thu. *Nên* : Chăn nuôi súc vật, nộp của, trồng cây. *kỵ* : Cho vay, góp vốn.

JUIN

MARDI

1

NGÀY CANH-DẦN

29

H. Mộc, s. Thất, tr. khai. *Nên* : Họp bạn, mở chợ, giao dịch. *kỵ* : Cầu tự

MERCREDI

2

NGÀY TÂN-MÃO

30

H. Mộc, s. Bính tr. Bế. *Nên* : Họp bạn, xuất hành, mở chợ. *kỵ* : Hôn nhân, cất nhà.

JEUDI

3

THÁNG NĂM

NGÀY NHÂM THÌN

1

KIỆN: Mậu-ngọ, H. Thủy, s. Khuê tr. Kiết. *Nên* : Họp bạn, mở chợ, cất nhà. *kỵ* : Mở kho.

VENDREDI

4

NGÀY QUÍ-TỊ

2

H. Thủy, s. Lâu, tr. Trừ. *Nên* : Tắm gội, mở cửa, làm bếp. *kỵ* : Họp bạn.

SAMEDI

5

NGÀY GIÁP-NGO

3

H. kim, s. Vị, tr. Mão. *Nên* : Tế tự kỳ phúc, nạp tài. *kỵ* : Tắm gội

JUIN DIMANCHE 6	THÁNG NĂM NGÀY ẤT-VỊ 4
H. Kim. s. Mão. tr. Bình. <i>Nên</i> : Vào học, họp bạn, xuất hành. <i>Kỵ</i> : Hanh tang. <i>Mang</i> lưc.	
LUNDI 7	NGÀY BÌNH-THÂN 5
H. Hoả, s. Tất, tr. Bình. <i>Nên</i> : Tắm gội. <i>kị</i> : Xuất hành. <i>Nguyệt</i> <i>kỵ</i> .	
MARDI 8	NGÀY ĐINH-DẬU 6
H. Hoả. s. Chủy, tr. Đinh. <i>Nên</i> : Họp bạn, xuất hành, mở chợ. <i>kị</i> : Vào học.	
MERCREDI 9	NGÀY MẬU-TUẤT 7
H. Mộc, s. Sâm, tr. Chấp. <i>Nên</i> : nạp tài, bộ tróc. <i>kị</i> : Họp bạn, xuất hành.	
JEUDI 10	NGÀY KỶ-HỢI 8
H. Mộc, s. Tinh, tr. Phá. <i>Nên</i> : tắm gội, giỡn ngói, phá tường. <i>Kị</i> : Cất nhà.	
VENDREDI 11	NGÀY CANH-TÍ 9
H. Thổ, s. Quĩ, tr. Ngụy. <i>Nên</i> : Mở chợ, lập khoán, giao dịch. <i>kị</i> : Tế tự.	

JUIN SAMEDI 12	THÁNG NĂM NGÀY TÂN-SỬ-U 10
H. Thổ, s. Liễu, tr. Thành. <i>Nên</i> : Xuất hành, dâng biểu, lên quan, vào học. <i>kị</i> : Kết hôn.	
DIMANCHE 13	NGÀY NHÂM-DẦN 11
H. Kim, s. Tinh, tr. Thu. <i>Nên</i> : Xuất hành, vào học, nạp tài, bộ tróc. <i>kị</i> : Trồng cây.	
LUNDI 14	NGÀY QUỊ-MÃO 12
H. Kim, s. Trương, tr. Khai. <i>Nên</i> : Vào học, mở chợ, tu tạo, động thổ. <i>kị</i> : Chăn nuôi súc vật.	
MARDI 15	NGÀY GIÁP-THÌN 13
H. Hỏa, s. Dự, tr. Bế. <i>Nên</i> : Tế tự, kỳ phúc, nuôi súc vật. <i>kị</i> : trồng cây.	
MERCREDI 16	NGÀY ẤT-TỊ 14
H. Hỏa, s. Chấn, tr. Kiến. <i>Nên</i> : Mở chợ, giao dịch, xuất hành, <i>kị</i> : Cầu-tự. <i>Nguyệt</i> <i>kị</i> .	
JEUDI 17	NGÀY BÌNH-NGO 15
H. Thủy, s. Giác, tr. Trừ. <i>Nên</i> : Tế tự, đi xa, giao dịch. <i>kị</i> : Tắm gội.	

JUIN
VENDREDI

18

THÁNG NĂM
NGÀY ĐINH-VỊ

16

H. Thủy, s. Cang, tr. Mãn. *Nên* :
Trồng cây, giao dịch, xuất hành,
cất nhà. *kị* : Kết hôn.

SAMEDI

19

NGÀY MẬU-THÂN

17

H. Thổ, s. Đê, tr. Bình. *Nên* :
Hợp bạn, mở chợ, giao dịch.
kị : Gia thú.

DIMANCHE

20

NGÀY KỶ-DẬU

18

H. Thổ, s. Phòng, tr. Định. *Nên* :
Mở chợ, xuất hành, giao dịch,
tu tạo. *kị* : Trồng cây.

LUNDI

21

NGÀY CANH-TUẤT

19

H. Kim, s. Tâm, tr. Chấp. *Nên* :
Bộ tróc, săn bắn. *ky* : Cất nhà.

MARDI

22

NGÀY TÂN-HỢI

20

H. Kim, s. Vĩ, tr. Phá.
Các việc không nên làm.
Hạ chí.

MERCREDI

23

NGÀY NHÂM-TÍ

21

H. Mộc, s. Cơ, tr. Nguy. *Nên* :
May áo, trồng cây, đi săn bắn.
kị : khai thương.

JUIN
JEUDI

24

THÁNG NĂM
NGÀY QUÍ-SỬU

22

H. Mộc, s. Đẩu, tr. Thành. *Nên* :
Vào học, hợp bạn, xuất hành.
Kị : May áo.

VENDREDI

25

NGÀY GIÁP-DẦN

23

H. Thủy, s. Ngưu, tr. Thu. *Nên* :
Nạp tài, bộ tróc, trồng cây.
kị : Cất nhà.
Nguyệt kị.

SAMEDI

26

NGÀY ẤT-MÃO

24

H. Thủy, s. Nữ, tr. Khai.
Các việc không nên làm.

DIMANCHE

27

NGÀY BÍNH-THÌN

25

H. T ỏ, s. Hư, tr. Bế. *Nên* : Tu
tạo, động thổ, đi săn. *ky* : Giá
thú, cất nhà.

LUNDI

28

NGÀY ĐINH-TỊ

26

H. Thổ, s. Nguy, tr. Kiến. *Nên* :
Cất nhà, gia thú, vào học, xuất
hành. *ky* : trồng cây.

MARDI

29

NGÀY MẬU-NGO

27

H. Hỏa, s. Thất, tr. Trừ. *Nên* :
Mở chợ, giao dịch, nạp tài. *Ky* :
Đi săn.

JUIN
MERCREDI

30

THÁNG NĂM
NGÀY KỶ-VỊ

28

H. Hỏa, s. Bích, tr. Mãn. *Nên* :
Xuất hành, họp bạn, giao dịch
Kị : Hành tang.

JUILLET

JEUDI

1

NG. CANH-THÂN

29

H. Mộc, s. Khuê, tr. Bình.
Nên : Sửa chữa cửa nhà, đường
sá. *kị* : Hôn nhân

VENDREDI

2

THÁNG SÁU
NGÀY TÂN-DẬU

1

Kiến : Kỷ-vị, H. Mộc, s. Lâu, tr.
Đinh. *Nên* : Tu tạo, động thổ,
xuất hành, họp bạn, lên quan.
kị : Cất nhà.

SAMEDI

3

NG. NHÂM-TUẤT

2

H. Thủy, s. Vị, tr. Chấp. *Nên* : Bộ
tróc, săn bắn, đánh cá. *kị* : Tế tự.

DIMANCHE

4

NGÀY QUÝ-HỢI

3

H. T. ủy, s. Mão, tr. Phá.
Các việc đều xấu cả.

LUNDI

5

NGÀY GIÁP-TÍ

4

H. Thủy, s. Tất, tr. Nguy. *Nên* :
Tu tạo, kỷ phúc, họp bạn, xuất
hành. *kị* : An táng.

JUILLET

MARDI

6

THÁNG SÁU

NGÀY ẤT SỬU

5

H. Kim, s. C. ủy, tr. Thành. *Nên* :
Dâng biểu, lên quan, kết hôn,
cất nhà. *kị* : Săn bắn.
Nguyệt kị

MERCREDI

7

NGÀY BÍNH-DẦN

6

H. Hỏa, s. Lâm, tr. Thu. *Nên* :
Họp bạn, xuất hành, giao dịch.
kị : Mở kho.

JEUDI

8

NGÀY ĐINH MÃO

7

H. Hỏa, s. T. ỉnh, tr. Thu. *Nên* :
Mở chợ, giao dịch, trồng cây.
kị : Cất nhà.
Tiểu thử

VENDREDI

9

NGÀY MẬU-THÌN

8

H. Mộc, s. Qu. ỉ, tr. Khai. *Nên* :
Tế tự, kỷ phúc, xuất hành, mở
chợ. *kị* : Hành tang.

SAMEDI

10

NGÀY KỶ-T. Ỉ

9

H. Mộc, s. Liễu, tr. B. ế. *Nên* : Xuất
hành, tu tạo, lên quan.
kị : May áo.

DIMANCHE

11

NGÀY CANH-NGO

10

H. Thổ, s. T. ỉnh, tr. Kiến.
Nên : Tế tự, kỷ phúc, kết hôn.
kị : Cất nhà.

JUILLET

LUNDI

12

THÁNG SÁU

NGÀY TÂN-VỊ

11

H. Thổ, s. Trương, tr. Trừ.
Nên : Tế-tự, kỳ phúc, mở chợ,
 giao dịch. *Ky* : Kết hôn.

MARDI

13

NGÀY NHÂM-THÂN

12

H. Kim, s. Dực, tr. Mãn. *Nên* :
 Mở kho, nạp tài. *Ky* : Xuất hành.

MERCREDI

14

NGÀY QUÝ-DẬU

13

H. Kim, s. C ần, tr. Bình. *Nên* :
 Sửa chữa cửa nhà, động thổ.
ky : Kết hôn.

JEUDI

15

NGÀY GIÁP-TUẤT

14

H. Hoả, s. Giốc, tr. Định. *Nên* : Tế
 tự, kỳ phúc, họp bạn, xuất hành.
Nguyệt kỳ

VENDREDI

16

NGÀY ẤT-HỢI

15

H. Hoả, s. Cang, tr. Chấp.
Nên : Đi săn, đánh cá, giao dịch.
Ky : kết hôn.

SAMEDI

17

NGÀY BÍNH-TÍ

16

H. Thủy, s. Đê, tr. Phá.
 Các việc đều không nên.

JUILLET

DIMANCHE

18

THÁNG SÁU

NGÀY ĐINH SỬU

17

H. Thủy, s. Phòng, tr. Nguy. *Nên* :
 Hợp bạn, xuất hành, mở chợ,
 cầu tự. *Ky* : Hành tang.

LUNDI

19

NGÀY MẬU-DẦN

18

H. Thổ, s. Tâm, tr. Thành. *Nên* :
 Cất nhà, kết hôn, nạp tài. *Ky* :
 Phạt mộc

MARDI

20

NGÀY KỶ-MÃO

19

H. T ồ, s. Vĩ, tr. Thu. *Nên* : Tế-
 tự, kỳ phúc, xuất hành.
ky : Cất nhà.

MERCREDI

21

NGÀY CANH-THÌN

20

H. Kim, s. Cơ, tr. Khai. *Nên* : Vào
 học, mở chợ, mở kho,
Ky : Bộ tróc

JEUDI

22

NGÀY TÂN-TỊ

21

H. Kim, s. Đầu, tr. Bế.
Nên : Tắm gội, trồng cây, nuôi
 súc vật. *Ky* : cất nhà.

VENDREDI

23

NGÀY NHÂM-NGO

22

H. Mộc, s. Ngưu, tr. Kiến. *Nên* :
 Tu tạo, động thổ, mở kho.
Ky : Tắm gội.

SAMEDI	NGÀY QUÍ-VI
24	23
H. Mộc, s. Nữ, tr. Trừ. Các việc không nên làm. <i>Nguyệt kỵ</i> Đại thử	

DIMANCHE	NGÀY GIÁP-THÂN
25	24
H. Thủy, s. Hư, tr. Mãn. <i>Nên</i> : Hạp bạn, xuất hành <i>kị</i> : giá thú.	

LUNDI	NGÀY ẤT-DẬU
26	25
H. Thủy, s. Nguy, tr. Bình. <i>Nên</i> : Hạp bạn, xuất hành. <i>kị</i> : Nạp tài.	

MARDI	NGÀY BÍNH-TUẤT
27	26
H. thổ, s. Thất, tr. Định. <i>Nên</i> : tu tạo, động thổ, xuất hành. <i>kị</i> : vào học.	

MERCREDI	NGÀY ĐINH-HỢI
28	27
H. Thổ, s. Bích, tr. Chấp <i>Nên</i> : Hạp bạn, bộ tróc, nạp tài. <i>kị</i> : Kết hôn.	

JEUDI	NGÀY MẬU-TI
29	28
H. Hỏa, s. Khuê, tr. Phá. Các việc đều không nên	

VENDREDI	NGÀY KỶ-SỬ-Ư
30	29
H. Hỏa, s. Lâu, tr. Nguy. <i>Nên</i> : Hạp bạn, xuất hành, nạp tài. <i>kị</i> : trồng cây.	

SAMEDI	NGÀY CANH-DẦN
31	30
H. Mộc, s. Vị, tr. Thành. <i>Nên</i> : hạp bạn, xuất hành, mở chợ. <i>kị</i> : kết hôn.	

AOUT DIMANCHE	THÁNG BẢY NGÀY TÂN-MÃO
1	1
KIẾN: Canh thân, h. Mộc, s. Mão, tr. Thu. <i>Nên</i> : bộ tróc, săn bắn, nạp tài. <i>kị</i> : xuất hành.	

LUNDI	NGÀY NHÂM-THÌN
2	2
H. Thủy, s. Tất, tr. Khai. <i>Nên</i> : Hạp bạn, dâng biểu, cầu tự. <i>kị</i> : Uống thuốc.	

MARDI	NGÀY QUÍ-TI
3	3
H. Thủy, s. Chủy, tr. Bế. <i>Nên</i> : Nạp tài, nuôi súc vật. <i>kị</i> : An sàng.	

MERCREDI	NGÀY GIÁP-NGỌ
4	4
H. Kim, s. Sâm, tr. Kiến. <i>Nên</i> : Tế tự, tắm gội, sửa sang cửa nhà <i>kị</i> : Hạp bạn.	

AOÛT

JEUDI

5

THÁNG BẢY

NGÀY ẤT-VỊ

5

H. Kim, s. Đầu, tr. Trừ. *Nên* :
Hợp bạn, xuất hành, Thụ phong
lâm chính. *Nguyệt kỵ*

VENREDI

6

NGÀY BÌNH-THÂN

6

H. Hoả, s. Quĩ, tr. Mãn. *Nên* :
Tế tự, tu tạo
kị : Kết hôn.

SAMEDI

7

NGÀY ĐINH-DẬU

7

H. Hỏa, s. Liễu tr. Bình. *Nên* :
sửa sang đường xá, đắp tường
vách *kị* : xuất hành.

DIMANCHE

8

NGÀY MẬU-TUẤT

8

H. Mộc, s. Tinh, tr. Định. *Nên* :
kết hôn, cất nhà, uống thuốc
Kị : Tế tự. *Lập-Thu*

LUNDI

9

NGÀY KỶ-HỢI

9

H. Mộc, s. Trương, tr. Định.
Nên : Tế tự, tu tạo, cất nhà,
kết hôn. *kị* : Đào giếng

MARDI

10

NGÀY CANH-TÍ

10

H. Thổ, s. dục, tr. Chấp. *Nên* :
Săn bắn, bộ tróc, nạp tài,
Kỵ : Kết hôn

AOÛT

MERCREDI

11

THÁNG BẢY

NGÀY TÂN-SỬU

11

H. Thổ, s. Chấn, tr. Phá.
Các việc đều không nên

JEUDI

12

NGÀY NHÂM-DẦN

12

H. Kim, s. Giốc, tr. Nguy. *Nên* :
tu tạo, động thổ, nạp tài,
kị : xuất hành

VENREDI

13

NGÀY QUÍ-MÃO

13

H. Kim, s. Cang tr. Thành. *Nên* :
tu tạo, xuất hành, mở chợ.
kị : Kết hôn

SAMEDI

14

NGÀY GIÁP-THÌN

14

H. Hỏa, s. Đê, tr. Thu
Nên : Tắm gội.
Nguyệt kỵ.

DIMANCHE

15

NGÀY ẤT-TỊ

15

H. Hoả, s. Phòng, tr. Khai. *Nên* :
Xuất hành, vào học, kết hôn.
kị : Làm bếp.

LUNDI

16

NGÀY BÌNH-NGỌ

16

H. Thủy, s. Tâm, tr. Bế. *Nên* :
bộ tróc, săn bắn, an táng.
kị : Vào học

AOÛT
MARDI

17

THÁNG BẢY
NGÀY ĐINH-VỊ

17

H. Thủy, s. Vĩ tr. Kiến. *Nên* : Tu
tạo, động thổ, cất nhà.
Kỵ : Xuất hành.

MERCHEDI

18

NGÀY MẬU-THÂN

18

H. Thổ, s. Cơ, tr. Trừ. *Nên* : Tắm
gội, đổi chỗ ở. *Kỵ* : Kết hôn

JEUDI

19

NGÀY KỶ-DẬU

19

H. Thổ, s. Dâu, tr. Mãn. *Nên* :
Hợp bạn, xuất hành, tu tạo.
kỵ : Tắm gội.

VENDREDI

20

NGÀY CANH-TUẤT

20

H. Kim, s. Ngưu, tr. Bình. *Nên* :
Tế-tự, kết lưôi. *Kỵ* : Cất nhà.

SAMEDI

21

NGÀY TÂN-BỢI

21

H. Kim, s. Nữ, tr. Định. *Nên* : Tế
tự, kế hôn, tu tạo. *Kỵ* : An sàng.

DIMANCHE

22

NGÀY NHÂM-TÍ

22

H. Mộc, s. Hư, tr. Chấp. *Nên* : Tế
tự, bộ tróc, săn bắn, cất nhà.
kỵ : hành tang.

AOÛT
LUNDI

23

THÁNG BẢY
NGÀY QUÍ-SỬU

23

H. Mộc, s. Ngưu, tr. P. á.
Các việc đều không nên
Nguyệt kỵ

MARDI

24

NGÀY GIÁP-DẦN

24

H. Thủy, s. Thất tr. Ngưu. *Nên* :
Hợp bạn, xuất hành, lên quan,
lâm chí h. *Kỵ* : Cầu tự.
Xử thử

MERCHEDI

25

NGÀY ẤT-MÃO

25

H. Thủy, s. Bich, tr. Thành. *Nên* :
Vào học, kết hôn, cất nhà.
Kỵ : Trồng cây.

JEUDI

26

NGÀY BÍNH-THÌN

26

H. Thổ s. Khuê, tr. Thu. *Nên* :
Đổi chỗ ở, nạp tài. *Kỵ* : Vào học

VENDREDI

27

NGÀY ĐINH-TỊ

27

H. Thổ s. Lâu, tr. Khai. *Nên* : Bộ
tróc, đi ăn, cất nhà. *kỵ* : Tắm gội.

SAMEDI

28

NGÀY MẬU-NGỌ

28

H. Hỏa, s. Vị, tr. Bế. *Nên* : Hợp
bạn, xuất hành, cất nhà, may áo.
kỵ : lên quan.

AOUT
DIMANCHE

29

H. Hỏa, s. Mão, tr. Kiến.
Nên: Tắm gội, an táng.
kị: Lợp nhà

THÁNG BẢY
NGÀY KỶ-VỊ

29

SEPTEMBRE
SAMEDI

4

H. Kim, s. Liễu, tr. Phá.
Các việc đều không nên.
Nguyệt kị.

THÁNG TÁM
NGÀY ẤT-SỬU

5

LUNDI

30

H. Mộc, s. Tất, tr. Trừ.
Nên: Tế tự, họp bạn, xuất hành.
kị: kết hôn.

NG. CANH-THÂN

30

DIMANCHE

5

NGÀY BÍNH-DẦN

6

H. Hỏa, s. Tinh, tr. Nguy.
Nên: kết hôn, đi săn, nạp tài.
kị: phạt mộc.

MARDI

31

Kiến: Tân-dậu, h. Mộc, s. Chủy, tr. Mãn. Nên: Tu tạo, xuất hành, lên quan, lâm chính. kị: tắm gội.

THÁNG TÁM
NGÀY TÂN-DẬU

1

LUNDI

6

NGÀY ĐINH-MÃO

7

H. Hỏa, s. Trương, tr. Thành.
Nên: vào học, họp bạn, xuất hành, giao dịch. kị: đi săn.

SEPTEMBRE

MERCREDI

1

H. Thủy, s. Sâm, tr. Bình.
Nên: tu tạo, vào học, xuất hành.
Kị: giá thú.

NG. NHÂM-TUẤT

2

MARDI

7

NGÀY MẬU-THÌN

8

H. Mộc, s. Dực, tr. Thu.
Nên: bộ tróc, săn bắn, nạp tài.
kị: kết hôn

JEUDI

2

H. Thủy, s. Tinh, tr. Định.
Nên: tu tạo, xuất hành, nạp tài
Kị: bộ tróc.

NGÀY QUÝ-HỢI

3

MERCREDI

8

NGÀY KỶ-TÌ

9

H. Mộc, s. chần, tr. khai. Nên: Tế tự, họp bạn, mở chợ. kị: Au sàng. Bạch lộ.

VENDREDI

3

H. Kim, s. Quĩ, tr. Chấp.
Nên: Tế tự, cầu phúc, an sàng.
kị: cất nhà.

NGÀY GIÁP-TÍ

4

JEUDI

9

NGÀY CANH-NGO

10

H. Thổ, s. Giốc, tr. Bế. Nên: Tắm gội, sửa đường xá, cửa nhà.
kị: vào học

SEPTEMBRE

VENDREDI

10

THÁNG TÂM

NGÀY TÂN-VỊ

11

H. Thồ, s. Cang, tr. Kiến. *Nên*:
Tu tạo, động thổ, kết hôn.
kị: Săn bắn.

SAMEDI

11

NGÀY NHÂM THÂN

12

H. Kim, s. Đê, tr. Kiến. *Nên*: Hợp
bạn, xuất hành, an môn, tu tạo.
kị: Giá thú.

DIMANCHE

12

NGÀY QUÝ-DẬU

13

H. Kim, s. Phòng, tr. Mão. *Nên*:
Tu tạo, động thổ, mở chợ.
kị: Phạt mộc.

LUNDI

13

NGÀY GIÁP TUẤT

14

H. Hỏa, s. Tâm, tr. Mão. *Nên*: Nạp
tài, bộ tróc, đi săn. *kị*: Tế tự.
Nguyệt kị.

MARDI

14

NGÀY ẤT-HỢI

15

H. Hỏa, s. Vĩ, tr. Mão. *Nên*: Tế
tự, lập tài, đi săn. *kị*: Kết hôn.

MERCREDI

15

NGÀY BÍNH-TÝ

16

H. Thủy, s. Cơ, tr. Bình. *Nên*: Mở
cửa, làm bếp, mở chợ.
Kị: Kết hôn.

SEPTEMBRE

JEUDI

16

THÁNG TÂM

NGÀY ĐINH-SỬU

17

H. Thủy, s. Dậu, tr. Đinh. *Nên*:
Hợp bạn, xuất hành, kết hôn.
kị: Kết lưôi.

VENDREDI

17

NGÀY MẬU-DẦN

18

H. Thồ, s. Ngưu, tr. Chấp. *Nên*:
Bộ tróc, săn bắn, nạp tài.
Kị: Cắt nhà.

SAMEDI

18

NGÀY KỶ-MÃO

19

H. Thồ, s. Nữ, tr. Phá.
Nên: Tế tự. *Kị*: Kết hôn.

DIMANCHE

19

NGÀY CANH-THÂN

20

H. Kim, s. Hư, tr. Ngự. *Nên*:
Tế tự, cầu phúc, cầu tự.
Kị: kết hôn.

LUNDI

20

NGÀY TÂN-TỊ

21

H. Kim, s. Ngự, tr. Thành. *Nên*:
Mở chợ, lập khoán, giao dịch.
kị: Săn bắn.

MARDI

21

NGÀY NHÂM-NGỌ

22

H. Mộc, s. Thất, tr. Thu.
Nên: Tu tạo, bộ tróc, săn bắn.
kị: Xuất hành.

SEPTEMBRE

MERCREDI

22

THÁNG TÂM

NGÀY QUÍ-VỊ

23

H. Mộc. s. Bích, tr. Khai. *Nên* :
Tắm gội, đi săn, trồng cây.
Nguyệt kị.

JEUDI

23

NGÀY GIÁP-THÂN

24

H. Thủy, s. Khuê, tr. Bể. *Nên* :
Tế tự, kỳ phúc, nạp tài. *Kỵ* :
Vào học.

VENDREDI

24

NGÀY ẤT-DẬU

25

H. Thủy, s. Lâu, tr. Kiến. *Nên* :
Xuất hành, lên quan, nhậm chức
ky : Hà h tang
Thu phân

SAMEDI

25

NGÀY BÍNH-TUẤT

26

H. Thổ. s. Vị, tr. Trừ. *Nên* : Tu
tạo, động thổ, nạp tài
kị : Phạt mộc

DIMANCHE

26

NGÀY ĐINH-HỢI

27

H. Thổ, s. Mão, tr. Mãn. *Nên* :
Tu tạo, kỳ phúc, cầu tự
ky : Trồng cây

LUNDI

27

NGÀY MẬU-TÍ

28

H. Hỏa, s. Tất, tr. Bình. *Nên* :
Đổi chỗ ở, tắm gội, trồng cây.
kị : Kết hôn

SEPTEMBRE

MARDI

28

THÁNG TÂM

NGÀY KỶ-SỬ'U

29

H. Hỏa. s. Chủy, tr. Định. *Nên* :
Tu tạo, xuất hành, cất nhà
kị : Động thổ

MERCREDI

29

THÁNG CHÍN

NGÀY CANH DẦN

1

Kiến : Nhâm-tuất H. Mộc, s. Sâm,
tr. Chấp. *Nên* : Nạp tài, đi săn,
kết lười. *ky* : Kết hôn

JEUDI

30

NGÀY TÂN-MÃO

2

H. Mộc, s. Tỉnh, tr. Phá. *Nên* :
Tắm gội, tế tự, *Kị* : kết hôn

OCTOBRE

VENDREDI

1

NGÀY NHÂM-THÌN

3

H. Thủy, s. Quỉ, tr. Nguy. *Nên* :
Tu tạo, xuất hành, vào học, lên
quan. *kị* : Phạt mộc

SAMEDI

2

NGÀY QUÍ-TỊ

4

H. Thủy, s. Liễu, tr. Thành
Nên : Cất nhà, may áo, trồng
cây. *Kỵ* : uống thuốc

DIMANCHE

3

NGÀY GIÁP-NGỌ

5

H. Kim, s. tinh, tr. thu. *Nên* : đi
săn, bộ tróc, cầu tự. *Kỵ* : lên quan
Nguyệt kị

OCTOBRE

LUNDI

4

H. Kim, s. Trương, tr. Khai.
Nên : Tế tự, kỳ phúc, cầu tự,
mở chợ. Kỵ : an sàng

MARDI

5

H. Hỏa, s. Dực, tr. Bế
Các việc đều không nên

MERCREDI

6

H. Hỏa, s. Chấn, tr. Bế. Nên :
Tắm gội, trồng cây, may áo
Kỵ : Lên quan

JEUDI

7

H. Mộc, s. Giốc, tr. Kiến. Nên :
Tế tự, kỳ phúc, cầu tự
kỵ : xuất hành

VENDREDI

8

H. Mộc, s. Cang, tr. Trừ. Nên :
tu tạo, động thổ, an sàng.
kỵ : Tế tự

SAMEDI

9

H. Thổ, s. Đê, tr. Mãn. Nên : Tu
tạo, động thổ, Mơ kho.
kỵ : giá thú
Hàn lộ

THÁNG CHÍN

NGÀY ẤT-VỊ

6

NGÀY BÍNH-THÂN

7

NGÀY ĐINH-DẬU

8

NGÀY MẬU-TUẤT

9

NGÀY KỶ-HỢI

10

NGÀY CANH-TÍ

11

OCTOBRE

DIMANCHE

10

H. Thổ, s. Phòng, tr. Bình. Nên :
Sửa sang đường sá, cửa nhà, tu
tạo. Kỵ : nhậm chức

LUNDI

11

H. Kim, s. tâm, tr. Đinh. Nên :
Hợp bạn, Mở chợ, giao dịch.
kỵ : Đào giếng

MARDI

12

H. Kim, s. Vĩ, tr. Chấp. Nên : Bộ
tróc, săn bắn nạp tài. Kỵ : kết hôn
Nguyệt kỵ :

MERCREDI

13

H. Hỏa, s. Cơ, tr. Phá. Nên :
tế tự, tắm gội, Kỵ : Cất nhà

JEUDI

14

H. Hỏa, s. Đầu, tr. Nguy. Nên :
tu tạo, xuất hành, vào học
kỵ : phạt mộc

VENDREDI

15

H. Thủy, s. Ngưu, tr. Thành.
Nên : Hợp bạn, kết hôn, cất nhà
kỵ : trồng cây

THÁNG CHÍN

NGÀY TÂN-SỬU

12

NGÀY NHÂM-DẦN

13

NGÀY QUÝ-MÃO

14

NGÀY GIÁP-THÌN

15

NGÀY ẤT-TỊ

16

NGÀY BÍNH-NGO

17

OCTOBRE

SAMEDI

16

H. Thủy, s. Nữ, tr. Thu.
Chư thần triều thiên
Nên: Bộ tróc. *ky*: Tế tự

THÁNG CHÍN

NGÀY ĐINH-VỊ

18

DIMANCHE

17

NGÀY MẬU-THÂN

19

H. Thổ, s. Hư, tr. Khai. *Nên*:
Cầu tự, chăn-nuôi, trồng cây.
ky: khai cù.

LUNDI

18

NGÀY KỶ-DẬU

20

H. Thổ, s. Nguy, tr. Bế. *Nên*:
An sàng. *ky*: giá thú.

MARDI

19

NGÀY CANH-TUẤT

21

H. kim, s. Thất, tr. Kiến. *Nên*:
Tu tạo, động thổ, cất nhà.
Ky: Hành tang

MERCREDI

20

NGÀY TÂN-HỢI

22

H. Kim, s. Bích, tr. Trừ. *Nên*:
Hợp bạn, xuất hành, tu tạo.
Ky: Hôn nhân.

JEUDI

21

NGÀY NHÂM-TÍ

23

H. Mộc, s. Khuê, tr. Mão. *Nên*:
Dâng biểu, đi việc quan, nhậm
chức. *Nguyệt kị*.

OCTOBRE

VENDREDI

22

H. Mộc, s. Lâu, tr. Bình. *Nên*:
Trồng cây. *kị*: nhậm chức.

THÁNG CHÍN

NGÀY QUÍ-SỬU

24

SAMEDI

23

NGÀY GIÁP-DẦN

25

H. Thủy, s. Vị, tr. Định. *Nên*:
Xuất hành, cất nhà. *ky*: Cho
vay nợ.

DIMANCHE

24

NGÀY ẤT-MÃO

26

H. Thủy, s. Mão, tr. Chấp. *Nên*:
Đi săn, kết lưới, nạp tài. *ky*:
giá thú. *Sương giáng*

LUNDI

25

NGÀY BÍNH-THÌN

27

H. Thổ, s. Tắt, tr. Phá.
Các việc đều không nên.

MARDI

26

NGÀY ĐINH-TỊ

28

H. Thổ, s. Chủy, tr. Nguy. *Nên*:
Giao dịch, lập khoán, an sàng.
ky: Cất nhà.

MERCREDI

27

NGÀY MẬU-NGỌ

29

H. Hỏa, s. Sâm, tr. Thành. *Nên*:
Tu tập, xuất hành, kết hôn.
ky: Khai cù.

OCTOBRE

JEUDI

28

H. hỏa, s. Tĩnh, tr. Thu. : *Nên* :
Mở kho, đi săn. *kị* : Giá thú.

THÁNG CHÍN

NGÀY KỶ-VỊ

30

NOVEMBRE

MERCREDI

3

H. Kim, s. Chấn, tr. Bình. *Nên* :
Tu tạo, động thổ, nạp tài.
kị : Đào giếng.

THÁNG MƯỜI

NGÀY ẤT-SỬ'U

6

VENDREDI

29

Kiến : Quý-hợi, h. Mộc, s. Quĩ, tr.
Khải. *Nên* : Tu tạo, vào học,
giá thú *kị* : Đi săn.

THÁNG MƯỜI

NG. CANH-THÂN

1

JEUDI

4

H. Hỏa, s. Đốc, tr. Định. *Nên* :
Dâng biếu, nhậm chức, tu tạo.
kị : Đi thuyền.

NGÀY BÌNH-DẦN

7

SAMEDI

30

H. Mộc, s. Liễu, tr. Bế. *Nên* : Sửa
sang cửa nhà. *ky* : Làm bếp.

NGÀY TÂN-DẬU

2

VENDREDI

5

H. Hỏa, s. Cang, tr. Chấp.
Nên : Tế tự, *kị* : Đi xa.

NGÀY ĐINH MÃO

8

DIMANCHE

31

H. Thủy, s. Tĩnh, tr. Kiến. *Nên* :
Tu tạo, họp bạn, xuất hành.
Kị : Đào giếng.

NG. NHÂM-TUẤT

3

SAMEDI

6

H. Mộc, s. Đê, tr. Phá.
Nên : Tế tự. *ky* : Cất nhà.

NGÀY MẬU-THÌN

9

NOVEMBRE

LUNDI

1

H. Thủy, s. Trương, tr. Trừ.
Nên : Tế tự, kỷ phúc, cầu tự, an
sàng. *Ky* : Hành tang.

NGÀY QUÝ HỢI

4

DIMANCHE

7

H. Mộc, s. Phòng tr. Nguy. *Nên* :
Tu tạo, xuất hành, giao dịch.
kị : Trồng cây.

NGÀY KỶ-TỊ

10

MARDI

2

H. Thủy, s. Dực, tr. Mãn. *Nên* : Tế
tự, mở kho, cầu tự. *ky* : An sàng.
Nguyệt kị.

NGÀY GIÁP-TÍ

5

LUNDI

8

H. thổ, s. Tâm, tr. Thành.
Nên : kết hôn, cất nhà, họp bạn
kị : Lên quan.

NGÀY CANH-NGỌ

11

Lập đông

NOVEMBRE

MARDI

9

THÁNG MƯỜI

NGÀY TÂN-VỊ

12

H. Thỏ, s. Vĩ, tr. Thành, Nên :
Vào học, họp bạn, đi xa, nạp
tài. *ky* : Tế tự

MERCREDI

10

NGÀY NHÂM THÂN

13

H. Kim, s. Cơ, tr. Thu Nên :
Đi săn, kết hôn. *kị* : Phạt mộc.

JEUDI

11

NGÀY QUÝ-DẬU

14

H. Kim, s. Dậu, tr. Khai. Nên :
Tu tạo. *kị* : Xuất hành
Nguyệt kị.

VENREDI

12

NGÀY GIÁP-TUẤT

15

H. Hỏa, s. Ngưu, tr. Bế. Nên :
Chăn nuôi, trồng cây.
kị : Đi việc quan

SAMEDI

13

NGÀY ẤT-HỢI

16

H. Hỏa, s. Nữ, tr. Kiến. Nên :
Tu tạo, mở chợ, xuất hành
kị : Săn bắn.

DIMANCHE

14

NGÀY BÍNH-TÍ

17

H. Thủy, s. Hư, tr. Trừ. Nên :
Tế tự, an táng. *Ky* : Cất nhà.

NOVEMBRE

LUNDI

15

THÁNG MƯỜI

NGÀY ĐINH-SỬU

18

H. Thủy, s. Ngưu, tr. Mão. Nên :
Mở kho, cho vay *Ky* : Tế tự

MARDI

16

NGÀY MẬU-DẦN

19

H. Thỏ, s. Thất, tr. Bình. Nên :
Tế tự, sửa nhà cửa, đường sá.
kị : Đi việc quan

MERCREDI

17

NGÀY KỶ-MÃO

20

H. Thỏ, s. Bính, tr. Đinh. Nên :
Tế tự, vào học, cất nhà, hết hôn
Ky : Trồng cây

JEUDI

18

NGÀY CANH-THÌN

21

H. Kim, s. Khuê, tr. Chấp. Nên :
Họp bạn, xuất hành, dâng biểu.
Ky : Trồng cây

VENREDI

19

NGÀY TÂN-TỊ

22

H. Kim, s. Lâu, tr. Phá. Nên :
Đi săn. *kị* : Cất nhà

SAMEDI

20

NGÀY NHÂM-NGỌ

23

H. Mộc, s. Vĩ, tr. Ngưu. Nên :
Tế tự, cầu phúc, cầu tự
kị : Khai cù
Nguyệt kị.

NOVEMBRE DIMANCHE 21	THÁNG MƯỜI NGÀY QUÍ-VỊ 24
H. Mộc, s. Mão, tr. Thành. <i>Nên</i> : Tu tạo, nhận chức, xuất hành. <i>Ky</i> : an sàng.	
LUNDI 22	NGÀY GIÁP-THÂN 25
H. Thủy, s. Tất, tr. Thu. <i>Nên</i> : Hợp bạn, xuất hành. <i>Ky</i> : Phạt mộc.	
MARDI 23	NGÀY ẤT-DẬU 26
H. Thủy, s. Chủy, tr. Phá. <i>Nên</i> : Vào học, xuất hành, hợp bạn. <i>Ky</i> : Đi săn. <i>Tiểu tuyết</i> .	
MERCREDI 24	NGÀY BÍNH TUẤT 27
H. Thổ, s. sâm, tr. Bế. <i>Nên</i> : Tế tự, xuất hành. <i>kị</i> : Kết hôn.	
JEUDI 25	NGÀY ĐINH-HỢI 28
H. Thổ, s. Tỉnh, tr. Kiến. <i>Nên</i> : Tu tạo, mở chợ, giao dịch <i>Ky</i> : Phạt mộc	
VENDREDI 26	NGÀY MẬU-TÍ 29
H. Hỏa, s. Qủy, tr. Trừ. <i>Nên</i> : Lập khoán, giao dịch, phạt mộc. <i>ky</i> : Tế tự.	

NOVEMBRE SAMEDI 27	THÁNG 11 NGÀY KỶ-SỬ'U 1
<i>Kiến</i> : Giáp-tí, h. Hỏa, s. Liễn, tr. Mẫn. <i>Nên</i> : Tu tạo, hợp bạn, xuất hành. <i>kị</i> : Cất nhà.	
DIMANCHE 28	NGÀY CANH-DẦN 2
H. Mộc, s. Tỉnh, tr. Bình. <i>Nên</i> : Vào học, nhậm chức. <i>Ky</i> : Làm bếp.	
LUNDI 29	NGÀY TÂN-MÃO 3
H. Mộc, s. Trương, tr. Định. <i>Nên</i> : Tu tạo, xuất hành, kết hôn. <i>kị</i> : Nuôi súc vật.	
MARDI 30	NGÀY NHÂM-THÌN 4
H. Thủy, s. Dực, tr. Chấp. <i>Nên</i> : Đi săn, nạp tài. <i>kị</i> : kết hôn.	
DÉCEMBRE MERCREDI 1	NGÀY QUÍ-TỊ 5
H. Thủy, s. Chấn, tr. phá Các việc đều không nên <i>Nguyệt-ky</i>	
JEUDI 2	NGÀY GIÁP-NGO 6
H. Kim, s. Dốc, tr. Nguy. <i>Nên</i> Tu tạo, động thổ, mở chợ, giao dịch. <i>kị</i> : Trồng cây.	

DECEMBRE

VENDREDI

3

THÁNG 11

NGÀY ẤT-VỊ

7

H. Kim, s. Cang, tr. Thành.
Nên : Mở chợ, xuất hành, giao
 dịch. *Kị* : Phạt mộc

SAMEDI

4

NGÀY BÌNH-THÂN

8

H. Hỏa, s. Chi, tr. Thu. *Nên* : Đi
 săn, giao dịch. *kị* : Làm bếp.

DIMANCHE

5

NGÀY ĐINH-DẬU

9

H. Hỏa, s. Phòng, tr. Khai.
Nên : Họp bạn, mở chợ, giao
 dịch. *kị* : Săn bắn

LUNDI

6

NGÀY MẬU-TUẤT

10

H. Mộc, s. Tâm, tr. Khai. *Nên* :
 Trồng cây, mở kho,
kị : Đi nhậm chức

MARDI

7

NGÀY KỶ-HỢI

11

H. Mộc, s. Vĩ, tr. Bế. *Nên* : Tu
 tạo, cầu tự. *kị* : Cho vay

MERCREDI

8

NGÀY CANH-TÍ

12

H. Thổ, s. Cơ, tr. Kiến. *Nên* : Kết
 hôn, cất nhà, nạp tài. *kị* : Xem bói
 Đại-Tuyệt

DECEMBRE

JEUDI

9

THÁNG 11

NGÀY TÂN-SỬU

13

H. Thổ, s. Đẩu, tr. Trừ. *Nên* :
 Cất nhà, may áo, trồng cây.
kị : Đi săn

VENDREDI

10

NGÀY NHÂM-DẦN

14

H. Kim, s. Ngưu, tr. Mão. *Nên* :
 Trồng cây, in tạo. *kị* : Kết hôn
 Nguyệt *kị*.

SAMEDI

11

NGÀY QUÍ-MÃO

15

H. Kim, s. Nử, tr. Bình. *Nên* :
 Tu tạo, xuất hành, họp bạn.
ky : Đi việc quan

DIMANCHE

12

NGÀY GIÁP-THÌN

16

H. Hỏa, s. Hư, tr. Định. *Nên* :
 Tế tự, Kết hôn. *kị* : Phạt mộc.

LUNDI

13

NGÀY ẤT-TI

17

H. Hỏa, s. Ngụy, tr. Chấp. *Nên* :
 Họp bạn, đi săn. *kị* : Cất nhà

MARDI

14

NGÀY BÌNH-NGO

18

H. Thủy, s. Tuất, tr. Phá. *Nên* :
 Săn bắn, *kị* : Cất nhà

DÉCEMBRE

MERCREDI

15

THÁNG 11

NGÀY ĐINH-VỊ

19

H. Thủy, s. Bích, tr. Nguy. *Nên* :
Hợp bạn, xuất hành, phó nhậm.
Ky : Trồng cây, chăn nuôi.

JEUDI

NGÀY MẬU-THÂN

16

20

H. Thổ, s. Khuê, tr. Thành. *Nên* :
Cất nhà, kết hôn, vào học.
Ky : Trồng cây.

VENDREDI

NGÀY KỶ-DẬU

17

21

H. Thổ, s. Lâu, tr. Thu. *Nên* : Đi
săn, nạp tài. *kị* : Xuất hành.

SAMEDI

NGÀY CANH-TUẤT

18

22

H. Kim, s. Vị, tr. Khai. *Nên* : Cầu
tự, dâng biếu. *Kị* : kết hôn.

DIMANCHE

NGÀY TÂN-HỢI

19

23

H. Kim, s. Mão, tr. Bế.
Nên : Tế tự, xuất hành.
Nguyệt kị

LUNDI

NGÀY NHÂM-TÍ

20

24

H. Mộc, s. Tất, tr. Kiến. *Nên* : Mở
chợ, hợp bạn, nạp tài. *Ky* : Kết hôn

DÉCEMBRE

MARDI

21

THÁNG 11

NGÀY QUÍ-SỬ'U

25

H. Mộc, s. Chử, tr. Trừ. *Nên* : Ra đi, hợp bạn, cầu tự.
ky : Đào giếng.

MERCREDI

NGÀY GIÁP-DẦN

22

26

H. Thủy, s. Sâm, tr. Mão. *Nên* :
Vào học, hợp bạn, nạp tài.
kị : Làm bếp.

JEUDI

NGÀY ẤT-MÃO

23

27

H. Thủy, s. Tỉnh, tr. bình. *Nên* : Sửa sang đường sá, đi săn.
ky : Kết hôn.
Đông chí

VENDREDI

NGÀY BÍNH-THÌN

24

28

H. thổ, s. Quĩ, tr. Định. *Nên* : Tế
tự, hợp bạn, xuất hành. *kị* : Đi săn.

SAMEDI

NGÀY ĐINH-TỊ

25

29

H. Thổ, s. Liễu, tr. Định.
Nên : Vắn danh, kết hôn.
Ky : Đào giếng

DIMANCHE

NGÀY MẬU-NGO

26

30

H. Hỏa s. Tinh, tr. Chấp. *Nên* :
Đi săn, cầu tự. *kị* : Hành tang.

DÉCEMBRE

THÁNG 12

LUNDI

NGÀY KỶ-VỊ

27

1

Kiến: Ất-sửu, h. Hỏa, s. Trương,
tr. Phá. Nên: Chữa tường, đắp
nền. Kỵ: Vào học.

MARDI

NGÀY CANH-THÂN

28

2

H. Mộc, s. Dực, tr. Ngụy. Nên:
Tế tự, văn danh. Kỵ: Chăn nuôi

MERCREDI

NGÀY TÂN-DẬU

29

3

H. Mộc, s. Chấn, tr. Thành. Nên:
Kết hôn, cất nhà, mở chợ.
kỵ: Hành tang

DECEMBRE

THÁNG 12

JEUDI

NGÀY NHÂM-TUẤT

30

4

H. Thủy, s. Dốc, tr. Thu. Nên:
Mở chợ, xuất hành, giao dịch.
kỵ: Hôn nhân.

VENREDI

NGÀY QUÍ-HỢI

31

5

H. Thủy, s. Cang, tr. Khai. Nên:
xuất hành, họp bạn. kỵ: Cất
nhà. Nguyệt kỵ

Danh - thiệp đẹp nhất
in tại

HÀ - HÀNH ĂN-QUÁN

85, phố hàng Bông, 85

HANOI

CENTRE MÉDICAL DE HANOI

NHÀ THƯƠNG NGŨ TRẠM

167, Boulevard Henri d'Orléans — Tél. 772

của Bác - sĩ PHẠM - HỮU - CHƯƠNG



THĂM BỆNH VÀ NHẬN NGƯỜI ĐAU
ĐẾN CHỮA TẠI NHÀ THƯƠNG

Có máy chiếu điện và chữa bằng điện

Những phòng cho bệnh-nhân nằm rất lịch-sự

RƯỢU

NAM-ĐỒNG-ÍCH

THANH-HOA

Ai cũng nên đọc :

Phòng-thủ Thụ-động

về không-chiến

Manuel élémentaire de Défense passive
contre les attaques aériennes

SOẠN - GIẢ :

Albert COURTOUX

Nguyên Chánh Thanh-tra

các trường Tiểu Học Bắc-kỳ

Phạm-Huy-LỤC

Nguyên Hội-viên

Hội-đồng Tr. ng-wong Phòng-thủ

Thụ-động Đông-dương

35 bức tranh vẽ

Bản chữ tây hay bản quốc-ngữ

giá bán mỗi quyển : **0\$20**

Hỏi các hàng sách và tại nhà in

Imprimerie de Hanoi — 85, phố hàng Bông

LUẬT THƯỜNG THỨC

TIÊU DOANH - ĐIỀN

Ai cũng biết rằng miền trung-châu Bắc-kỳ dân cư đông quá. Trong tỉnh Nam-dịnh và Thái-bình, dân số đông có nơi đến 1.000 hoặc 1.500 người một kilômê-re vuông. vậy mà ruộng nương một kilômêtre vuông chỉ nuôi nổi được 400 người thôi, tính mỗi người một năm trung-bình ăn hết 337 kilo thóc.

Người ta đã tính ra miền trung-châu có chừng 968.000 dân-đinh không có lấy một tấc đất nào. Sau nữa, dân số trong toàn xứ Bắc-kỳ mỗi năm lại tăng thêm chừng 100.000 người.

Bởi vậy Chính-phủ đã lưu tâm đến vấn-đề nhân-mãn ấy và đã khuyến-kích người vùng xuôi di-cư lên thượng-du và trung-du mà làm ăn, vì trên đó dân-cư tính trung-bình mỗi kilômêtre chỉ độ 8 người mà thôi

Muốn giúp quốc-dân trong việc san-sẻ dân số và ruộng đất cho được quân-bình, nghĩa là khuyến-kích nhân-dân chỗ thiếu ăn, di-cư lên chỗ nhiều đất mà sinh-nhai, bản-xã tưởng không gì bằng đem nghị-định qua Thống-sứ Bắc kỳ ngày 13 novembre 1925 về việc tiêu doanh-điền (petite colonisation) mà công-bố cho nhiều người rõ cách-thức xin khẩn đất hoang như thế nào.

Việc đó rất dễ mà dân ta không mấy người biết :

I. — Những miền nào được xin khẩn đất hoang.

Những miền ấy là :

Bắc-giang : phủ Yên-thế, huyện Lục-ngạn, châu Hữu-lũng, châu Sơn-dộng;

Bắc-kạn : toàn tỉnh ;

Hải-dương : huyện Đông-triều và huyện Chí-linh ;

Hòa-bình : toàn tỉnh ;

Lao-kay : châu Thủy-vĩ, châu Bảo-thắng ;

Ninh-bình : phủ Nho-quan, huyện Gia-viễn, huyện Yên-mô ;

Phủ thọ : trừ huyện Hạc-trì ;

Quảng-yên : huyện Hoàn-bồ ;

Sơn-tây : huyện Tùng-thiện và huyện Bất-bạt ;

Thái-nguyên : miền tây-bắc phủ Phổ-yên, miền đông-nam và miền nam phủ Phú-bình, huyện Đồng-hỷ, huyện Đại-từ huyện Phú-lương, châu Vũ-nhai, châu Định-hóa ;

Tuyên-quang : toàn tỉnh ;

Vinh-yên : toàn tỉnh ;

Yên-bay : toàn tỉnh ;

Cao-bằng : trừ châu Nguyên-bình và Quảng-uyên ;

Hà-giang : xã Hương-minh và xã Yên-bình, châu Bắc-quang, xã Phương-thiên, xã Linh-hô và xã Phú-linh châu Vị-xuyên ;

Lai-châu : châu Điện biên-phủ.

II. Những người nào được xin khẩn đất.

Phàm người An-nam và những người bản-thổ nguyên-quán ở Bắc-kỳ, từ 21 tuổi trở lên và được phép có tài-sản riêng đều có thể xin khẩn đất cả. Thế nào là người không được có tài sản riêng ? Như vợ cả thì không được xin khẩn đất, bởi vì theo dân-luật Bắc-kỳ điều 106, nếu vợ chồng lúc giá-thú không có tư-ước riêng thì tài-sản phải theo lệ hợp-nhất, nghĩa là bao nhiêu lợi-tức, tài-sản của chồng và của vợ hợp làm một mà chung nhau. Song, nếu có hôn-ước định rằng các tài-sản trong khi giá-thú, bên nào được thừa-hưởng do của thừa-kế hay do của tặng-dữ là kỷ-phần riêng của bên ấy thì người vợ cả có thể đứng xin khẩn đất riêng được. Trẻ-con vị-thành-niên, chưa đến 21 tuổi tây không được đứng xin khẩn đất. Nhưng vợ thứ và các con đã thành-niên được phép cha mẹ cho ở riêng và các con được thoát-quyền cha mẹ cho phép ở riêng đều được có tài-sản riêng và có thể xin khẩn đất cả. Như vậy, trong một nhà có thể mấy người cùng đứng xin khẩn đất được.

III. — Thể-lệ xin khẩn thế nào

A. — Đơn xin khẩn. — Đơn phải làm bằng tin-chỉ, nộp tại quan Công-sứ tỉnh sở-tại nơi có đất muốn xin khẩn. Người nào xin khẩn thì đơn phải đứng tên người ấy. Diện-tích đất xin khẩn được đến 15 mẫu ta là cùng, mà trong số ấy, thì đất làm ruộng không được quá 10 mẫu. Cùng trong một tỉnh, mỗi người chỉ được xin khẩn một đồn điền thôi. Đơn phải khai họ, tên, trú-quán người đứng xin, tên làng có đất xin khẩn, phải khai rõ địa-thế, diện-tích và địa-giới miếng đất ấy. Phải đính kèm một bản vẽ chỗ đất xin khẩn. Nếu không có bản-đồ thì quan Công-sứ sẽ tự cho làm lấy một bản.

Chỗ đất xin khẩn các góc phải trồng mốc đánh dấu cho rõ-ràng. Nhận được đơn, quan Công-sứ sẽ phát cho một tờ biên-nhận, xé ở sổ-răng-cura ra. Toà sứ sẽ cho yết-thị trong một tháng về đơn xin khẩn ấy. Hết hạn một tháng, quan công-sứ sẽ họp hội-đồng sức cho người xin khẩn cùng những chủ đất lân cận đến để điều tra.

Kiện việc hộ, không có tiền nộp lộ-phí, nên

Hội-đồng sẽ làm biên-bản về đất ấy là đất gì, về hạng nào, đã có ai chiếm nhận chưa.

Nếu sở kiểm-lâm, các kỳ-hào sở-tại và chủ đất lân-cận có dị-nghị khoản gì thì hội-đồng cũng ghi vào biên-bản.

Bấy giờ hội-đồng mới quyết-nghị là cho hay là bác bỏ, rồi quan công-sứ làm nghị-định và ký tên vào dưới biên-bản ấy.

B. — *Cho phép khai khẩn.* — Nếu quan công-sứ cho phép khai-khẩn thì cấp cho người đứng xin một tờ giấy phép xé ở sở rãng-cura ra. Phép khai-khẩn phải theo các điều kiện này :

1.) Người đứng xin khẩn phải lập gia-cư ở địa-hạt làng sở-tại nơi có đất muốn khẩn, hay là cho một người làm thay mình lập gia-cư ở đó. Nếu chưa có nhà ở đó, thì phải dựng nhà cho gia-quyển mình hoặc cho người làm thay mình ở ;

2.) Người xin khẩn hay người thay mình phải lấy thuế-thân ở làng sở-tại đất muốn khẩn và phải chịu các khoản tạp-dịch ở làng.

3.) Hết năm thứ tư, kể từ ngày được phép trồng cấy, thì người đứng khẩn phải nộp thuế thổ cho làng kể từ ngày 1er janvier trở đi.

4.) Trong hạn 6 năm là cùng, đất xin khẩn phải trồng cấy xong hết ;

5.) Suốt trong thời-kỳ được tạm khai-khẩn mãi cho đến lúc có nghị-định cấp hẳn làm kỹ-vật thì đất ấy không được cầm, bán hay là cho ai cả.

Nếu người đứng đơn xin không theo đúng các điều-kiện trên ấy thì bất cứ lúc nào quan công-sứ cũng có thể thu lại giấy phép trồng cấy.

Ngay khi nhận được đơn và đợi cho đến khi ra nghị-định, nếu không có điều gì ngăn-trở, quan công-sứ có thể cho phép người đứng khẩn làm nhà ở ngay chỗ đất xin, nhưng có xảy ra điều gì trở-ngại thì người ấy chịu lấy,

C. — *Việc cấp đất hẳn.* — Kể từ năm thứ tư trở đi, và khi đã trồng cấy xong rồi, người được tạm khẩn đất có thể xin cấp hẳn làm kỹ-vật. Bấy giờ quan công-sứ lại họp hội-đồng để xét xem thực đã cày cấy chưa và có theo đủ các điều kiện trên ấy không. Hội-đồng làm tờ trình rồi quan công-sứ mới quyết-định. Nếu đất cấp cho hẳn thì quan công-sứ sẽ phát

cho một tờ biên-nhận thứ hai nữa, có đề ngày tháng và ký tên. Hết hạn 6 năm mà không theo đúng các điều-kiện kể trên, thì việc cấp tạm ấy sẽ bãi bỏ đi.

Nhưng nếu các điều-kiện khác theo được đúng mà duy đất mới cày cấy được có hai phần ba thôi thì hội-đồng có thể tư quan công-sứ giã cho một hạn cuối cùng nữa là ba năm. Hết hạn ấy thì phải cày cấy xong hết.

MẪU ĐƠN XIN KHẪN ĐẤT

Đơn xin khẩn phải làm bằng tin chỉ hay dán tem 18 xu và có thể làm bằng quốc-ngữ hay chữ tây cũng được. Nhưng muốn giúp đọc-giả xin được mau chóng, bản-xã thảo sau đây một cái mẫu bằng chữ tây.

Monsieur le Résident de France

à.....

Monsieur le Résident,

Je soussigné Nguyễn-văn-Mỗ, domicilié au village de
canton de . . . , huyện de . . . , province de . . . , âgé de . .
ans, porteur de la carte d'impôt personnel de l'année 1943, N° . . ,

ai l'honneur de solliciter de votre bienveillance l'octroi d'une
concession agricole de . . . , (1) mẫu, en application de l'arrêté du
Résident Supérieur au Tonkin du 13 Novembre 1925 sur la petite
colonisation.

Le terrain que je demande en concession se trouve situé sur le
territoire du village de . . . , canton de . . . , huyện de . . . ,
province . . . , à l'endroit dit . . . , près de

Il a une superficie totale de . . . , mẫu cultivables en rizières (1)
et mẫu cultivables en (2).

Ce terrain qui a la forme d'un carré (3) se trouve limité par les
abornements naturels suivants :

au Nord, la rivière ;

au Sud, la montagne ;

à l'Est, la forêt ;

et à l'Ouest, le mamelon ;

J'ai d'ailleurs déjà placé aux quatre (4) angles de ce terrain des
bornes apparentes et durables en bois de lim (5)

Je joins à la présente requête un croquis figuratif (6) dudit
terrain.

Cách xin tư-pháp bổ-tiợ thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Veillez agréer, Monsieur le Résident, l'assurance de mes sentiments respectueux.

Tên ký

Chỗ ở

- (1) 15 mẫu là cùng, trong số ấy chỉ được 10 mẫu để cấy ruộng.
- (2) Trồng gì, tùy ý người đứng xin, như : chè, cà-phê, trâu, sắn, gai, đay, khoai lang, hoặc làm đồng cỏ cho trâu bò ăn, vân vân...
- (3) Hình vuông hay chữ-nhật, hay tam-giác.
- (4) 4 góc, hoặc 5, 6, 7, góc.
- (5) Bằng lim hoặc xây gạch hay xi-măng.
- (6) Bản vẽ hướng về phía bắc và phải kể các địa-giới tự-nhiên cho đúng và mốc trồng vào những chỗ nào cũng phải khai.

QUYỀN - LỢI CỦA CÁC NHÀ MUA LỊCH

Thỉnh - thoảng có ngài hỏi :

« **Tân Nam Lịch** » các năm cũ, mua có thể cho hạ giá bớt không.

Giá 5 hào một quyền xưa nay đã là giá đặc-biệt rồi, dù là lịch cũ cũng không thể hạ được nữa. Trừ phần âm-lịch và dương lịch năm nào dùng riêng năm ấy không kể, còn các phần khác của « **Lịch Tân Nam** » là quyền sách phổ-thông của tư dân dùng bao giờ cũng được, cứ mỗi năm các bài đăng lại đổi mới mãi.

Duy muốn cho « **Lịch Tân Nam** » được phổ-thông khắp Đông-dương, bản-xã định rằng những nhà có lịch mới mà muốn mua lịch cũ thì được trừ 30 phần trăm, nghĩa là giá 35 xu một quyền, nhưng phải cắt cái dấu hiệu ở sau này làm tin mà mang đến hoặc gửi đến bản xã.

TÂN NAM LỊCH

Mua lịch năm
cũ trừ 30 %

Lịch cũ chỉ còn một số ít thôi, ngài nào hỏi chậm thì bản-xã không cam-doan là còn mà bán mãi.

Còn về việc giải-dáp pháp-luật, y-học, thú y, canh-nông, xã-giao, vân vân, độc-giả nên cắt những cái khung con sau này mà dính kèm vào thư hỏi thì bản xã mới phúc đáp.

Tân Nam Lịch

1943

HỎI LẦN THỨ 1

Tân Nam Lịch

1943

HỎI LẦN THỨ 2

Tân Nam Lịch

1943

HỎI LẦN THỨ 3

Kháng-án và kháng-cáo thế nào, xem **Tân-Nam-Lịch** năm Tân-tị

Nói về tội oa-tàng

Xét những việc oa-tàng xử tại các toà Nam-án rất nhiều thì đủ biết là người An nam ta chưa hiểu rõ oa-tàng là tội thế nào và khi mua phải của ăn trộm, ăn cắp, của lừa gạt, hoặc thâu nhận những của ấy người ta cho mình thì có thể khấp vào hình-luật gì.

Theo như hình-luật ta (Hình-luật Bắc-kỳ năm 1921 và Hình-luật Trung-kỳ năm 1933), thì sự oa-tàng đồ-vật là tội tòng-phạm với tội đạo-thiết, biển-thủ hoặ: thiện-thụ. Là nhà lập-pháp An-nam theo cái ý-tưởng cũ của luật La-mã, cho rằng người oa-tàng, khi đã dung dứa ăn-trộm phạm tội, bằng cách che đậy mỗi lợi trong việc ăn trộm thì tức là mình đã định tâm phạm tội, hoặc giúp cho dứa ăn-trộm để phạm tội. Bởi chưng người oa-tàng khiến cho vật ăn trộm đem giấu đi được, hoặc bán đi được.

Cứ xem trong Hình-luật Bắc-kỳ điều 52 và 53, thì nhà làm luật chép ở điều 62 và 63 (mục thứ nhất) bộ Hình-luật tây năm 1811, và Hình-luật Trung-kỳ cũng tựa theo ở đó. Về sau, cái ý-tưởng cho sự oa-tàng là tòng-phạm, ở bên nước Pháp đã bỏ đi rồi. Vì các nhà pháp-luật đã lâu năm cãi lẽ rằng :

1.) Một tội gì đã phạm rồi, về sau còn "tòng-phạm" thế nào được nữa.

2.) Hễ cái tội chính mà tội oa-tàng có liên-can đến, do một người ngoại-quốc phạm ở ngoại-quốc thì ở nước Pháp không bắt phạt (điều 5 hình-luật tổ-tụng pháp), cho nên tội oa-tàng ấy có phạm ở nước Pháp cũng không thể truy-tố ở bên Pháp được. Bởi vậy, một đạo luật ngày 22 mai 1915 đã cho tội oa-tàng là một tội đặc-biệt, phạt theo các điều 460 và 461 trong hình-luật Tây.

Tại các thành-phố nhượng-địa Pháp : Hanoi, Haiphong và Tourane thì hình-luật Tây do sắc-lệnh ngày 31 décembre 1912 sửa-đổi lại (code pénal métropolitain modifié) cũng thi-hành đối với người An nam ta

Thống-Chế PÉTAİN đã nói :

Trợ lực Tổ-Quốc tức là tin cậy Tổ-Quốc, tức là luôn luôn nhớ đến Tổ-Quốc, từ ý nghĩ đến lời nói, cho tới việc làm, tức là không nhận điều gì, không làm điều gì có thể phương-hại đến Tổ-Quốc.

Muốn rõ tiêu án thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-ti

như là ở Nam-kỳ. Tại các nơi nhượng-địa ấy, tội oa-tàng phải khép vào tội đặc-biệt, theo như các điều hình-luật Tây như sau này :

« Điều 460 — Người nào đã biết là vật ăn-cướp, trộm-cắp, hay là lấy được bởi vì phạm trọng-tội, khinh-tội, mà cố-ý oa-tàng toàn-bộ, hoặc nhất bộ thì phải phạt vào những hình-phạt đã định ở điều 401 (phạt giam từ 1 đến 5 năm và tùy ý phạt bạc từ 16 đến 500 quan, bị cấm công-quyền, dân-quyền, gia-lộc-quyền và cấm lưu trú từ 5 đến 10 năm). Tiền phạt có thể tăng quá 500 quan, bằng một nửa giá tiền những đồ-vật oa-tàng.

Nếu là tòng-phạm những trọng-tội thì ngoài ra, lại có thể phải phạt nặng hơn nữa, theo như các điều 59, 60 và 61.

« Điều 461 — Nếu tội oa-tàng phải khép vào hình-phạt vừa thi-hễ vừa gia-nhục thì người oa-tàng phải chịu hình phạt theo như trọng-tội và những trường-hợp về trọng-tội mà người ấy có biết trong khi oa-tàng.

Nhưng nếu hình phạt phải khép là tử-hình, thì đối với người oa-tàng sẽ đổi làm khổ-sai chung-thân. Tiền phạt nói ở điều trên vẫn có thể thi-hành được. »

Còn như hình-luật Bắc-kỳ thì điều 52 khép tội oa-tàng như sau này :

« Người nào đã biết vật đó là vật ăn-cướp, trộm-cắp, hay là lấy được bởi vì phạm trọng-tội, khinh-tội, mà cố-ý oa-tàng toàn bộ hoặc nhất-bộ, cũng cho là tòng-phạm về trọng-tội, khinh-tội ấy. »

Vậy tội oa-tàng theo như hình-luật Bắc kỳ phải phạt theo như điều 49 nói chung về tòng-phạm như sau này :

« Các người tòng-phạm về trọng-tội, khinh-tội, thì cũng phải chịu tội như người chánh-phạm, trừ khi nào luật có định riêng thì khác ».

Chính luật-hình Bắc-kỳ đã định riêng, vì điều 53 có nói rằng :
» Nếu người chánh-phạm về trọng-tội bị tử-hình, thì người tòng-phạm oa-tàng được cải làm khổ-sai chung thân. »

Những người oa-tàng các đồ-vật do cha-mẹ ăn-trộm hoặc biển-thủ của con, do chồng ăn-trộm hoặc biển-thủ của vợ, do ông bà ăn trộm hoặc biển thủ của cháu, do anh chị ăn-trộm hoặc biển-thủ của em trai, em gái thì cũng phải tội là tòng-phạm mà những người chính-phạm thì lại được miễn (điều 260 hình-luật Bắc-kỳ và điều 355 hình-luật Trung-kỳ).

Thẻ-lệ lấy thẻ căn-cước, xem ở Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Ở Trung-kỳ, tội oa-tàng cũng phải phạt là lòng-phạm theo điều 70 và 71 như sau này :

« Điều 70 — Ngoài những người đồng-phạm mà không xử theo tội chánh yếu phạm, còn những hạng kể ra sau này, đều cho là lòng-phạm mà xử theo tội lòng-phạm, trừ ra khi nào có một tội đại-hình hoặc trừng-trị nào mà luật này có định thể-lệ riêng thì khác.

3. Người nào biết là của gian hoặc của trộm-cướp, hoặc của lừa-gạt, hoặc của nhờn phạm tội đại-hình và trừng-trị mà lấy được, tuy không dự vào công việc sắp đặt trước, hay là trong lúc phạm tội, cũng không oa trữ người phạm tội, nhưng có chứa giữ hoặc giấu, hoặc nhận làm của mình, hoặc chiếm đoạt lấy một phần, hoặc toàn cả tang-vật ấy.

« Điều 71 — Những người lòng-phạm về tội đại-hình hoặc trừng-trị sẽ chiếu theo những điều đã định trong luật này riêng về từng tội mà nghĩ xử. »

Như thế thì rõ là tội oa-tàng chỉ có thể thi-hành đối với những đồ-vật ăn cướp, trộm-cắp, biển-thủ hay là lấy được bởi vì phạm t ội, khinh tội mà thôi. Vậy thì những hoa quả, hạt giống ở ngoài đồng ruộng của người ta thu-hoạch chưa xong mà đến một-nhật thì không thi-hành tội oa-tàng được. Các đồ-vật trộm-cắp, biển-thủ hay thiện-hủ trị-giá không quá hai đồng bạc cũng vậy.

Nếu có tình-trạng thuộc về trọng-tội gì khác (như là ăn-trộm ban đêm có khí-giới, dùng sự bạo-hành, vãn vãn...) thì chỉ là tội vi-cảnh, phạt giam từ một đến 5 ngày và phạt bạc từ 0\$20 đến 6 đồng, hoặc hai thứ hình-phạt ấy chỉ phạt một thôi.

Tuy nhiên ở Bắc-kỳ, nếu tái-phạm lần thứ hai trong 12 tháng sau khi kết-án vì tái-phạm lần thứ nhất, và ở Trung-kỳ, nếu tái-phạm lần thứ hai cùng trong một năm với lần thứ nhất, thì những tội vi-cảnh ấy phải do toà-án đệ-nhị-cấp phạt theo khinh-tội.

* * *

Thế nào mới thành tội tòng-phạm vì oa-tàng đồ vật ?

Phải đủ bốn điều-kiện sau này mới thành tội oa-tàng, :

1.) Vật oa-tàng phải là vật ăn cướp, trộm cắp (điều 250 đến 260 Hình-luật Bắc - kỳ, điều 344 đến 355 Hình luật Trung - kỳ) hay là vật thiện - thủ (điều 273 đến 275 H.L B K., điều 366 và 367 H L.T.K.), hay là biển-thủ (điều 267 H.L B.K., điều 362 đến 365t H L.T.K) hay là vật lấy được bằng giãg giả-mạo (điều 146 đến 154 H.L.B K., điều 248 đến 253 H.L.T.K.).

Mời khách ngồi ô tô thế nào là lịch sự, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Vật ấy lại có thể mua bang tiền ăn trộm, tiền thiện-thủ, hay lấy bằng giấy giả-mạo, rồi người ăn trộm, người biển-thủ hay người giả-mạo, hoặc người-đệ-tam làm môi giới giao cho người oa-tàng.

2) Phải có giữ đồ-vật ấy mới có thể bị tội được, chứ không cứ là có dấu điểm hay không. Điều đó nên nhớ, vì chữ tây «oa tàng» là «recel» mà «recel» nghĩa cái là «giấu», vậy có thể giải-thích sai được. Vật ấy có thể là vật người ta đem cho, hay đem gửi người oa-tàng, nhưng cũng có thể là vật mà người oa-tàng mua phải, dù mua giá phải chăng cũng vậy. Điều đó, nhiều người còn chưa hiểu.

3) Người oa-tàng phải chi-tình, nghĩa là khi vật mới vào tay mình, hay là về sau, mình biết là vật do một trọng-tội, khinh-tội đã phạm mà lấy được

4) Sau nữa, lúc nhận vật ấy, phải có bụng phạm tội, nghĩa là có ý-chỉ dung-túng làm một trọng-tội hay khinh-tội.

Bởi chung oa-tàng là tội lòng-phạm, mà đã gọi là tòng-phạm thì chẳng những phải biết cái việc mình dự vào là việc phạm tội, mà lại phải có cái chủ-ý giúp cho việc phạm tội để thành.

Oa-tàng không phải là một khinh-tội quán-thường, nghĩa là không cứ có phạm nhiều việc oa-tàng mới phải phạt, vậy thì bất cứ việc oa-tàng vẫn phạm thường nhật, hay là lâm-thời mới phạm cũng phải phạt cả.

*
*
*

Khi người ta giao một vật gì cho mình giữ, muốn xét có phạm phải tội oa-tàng hay không, hay là được giữ chính-đáng thì cũng không phải là dễ.

Bởi vậy, bản xã tưởng nên nhắc lại sau đây mấy bản thẩm-định của Đại-thẩm Viện (Cour de Cassation) ở Paris và của các tòa Thượng-thẩm xử về việc Tây-án, có thể giúp cho sự thi-hành việc Nam-án được :

I — Nếu người chính-phạm ăn trộm không truy-tầm ra, thì người oa-tàng vật ăn trộm có thể bị phạt được không?

Đáp : Có, hễ có chứng-cớ là có người mất trộm cướp là đủ (Đại-thẩm-Viện về hình-sự, ngày 23 janvier 1873, 14 octobre 1880, 31 août 1922).

II — Người nào hưởng-dụng những vật trộm cắp mà chi-tình thì có phạm vào tội oa-tàng không?

Cách y-phục Âu-tây, nên xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Đáp : Có, miễn là đã chi-tình mà cứ hưởng-dụng là đủ (Tòa-Thượng-thẩm Agen ngày 15 juillet 1899).

III — Một người chủ nợ nhận tiền của người mắc nợ đem trả, biết tiền ấy là tiền trộm cướp, biển-thủ hay thiện-thủ thì có thể bị khép tội oa-tàng không?

Đáp : Có, vả lại không cứ phải biết đích việc trộm-tội hay khinh tội đã phạm là tội gì, tội phạm ở nơi nào, ngày nào mà lấy được những vật oa-tàng, mới có thể khép tội oa-tàng được (Đại-thẩm-Viện về hình-sự ngày 16 décembre 1871, 24 mai 1895, 26 décembre 1899, 14 décembre 1915).

Imprimerie

MINSANG dit T. B. CAY

BUREAU : 27, B^d FRANCIS GARNIER
ATELIER : 101, ROUTE SINH-TU

HANOI - TONKIN

● ● ●

**Impression Administrative
Militaire et Commerciale**

◆ ◆ ◆

東京 明新印字館 河内

IV — Người nào nhận vật gì, chi-tình là của trộm cướp, nhưng không giấu đi, có phải là oa-tàng không?

Đáp : Có, không cứ là có giấu đi mới là oa-tàng (Đại-thẩm Viện về-hình sự, ngày 16 juillet 1857).

V — Có cần phải lợi-dụng những của oa tàng mới là tòng-phạm không, hay đã biết gốc-tích của ấy mà cố giữ lấy, cũng đủ là tòng phạm?

Đáp : Cố ý giữ và chi-tình là đủ. Của oa-tàng không cần phải còn ở tay người oa-tàng hay không (Đại-thẩm Viện về hình sự ngày 4 mars 1813, 21 novembre 1908). Nhưng vật chỉ qua tay

người, rồi lại sang tay người khác thì không cho là oa-tàng được, vì theo trường-hợp ấy, không có lưu giữ ở tay (Tòa Thượng-thẩm Orléans, ngày 3 mars 1857).

VI — Có phải chi-tình sự gian-lậu ngay từ khi mới nhận vật ấy mới là oa-tàng không?

Đáp : Các nhà luật-học không đồng ý về điều đó. Nhưng Đại-thẩm-Viện có xử rằng người nào nhận vật gì, nếu không biết rõ là

Danh-thiếp đề thế nào cho nhã, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-ti

phát-sinh bởi một tròng-tội hay khinh-tội, mãi về sau mới biết là vật gian-lậu, mà cứ giữ lấy, thì cũng là oa-tàng (Đại-thăm-Viện về hình-sự ngày 18 juin 1910).

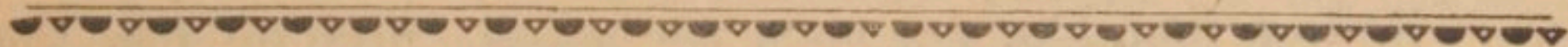
VII. — Người vợ có thể kết-nghĩ về tội oa-tàng một vật gì do người chồng ăn trộm hay ăn cướp không ?

Đáp : Đồ vật do người chồng ăn trộm, ăn cướp, chỉ kỹ-thác trong nhà vợ chồng ở, thì một sự kỹ-thác ấy chưa đủ khép người vợ vào tội oa-tàng được. Người vợ phải giữ một cách chi-linh và cố-ý, mục-dích để hưởng-dụng thì mới là oa-tàng (Đại-thăm-Viện ngày 15 mars 1821).

. . .

Bản-xã mong rằng mấy điều yếu-lược về oa-tàng trên đó có thể bổ ích cho độc-giả về sự mua hoặc nhận những đồ vật của người ta gửi. Những vật ấy, bao giờ cũng nên hỏi rõ cho biết gốc-tích, nhất là những vật mua ở đường phố, mua của các hàng bán rong hay là của một vài hiệu bán đồ cũ.

Như khi ta thấy giá bán hạ quá cái giá thường nhật thì nên hồ-nghĩ là của gian-lậu mà-dừng mua, chẳng những gián-tiếp giúp được một phần nhỏ vào việc trừ gian, mà lại tránh được những việc lôi-thôi với cảnh-sát và lừa-án.



**Đội giờ! đạp đất ở đời.
Không giàu, chẳng hóa
ra người bỏ đi ?
Làm giàu âu có khó gì.
Mua vé Đông-Pháp giàu
thì đến ngay
Thế nào, ta cũng có ngày.**

Vệ-sinh

Trong buổi học vệ-sinh, thầy hỏi :

— Các em có biết tại sao phải dùng khăn ẩm mà lau bàn ghế, không được quét bằng phất trần không ?

Học-trò đang nghĩ thì có một anh thưa :

— Thưa thầy, để mỗi khi cậu con về khuya, mẹ con không có phất-trần vạt ạ !

Luật thuê nhà

SẮC-LỆNH ngày 13 Mai 1942 về sự giao-dịch của chủ nhà với người thuê nhà ở hoặc để làm nghề-nghiệp tại Đông - dương (do quan Toàn - quyền tuyên-bố ngày 24 mai 1942).

Thiên thứ I

Định giá tiền thuê

Điều thứ nhất. — Tại Đông-dương, kể từ ngày tuyên-bố sắc-lệnh này cho đến hết một năm sau khi có luật bãi cuộc chiến-tranh, sẽ thi hành các thể-lệ sau này, về sự giao-dịch của chủ nhà với người thuê nhà ở hoặc để dùng về nghề-nghiệp (1), trừ những quyền-hạn của các vị Quốc-vương các xứ bảo-hộ không kể.

Điều 2. — Dù có hợp - đồng định khác với nhau từ trước cũng mặc, phạm các nhà làm từ trước ngày 1er janvier 1938 thì tiền thuê không được quá số tiền đã ấn-định ngày ấy, cộng thêm với 20./*

Giá tiền thuê nhà ngày 1er janvier 1938 cứ chiếu số tiền về kỳ cuối đã trả chủ nhà trước ngày ấy mà định, nếu không có gì làm chuẩn-đích về điều đó thì sẽ chiếu giá tiền thuê các nhà tương-tự về ngày ấy mà định.

Những nhà làm sau ngày 1er janvier 1938, thì tiền thuê không được quá 25./* tiền thuê các nhà tương tự về ngày ấy.

Tại các nơi nghỉ mát ở bể hay ở núi liệt kê trong nghị-định quan Toàn - quyền theo như sắc - lệnh ngày 5 septembre 1941 (2) thì giá tiền thuê sẽ theo như giá thuê trong vụ năm 1938 mà làm chuẩn-đích.

Sự thi-hành số tăng các phần trăm bao nhiêu nói ở điều này, không có hiệu-lực để tăng số tiền vẫn thuê cho đến

(1) Nghề-nghiệp ở đây là các nghề lao tâm, như các phòng giấy luật-sự, phòng thăm bệnh của thầy-thuốc, vân-vân, chứ không phải là các nghề công thương.

(2) Sắc-lệnh cho phép riêng, nghỉ tại các miền khí-hậu tốt ở các thuộc địa.

ngày tuyên bố sắc-lệnh này và đối với các nơi nghỉ mát ở bể hoặc ở núi thì không được tăng số tiền thuê trong vụ 1941.

Điều 3 — Có thể tính những số tiền chủ nhà đã chi tiêu về sự sửa sang có lợi trực-tiếp cho người thuê. Còn các thứ thuế, thì người chủ nhà có thể đòi những khoản tăng đã phải chịu từ ngày 1er janvier 1938 và đối với các nơi nghỉ mát ở bể hay ở núi thì kể từ vụ năm 1938.

Điều 4. -- Từ ngày tuyên-bố luật này trở đi, phạm những số tiền đã thu trái lệ đều phải hoàn lại ; nếu là tiền thuê về những kỳ chưa đến hạn, thì số tiền đòi quá, phải trừ bớt vào những kỳ chưa đến ấy. Những tiền ấy năm năm mới bị tiêu-diệt thời-hiệu.

Điều 5. -- Phạm các hợp-đồng thuê nhà, dù làm một cách gián-tiếp, mục-dịch để giấu sự yêu-cầu của chủ nhà, như là hợp-đồng biên tiền thuê một cách quá đáng, hay là biên nhận tiền, biên nhận vật có giá, hay là bán đồ đạc, đều kể là vô-hiệu cả, dù các hợp-đồng ấy đã thi-hành từ trước khi có sắc-lệnh này cũng vậy.

Nếu dùng tên người nào khác người chủ nhà để mà yêu-cầu quyền-lợi gì thì hợp-đồng cũng kể là vô-hiệu, trừ khi quyền-lợi ấy thật có tương-đương với công làm thì không kể.

Điều 6. — Số tiền kỳ quỹ và tiền nhà bắt chồng trước để làm bảo-dảm, nếu nhà thuê tháng một, thì không được quá số tiền thuê hai tháng, còn thuê theo thời-hạn khác, thì không được quá một phần tư số tiền thuê hàng năm

Điều 7 — Phạm yêu-cầu hay là thu-nhận tiền thuê nhà quá giới-hạn định trong sắc-lệnh này thì chủ nhà sẽ phải phạt bạc về hộ-luật một số tiền ít ra bằng số tiền đã đòi, hoặc đã thu, và nhiều nhất gấp ba là cùng.

Nếu đòi hay là thu bằng những cái lợi gián-tiếp như đã nói ở điều 5 trên kia, thì số tiền phạt ấy không bao giờ được kém 1000 francs.

Điều 8 — Khi nào số tiền đòi hay là thu trái phép cộng bằng nửa số tiền được thu phải phép, thì người chủ nhà sẽ phải phạt giam từ hai tháng đến hai năm và phải phạt bạc từ 16 đến 100.000 francs.

Thiên thứ II

Cái quyền gia hạn

Điều 9. — Các người thuê nhà, người đi thuê lại, người được nhượng quyền thuê lại và tất cả các người ở thuê có bụng ngay thẳng, dù là tại được khất thêm hạn mặc lòng, hễ ngày tuyên-bố sắc-lệnh này mà vẫn ở luôn rồi, thì kể từ ngày ấy trở đi, được quyền gia thêm hạn cho đến hết thời-kỳ nói ở điều thứ nhất, mà bất tất phải theo một thể-lệ gì cả và giá tiền cứ theo như giá đã định ở trên.

Điều 10. — Những người sau này không có quyền được gia hạn thuê :

1.) Những người thuê, người được nhượng quyền thuê lại, hay là những người đi thuê lại, mà có nhiều nơi nhà ở, trừ nơi làm nhà cốt-yếu của mình không kể và trừ khi có thể chứng-minh rằng vì chức-vụ hay nghề-nghiệp mình bắt buộc, hay vì những nhà mình thuê ngoài cái nhà riêng mình ở, là để cho ông bà, cha mẹ hay là con cháu mình ở hoặc là ông bà, cha mẹ hay là con cháu của bên vợ mình hay bên chồng mình ở ;

2.) Những người ở thuê mà cái việc thuê nhà cho ở là việc phụ-thuộc trong hợp-đồng mướn công làm ;

3.) Những người đi thuê lại nhà của một người khác đứng thuê, và ở nhà đó trong khi người đứng thuê đi vắng hay là nghỉ giả-hạn vắng ;

4.) Những người thuê nhà không theo hợp-đồng, tự tiện cho thuê lại một phần lớn cái nhà mình đứng thuê mà không có giấy ưng-thuận của chủ nhà ;

Cách chữa răn cấm, rết cấm xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

5.) Những người ngoại-quốc không có ra trận hay không tòng quân theo các đạo binh của nước Pháp, trừ những người thuộc-dân các xứ bảo-hộ và các xứ ủy-nhiệm cùng những người có con vào quốc-tịch Pháp không kể.

Điều 11. — Nếu người thuê nhà dời hẳn địa-hạt mình ở thì cái quyền gia hạn nói trên ấy tự khắc mất hẳn, trừ khi người thuê ấy bắt buộc di phải để vợ hay để chồng và con cái ở lại, mà đi một mình đến địa-hạt phải làm chức-nghiep mình thì không kể.

Điều 12. — Nếu người thuê nhà bỏ đi mất, hay là mệnh-một, thì những người nhà vẫn do người đứng thuê ấy cấp dưỡng xưa nay và vẫn ở luôn nhà ấy rồi, đều được quyền gia hạn cả.

Thiên thứ III

Quyền lấy lại nhà

Điều 13. — Quyền gia hạn thuê nói trên kia không thể thi-hành đối với những người chủ nhà muốn đòi nhà để làm lại, để nung cao hay là để chữa to tát cần phải dọn đi, trừ khi người chủ nhà ấy là người ngoại-quốc không từng ra trận hay là tòng quân trong các đạo binh của nước Pháp thì không được, trừ là người thuộc-dân các xứ bảo-hộ và các xứ ủy-nhiệm cùng những người ngoại-quốc có con đã nhập quốc-tịch Pháp không kể.

Muốn thi cái quyền lấy lại nhà, phải theo những điều-kiện sau này :

1. Phải báo trước cho người thuê sáu tháng ;
2. Hễ người thuê dọn đi, nội trong ba tháng phải khởi công làm lại hay chữa lại ngay.

Nếu không theo điều-kiện thứ hai thì người chủ phải bồi-thường cho người thuê bị thiệt vô lý, một số tiền ít ra bằng tiền thuê nhà cả một năm.

Điều 14. — Người chủ nhà muốn đòi lại nhà để ở hoặc cho vợ hay cho chồng, cho ông bà, cha mẹ, cho con cháu trực-hệ của mình ở, mà có báo trước sáu tháng thì cũng có quyền đòi lại nhà, nhưng phải hợp các điều-kiện về quốc-tịch nói ở điều 13. Tuy nhiên, người chủ nhà nào đã có nhà ở rồi, mà nhà ấy là của mình thì không có quyền được đòi lại. Cái quyền đòi lại nhà cũng không được thi-hành đối với một người thuê đương phải ra ngũ mà chỉ có một nhà để ở thôi.

Trừ những trường-hợp bất - đắc - bất - nhiên không kể, người chủ nhà nào đòi lại nhà mà không ở, hoặc không để những người có quyền đã nói trên kia ở ít ra trong một năm kể từ ngày người thuê đã dọn đi, thì sẽ phải bồi-thường cho người thuê bị thiệt vô lý, một số tiền ít ra bằng tiền thuê nhà cả năm.

Nếu người chủ đòi lại nhà để ở, hoặc cho vợ hay cho chồng mình, cho ông bà cha mẹ hay con cháu trực-hệ của mình ở, mà lại cho thuê lại một phần cái nhà ấy thì cũng phải bồi-thường như thế.

Điều 15. — Sự báo trước nói ở các điều trên ấy có thể làm bằng giấy của thừa-phát-lại và phải nói rõ duyên-cớ chính đáng đòi lại nhà, bằng không thì kể là vô-hiệu.

Thiên thứ IV

Thủ - tục

Điều 16. — Muốn khiếu-nại về việc thi-hành các điều-khoản trong sắc-lệnh này, trừ những thể-lệ nói ở điều 21 dưới đây không kể, thì người chủ hay người thuê phải làm đơn gửi bảo đảm hay là khai với phòng lục-sự, kiện tại quan Chánh tòa-án sơ-thẩm hay là quan Thẩn-phán Hòa-giải có quyền xử sơ-thẩm.

Tòa án có quyền phân xử là tòa-án ở nơi có ngôi nhà tranh lụng ấy.

Cách chữa râm má và tàn lương xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Điều 17. — Quan Chánh-án sẽ do giấy bảo-đảm của viên lục-sự có giấy biên-nhận, no đòi đòi bên ít ra 15 ngày trước, phải thân-hành đến hầu, hoặc có thể ủy-quyền cho người khác, hoặc là mượn luật-sư thay, theo như thể-lệ định trong luật thi-hành trong xứ.

Quan thăm-phán có cái nhiệm-vụ phải hòa-giải đôi bên, phải làm biên-bản ghi việc hòa-giải bất thành hay là có đình-ước điều gì cũng ghi vào. Nếu có đình-ước thế nào thì biên-bản sẽ chưa thể-lệ cho thi-hành.

Nếu không đến hầu, hay không ủy người thay mặt, hoặc không hòa-giải xong thì quan thăm-phán sẽ quyết-nghị ngay ở trong phòng, bắt tất phải theo thủ-tục gì khác cả.

Nếu xử khuyết-tịch thì nội trong năm ngày, viên lục-sự sẽ gửi giấy bảo-đảm có biên-nhận cho bên vắng mặt biết.

Đơn kháng án chỉ nhận trong 15 ngày kể từ khi có giấy đảm-bảo, nếu không có giấy báo nhận thì nội trong 15 ngày kể từ khi có giấy lục-tổng của thừa-phát-lại.

Kháng án phải khai với phòng lục-sự, ở đó sẽ phát giấy biên nhận cho.

Giấy đảm-bảo hay giấy lục-tổng của thừa-phát-lại sẽ biên chú cả thời-hạn và thể-thức kháng-án thế nào.

Hai bên đương-sự đều có giấy báo trước bằng thư bảo-đảm của lục-sự có giấy báo nhận, hay bằng giấy của thừa-phát-lại cho biết ngày họp kỳ hội-đồng sau, ít ra là 15 ngày chẵn.

Án xử thế nào sẽ coi là án đương-tịch. Những việc xử đương-tịch thì án quyết-nghị, nội trong 20 ngày, viên lục-sự phải báo cho đôi bên bằng thư bảo-đảm có giấy báo nhận.

Điều 18. — Án quyết-nghị của quan Chánh tòa án sơ-thẩm hay của quan thăm-phán hòa-giải có quyền xử sơ-thẩm, có thể kháng cáo lên các tòa Thượng-thẩm sở-tại ở Đông-dương; thời-hạn và thể-thức kháng-cáo theo như lệ-luật định riêng trong xứ.

Án tòa Thượng-thẩm không thể kháng lên Đại-thẩm-Viện, trừ những án xử về trừng-trị nói ở điều 8 trong sắc-lệnh này không kể. Tòa Thượng-thẩm Saigon, theo như điều-17 sắc-lệnh ngày 19 mai 1919, được quyền thủ-tiêu nguyên án vì lạm-quyền, việť-quyền hay là trái phép.

Điều 19. — Quan Chương-lý có thể tự quyền truy-tố phạt bạc về việť hộ

Thiên thứ V

Tổng - tắc

Điều 20. — Các thể-lệ trong sắc-lệnh này là thuộc về việť công. Các điều-luật hiện-hành cùng các điều đĩnh-ước của đôi bên vẫn thi - hành như cũ, trừ ra có điều gì trái với sắc-lệnh này thì không được.

Điều 21. — Những việť tranh-lụng của chủ nhà với người thuê thuộc dân bản-xứ thì sẽ do chỉ-dụ của các vị Quốc-vương các xứ bảo hộ qui-đĩnh.

Điều 22. — Các điều-khoản trong sắc-lệnh ngày 5 novembre 1939 qui-đĩnh tiền thuê nhà dùng để ở tại Đông-dương và các sắc-lệnh ngày 20 mars 1940, 29 décembre 1941 và 14 mars 1942 sửa đổi lại thì nay bãi đi cả.

Điều 23. — Các điều-kĩện thi-hành sắc-lệnh này thể nào sẽ do nghị-đĩnh quan Toàn-quyền ấn-đĩnh.

Điều 24. — Quan Tư-pháp Tổng-trưởng và quan Thuộc-địa Tổng-trưởng đều chiều chức-vụ thi-hành sắc-lệnh này.

Làm tại Vichy, ngày 13 mai 1942

PH. PÉTAİN

Giống đực, giống cái.

Thầy — Mandarin là gì ?

Trò — Thừa thầy, mandarin là quan lớn.

Thầy — Thể mandarine là gì ?

Trò — Mandarine là bà lớn ạ !

Luật đi đường, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị.

Lệ khai sinh tử, giá-thú của nhân-dân trong những làng mới sáp-nhập vào địa-phận thành-phố Hanoi

Chiều Dụ số 59 ngày 11 août 1942 do nghị-định quan Toàn-quyền duyệt-y ngày 25 août 1942 thì tất cả địa-hạt huyện Hoàn-long cùng nhiều làng ở phủ Hoài-đức và huyện Thanh-tri sáp-nhập vào địa-phận thành-phố Hanoi.

Vì sáp-nhập như vậy, nên việc hộ-tịch ở hơn một trăm làng trong ba phủ huyện sẽ thi-hành theo sắc-lệnh ngày 3 octobre 1883, chứ không theo dân luật Bắc-kỳ nữa.

Bắt đầu từ ngày 1er janvier 1943, các sổ sinh tử, giá-thú sẽ do quan Chánh Tòa sơ-thẩm Hanoi đánh số ký tên và sổ in chỉ có chữ Pháp và chữ quốc-ngữ thôi, chứ không có chữ nôm như trước nữa.

Việc sinh, trước kia hạn trong một tháng phải khai, nay hạn ấy rút xuống 8 ngày và khi khai phải đem trình hộ-lại đưa trẻ mới đẻ, trừ khi đưa trẻ đau thì hộ-lại sẽ đem sổ sinh đến tận nhà đưa trẻ mà biên lời khai.

Khai tử thì vẫn như trước.

Song, nếu quên không khai chi cả, thì sau muốn có giấy chứng-thư khai sinh hay khai tử, tất phải xin quan Chánh Tòa sơ-thẩm Hanoi làm cho bản án thay vào những giấy chứng-thư ấy. Tiền án-phí nộp tòa sơ-thẩm Hanoi, ít ra là 20\$00, chứ không như ở tòa Nam-án các tỉnh chỉ có 2\$00.

Còn việc khai giá-thú thì nay khác hẳn trước.

Trước khi cưới, người chủ-hôn bên nhà gái và người chủ hôn bên nhà gái phải đến khai với hộ-lại ở nơi cô-dâu chú-rể ở. Người làm mối cũng phải khai với hộ-lại nơi cô-dâu ở. Phải khai tên họ, tuổi và nghề-nghiệp, chỗ ở của :

- 1.) Cô-dâu, chú-rể ;
- 2.) Cha mẹ cô-dâu, chú-rể ;
- 3.) Những người đứng chủ-hôn bên nhà gái và bên nhà gái.
- 4.) Người mối.

Năm nào không nên ăn, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Phải khai là cưới vợ chính-thất hay thứ thất. Những lời khai sẽ biên vào một quyển sổ riêng, rồi yết-thị lên bảng của phòng hộ-tịch trong 8 ngày. Hết hạn 8 ngày ấy, nếu không có ai khiếu-nại, mới được làm lễ cưới. Từ hôm làm lễ cưới tại nhà cô-dâu cho đến hôm làm lễ tứ-hỉ, chú-rể và người chủ-hôn hai bên phải đến khai với hộ-lại. Hộ-lại theo những lời khai trước, biên vào sổ rồi lấy chữ ký của cô-dâu chú-rể, hai bên bố mẹ, những người đứng chủ-hôn, những người làm chứng và người mối; sau hết hộ-lại ký tên áp triện liền. Nếu không có người mối thì cũng phải biên trong chứng-thư giá-thú là không có.

Cưới như vậy là cưới theo lễ, nghĩa là việc thành-hôn bắt đầu kể từ hôm làm lễ tại nhà cô-dâu, còn hôm ấy, sau khi làm lễ, hoặc ba hôm sau mà lại đến nhà hộ-lại khai, chẳng qua chỉ là khai rằng việc cưới đã xong để hộ-lại vào sổ.

Ngoài ra, cô-dâu, chú-rể còn có thể yêu-cầu hộ-lại làm phép cưới cho mình theo dân-luật nước Pháp tại phòng hộ-tịch. Cưới như vậy gọi là cưới theo luật, nghĩa là việc cưới chính-thức chỉ bắt đầu từ hôm hộ-lại làm phép cưới cho đôi bên tại phòng hộ-tịch, còn trước hôm ấy, ở nhà có cưới theo lễ hay không cũng không kể chi.

Thề-lệ cưới theo luật có khác cưới theo lễ như sau này : Yết thị việc dự cưới trong 10 ngày. Sau 10 ngày, nếu không có ai khiếu-nại gì, hộ-lại mới có thể làm phép cưới cho đôi bên tại phòng hộ-tịch được. Làm phép cưới, nghĩa là hộ-lại trước tiên hỏi bố mẹ chú-rể có bằng lòng cho con gái lấy cô Mỗ làm vợ chính-thất không, rồi lại hỏi bố mẹ cô - dâu có bằng lòng cho con gái lấy cậu Mỗ làm chồng không. Sau, hỏi đến chú-rể, cô-dâu có bằng lòng lấy nhau không. Nếu ai ai cũng đều bằng lòng cả thì hộ-lại công-bố rằng theo pháp-luật cậu Mỗ, cô Mỗ đã thành vợ chồng và đã làm phép cưới tại phòng hộ-tịch. Công-bố xong, cô dâu, chú-rể, hai bên bố mẹ cùng hai người làm chứng đều ký sổ cưới. Cưới theo luật thì không cần phải khai tên người đứng chủ-hôn cùng người mối.

Song, cưới theo lễ, phải có chủ-hôn, mà sắc-lệnh ngày 3 octobre 1883 không nói ai đứng vào địa-vị chủ-hôn, nên bấy

Những cách lừa dối của lái trâu, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

nay ở thành-phố Hanoi, cứ đề bố hay mẹ cô-dâu, chú-rề đừng
 chủ-hôn, nếu bố mẹ cô - dâu, chú - rề mất cả thì trong thân-thích
 ai thân hơn cả sẽ đừng chủ-hôn.

Ấy thể-lệ cưới theo sắc-lệnh ngày 3 octobre 1883 là thế. Còn như đem sắc-lệnh này so-sánh với dân-luật Bắc-kỳ xem đường nào tiện-lợi cho nhân-dân hơn thì nên tế-nhân mấy khoản sau này :

Theo dân-luật Bắc-kỳ, chú-rẻ 18 tuổi, cô-dâu 15 tuổi mới được cưới. Nay theo sắc-lệnh ngày 3 octobre 1883 thì chú-rẻ 16 tuổi, cô-dâu 14 tuổi đã cưới được rồi. Vả, theo sắc-lệnh ấy, khi có tang cha-mẹ cũng vẫn cưới được, vì sắc-lệnh không nói đến tang, còn như theo dân-luật Bắc-kỳ thì có tang không cưới được, trừ khi có duyên-cớ gì đích-đáng, quan tỉnh-hiến đặc-cách cho phép cưới mới được. Xét như mấy khoản trên này thì theo sắc-lệnh, có điều dễ-dàng hơn, nhưng xét đến những khoản khác thì lại có phần khó hơn trước. Như theo dân luật Pắc-kỳ, cô-dâu, chú-rẻ đã 21 tuổi mà bố mẹ ông bà mất cả rồi, thì được phép cưới tự-do, chứ theo sắc-lệnh ngày 3 octobre 1883 thì dẫu bố mẹ, ông bà mất mà 21 tuổi rồi, vẫn còn phải xin phép chú, bác, cô hay anh cả. Nếu chú, bác, cô hay anh cả không cho phép thì cũng cưới được, nhưng khi đến khai với họ-lại về việc dự cưới, tất phải có một cái chứng-chỉ của hai người kỳ-mục chứng-thực rằng chú-rẻ hay cô-dâu đã có xin phép cưới rồi. Những đàn-bà góa-chồng khi tái-gia lại càng khó hơn trước. Muốn được tái-gia, tất phải xin phép bố mẹ hay ông bà chồng, nếu bố mẹ, ông bà chồng đều chết thì phải xin phép chú, bác, cô hay anh chồng, nghĩa là chồng khi sống, muốn lấy vợ phải xin phép ai, thì người vợ-góa khi tái-gia cũng phải xin phép người ấy.

Giống nhau

Thầy — Bá 1 sao bài luận tả-cảnh con chó của nhà anh, lại giống hệt bài của em anh thế ?

Bá — Thừa thầy, vì nhà con chỉ có một con chó thôi ạ, nên hai anh em con tả nó đúng như nhau !

[illegible]

Nào các bạn sĩ - phu !

Tiền không, chí muốn to.

Mua vé số Đông pháp :

Trúng số, nổi cơ-đồ.

Khoáy trâu thể nào là xấu, xem Tân-nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Việc dùng tín-chỉ, dùng tem (con niêm) và việc trước-bạ

Tín-chỉ và tem. — Thẻ-lệ dùng tín-chỉ (papier timbré) và tem dán các chứng thư thế nào, trong « Tân-Nam-Lịch » năm Tân tị đã nói rõ rồi. Duy thẻ-lệ ấy nay mới sửa-đổi lại đôi chút, nên bản-xã đăng lại như sau này để đọc giả được rõ.

Những giấy-má theo lệ phải dán tem tùy khổ rộng hẹp, giấy yết-thị, giấy biên lai, séc nhà-băng, mà không dán tem, hoặc là dán không đủ, hay không hủy đúng phép thì kể như là không dán tem, và phải phạt 6\$25. Nếu là giấy-má phải dán tem theo số tiền nhiều ít thì cứ mỗi trăm bạc phải phạt 1\$20, mà số nộp ít nhất cũng phải 1\$25.

Trước-bạ. — Các động-sản đem bán, đem cho hay là đổi chác : mỗi trăm định là 2\$50 (trước có 2\$00).

Bán sở buôn : cửa-hàng, tên hiệu, hàng-hóa khách-hàng vật-liệu, quyền được thuê nhà, để dựng cửa hàng (fonds de commerce), cứ mỗi trăm phải chịu 3\$50. Nếu trong chứng-thư có khai rõ giá từng khoản từng tiết những hàng-hóa mới thì những hàng-hóa này chỉ phải chịu thứ thuế rẻ tiền là 0\$60/. thôi. Hạn 6 tháng phải trước bạ, hoặc phải khai vớ, sổ văn-tự để tính thuế. Để quá hạn, phải một gấp ba và phạt ít nhất là 50\$00.

Bất-động-sản bán, cầm, đổi-chác, cho hay là chuộc sau thời-hạn trong văn-tự, hoặc để quá 10 năm mới chuộc :

Từ 1 đến 200\$ trước phải chịu	2%.	nay tăng	2.50%.
Từ 201 đến 1 000\$	—	4%.	— 5.00 %.
Từ 1 001 đến 2.000\$	—	6%.	— 7.50 %.
Trên 2 000\$	—	8%.	— 10.00%.

Muốn rõ các bệnh của thú-vật, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Thí-dụ :

Xem mấy câu thí-dụ sau này thì dễ hiểu :

Số tiền bán 150\$ thì phải chịu thuế 2.50% là : 3\$75

600\$ thì 200\$	—	2.50% —	5\$00	} 25\$00
400\$	—	5.00% —	20\$00	
<u>600\$00</u>				

1.200\$ thì 200\$	phải chịu	2.50% —	5\$00	} 60\$00
800\$	—	5.00% —	40\$00	
<u>200\$</u>	—	7.50% —	15\$00	
1.200\$				

3.600\$ thì 200\$	phải chịu	2.50% —	5\$00	} 280\$00
800\$	—	5.00% —	40\$00	
1.000\$	—	7.50% —	75\$00	
<u>1.600\$</u>	—	10.00% —	160\$00	
3.600\$				

Giấy chia gia-tài hiện-tại của ông cha cho các con cháu thì thuế trước-bạ mỗi trăm là 2\$50 (2.50%).

Giấy bố mẹ cho con cái, chồng cho vợ bất-động-sản thì thuế trước-bạ là 6% (sáu phần trăm).

Giấy chia gia-tài do các người thừa-kế lập nên, để phân-phối với nhau, thuế trước-bạ là 0\$60%.

Những giấy nói trên, nếu để quá hạn hai tháng mới trước-bạ thì phải phạt một gấp đôi, và ít nhất cũng phải 2\$50.

Thuế di-sản. — Thuế di-sản hay là thuế sang tên vì mệnh-một, nay đổi lại như sau này :

Di-sản trừ một vạn đầu (10.000\$00) và trừ của lập hương-hỏa theo chúc-thư của người mệnh-một để lại (hương-hỏa không được quá một phần năm số tài-sản) không

Vệ-sinh các giống gia-súc, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

phải chịu thuế, còn di-sản bao nhiêu phải đánh thuế theo như các bậc sau này :

THỨ BẬC TRONG HỌ	1\$ đến 10.000\$	10.001\$ đến 30.000\$	30.001\$ đến 90.000\$	90.001\$ đến 240.000\$	240.001\$ đến 490.000\$	Trên 490.000\$
Hạng nhất Trực-hệ và vợ chồng	1\$80	2\$60	3\$50	4\$50	5\$50	6\$50
Hạng nhì Bàng-hệ và vợ thứ	5\$50	6\$50	7\$50	9\$00	11\$	13\$
Hạng ba Ngoại họ	14\$	16\$	18\$	20\$	23\$	27\$

Thuế di-sản đánh theo giá-trị các tài sản, trừ những tiền người mệnh-một mắc nợ ai không kể.

Hạn sáu tháng phải khai tại sở trước bạ, để quá hạn phải phạt 50 phần trăm số thuế phải chịu.

Những người để văn-lự quá hạn hai tháng không vào sổ, hoặc tài-sản của người mệnh-một từ 10.000\$ trở lên mà không khai để nộp thuế di-sản trong hạn hai tháng thì có thể xin ân giảm số tiền phạt được. Phải làm đơn kêu quan Giám-đốc sở Trước-bạ ở Hanoi (Directeur de l'Enregistrement) nói rõ vì duyên-cớ gì mà để chậm-trễ. Đơn phải dán tem 18 xu, và nộp cho viên chủ-sự sở trước-bạ, nhận đăng-bạ những chứng-thư hoặc tờ khai di-sản, viên ấy sẽ tùy trường-hợp làm tờ đệ trình mà tư xin giảm cho.

Thống-Chế PÉTAIN đã nói :

Các gia-đình có nghĩa-vụ giữ-dìn hết đời này
sang đời khác những đức tính cổ-cựu đã làm cho
dân-tộc hùng cường.

Trẻ con muốn giải-trí, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Thuế đăng-bạ điền-thổ

Ngoài thuế trước-bạ kể trên kia, những bất động-sản thuộc về thành-phố Hanoi và Haiphong mỗi khi chuyển-dịch còn phải chịu thêm tiền thuế đăng-bạ vào bằng-khoán (titre foncier) ở các sở quan-thủ điền-thổ Hanoi và Haiphong, theo như sắc-lệnh ngày 21 juillet 1925 chỉnh-đốn lại luật xứ Nam-kỳ. Mỗi lần sang tên, cứ lĩnh 0\$20/. về giá tiền điền-thổ bất động-sản và các tiền phụ ít nhất phải chịu 1\$40 Đăng-bạ những chứng-thư canh-cải các tài-sản quyền thuộc, ít nhất là 0\$70.

Ai cũng có quyền đến xin các viên quan-thủ điền-thổ cho biết những bất-động-sản mình định tậu hoặc định sai-áp xem đứng tên người nào, hoặc người chủ sở-hữu có bị công nợ gì không. Hỏi mỗi mục, mất 0\$20 và ít nhất là 0\$50 - Xin bản sao những chứng-thư đệ nộp và lưu-trữ tại hồ-sơ thì mỗi tờ khổ 0^m18×0^m24, cả hai mặt đánh máy 60 dòng, mỗi dòng 25 chữ, giá là 0\$50.

Về nhà đất ở Hanoi thì đến sở Quản-thủ điền-thổ Hanoi, phố hàng Trống, số 106 (rue Jules Ferry), về nhà đất ở Haiphong thì hỏi cũng sở ấy ở Haiphong, phố Maréchal Joffre.

Tiện đây, xin nói qua về chế-độ điền-thổ huyện Hoàn-long và mấy tổng thuộc huyện Thanh-trì và phủ Hoài-đức mới sáp-nhập vào thành-phố Hanoi theo Dụ của đức Bảo-Đại ban-hành ngày 11 juillet 1942. Đáng lẽ cũng phải theo như thành-phố Hanoi tức là theo sắc-lệnh ngày 21 juillet 1925, nhưng vì Chính-phủ muốn giữ theo phong-tục An-nam, nên các bất-động-sản ấy phải theo chế-độ trong sắc-lệnh ngày 29 mars 1939 thi hành về những đất thuộc quyền bảo-hộ.

Chính-phủ sẽ mở những cuộc điều-tra về tài-sản-quyền, mục-
đích lập một quyền địa-bạ vĩnh-viễn không thể khiêu-
nại được và phát cho mỗi nghiệp chủ về mỗi thửa đất một
cái bằng-khoán, trong có nói đến quyền sở-hữu của mình.
(Bắt đầu từ 1^{er} décembre 1942 đã mở cuộc điều-tra về sáu
làng Thổ-quan, Mỹ-đức, Linh-quang, Văn-chương, Trung-
phụng và Xã-đàn thuộc tổng Vĩnh-an, huyện Hoàn-long.
Các tài-chủ, các chủ có nợ về các bất-động-sản tại các
làng này phải đến khai-báo và nếu có cần, phải kháng-cáo
ở sở Quản-thủ Điện-thủ Hanoi, phố hàng Trống, số 106
(Rue Jules Ferry) trong hạn 6 tháng. Đến ngày 1^{er} juin
1943 thì những giấy-má, lời khai và lễ phản-kháng không
thể nhận được nữa).

coton, Imprimerie de hanoi 85 rue du coton,

imprimerie de hanoi 85 rue du

SỔ SÁCH,

GIẤY MÁ,

THIỆP DANH,

GIẤY BẢO

TIN HIẾU HỈ.

NÊN LAI

HÀ-THÀNH ẨM-QUÁN

(IMPRIMERIE DE HANOI)

85, phố hàng Bông, Hanoi

imprimerie de hanoi 85 rue du

coton, Imprimerie de hanoi 85 rue du coton,

Cách thử mật-ong thế nào xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Những việc giao-dịch với sở Bưu-điện

Thư (*lettres*)

Muốn gửi thư, có thể bỏ vào phong-bì dán kín, ngoài phong - bì phải đề rõ :

1. — Tên và chỗ ở người nhận, nhất là tên tỉnh thì bao giờ cũng nên đề ở dưới phong-bì và bằng chữ to cho rõ-ràng, để khi sở bưu-điện phân-phát thư, khỏi lầm và được mau-chóng.

2. — Tên và chỗ ở của người gửi, không bắt buộc phải đề, nhưng nên biên vào góc hay ở trên phong-bì đề phòng khi thư không giao được, sở bưu-điện biết chỗ người gửi mà trả lại.

Mỗi cái thư 10 grammes trở xuống, phải dán tem (con-niêm) 0\$06. Từ 11 đến 20 grammes dán 0\$15.

Nếu không có cân cân thì cứ một trang giấy học-trò với cái phong-bì không to, không dày lắm, là vừa 10 grammes.

Tem nên dán vào góc phong-bì bên phải (tay mặt), không được đề giấy bần hay gạch bút mực qua, vì tem bần hay gạch mực, người ta có thể hồ-nghi là tem đóng dấu rồi.

Nhân tiện, xin nhắc rằng dùng tem đã đóng dấu thì phải truy-tố vào tội giả-mạo, có thể phạt giam và phạt bạc được. Nếu lỡ không có tem, chẳng thà gửi không tem, người nhận chỉ phải phạt gấp đôi, nghĩa là 0\$12 thôi.

Tem in ngay vào phong-bì, không được phép cắt ra dán vào bì khác. Nếu đề lắm, có thể dán giấy khác đề lên phong-bì và đề lại cũng được.

Có nhiều người cứ tưởng lầm rằng gửi thư không dán tem, hay là gửi bảo-đảm (*recommandé*) thì nhanh hơn, chứ có biết đầu thư không dán tem, khi đến sở bưu-điện còn phải giữ lại đề dán tem phạt, phải vào sổ rồi mới cho phát đi, hay gọi đến lấy, mất bao nhiêu thì-giờ !

Khoáy trâu thế nào là tốt, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Muốn lĩnh thư bảo-đảm, người nhận thư phải theo thể-lệ như là lĩnh mǎng-đa (mandat) sẽ nói ở sau.

Tiền cước gửi thư bảo-đảm là 0\$30, không kể tiền tem dán thư nặng nhẹ bao nhiêu. Thư bảo-đảm không phát được, thì trong một tháng sở bưu-điện sẽ trả lại người gửi. Nếu mất thì sẽ đền 15\$.

Muốn gửi thư bảo-đảm, phải đến sở bưu-điện, xin tờ giấy khai, rồi/biên rõ tên và chỗ ở người gửi và người nhận, theo như trong giấy đã in sẵn. Sở bưu-điện giữ lại nửa tờ khai ấy, còn một nửa thì giao cho mình để làm bằng.

Gửi mẫu hàng (échantillon) và những gói không dán kín (paquets non clos)

Gửi theo hai lối này thì không được dán hồ, gấn xi, cặp chì, hay dán giấy lên dây buộc, nghĩa là không được dán kín, phải gói thế nào để cho sở bưu-điện có thể mở ra khám xét được. Cấm không được bỏ thư vào trong. Tiền gửi bảo-đảm hai lối này có 0\$20 thôi, chưa kể tiền tem gói nặng nhẹ bao nhiêu.

Các thể-lệ gửi và nhận những gói mẫu hàng hay những gói không dán kín cũng như thể-lệ thư bảo-đảm.

Mẫu hàng hay là những gói không dán kín, gửi bảo-đảm, lỡ mất thì sở bưu - điện phải đền 7\$50.

Nhật-trình, tạp chí (périodiques)

Các nhà báo gửi nhật-trình đã có giá riêng. Người thường gửi riêng cho nhau thì cứ mỗi tờ hay cuốn, từ 50 grammes trở xuống, phải dán 0\$04 tem.

Cấm không được bỏ thư vào trong hay viết gì vào nhật-trình.

Danh-thiệp (cartes de visite)

Ngoài tên và nghề-nghiệp không kể, danh-thiệp không viết thêm chữ nào, hay là viết từ 5 chữ trở lại, như lời chúc tụng, cảm-ơn, chia buồn, vân vân, thì phải dán 0\$05.

Ngoài 5 chữ thì phải dán 0\$06 như một cái thư vậy.

Phép chọn trâu cày thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Điện-tín (*telegraphe*)

Muốn gửi điện-tín, phải viết rõ-ràng vào giấy những điều sau này : 1. — Tên và chỗ ở người nhận ; 2. — Lòng điện-tín ; 3. — Tên người gửi.

Sở bưu điện có giấy riêng để cho những người đến gửi điện-tín không mang giấy.

Ở dưới bức điện-tín, phải đề rõ tên và chỗ ở người gửi, để phòng khi điện-tín không giao được thì sở bưu-điện sẽ báo cho mình biết. Những chữ ấy, nếu mình không muốn đánh di, thì không phải trả tiền.

Điện-tín phải viết bằng chữ tây hay chữ quốc-ngữ, chứ không viết bằng chữ nho được.

Điện-tín gửi đi mỗi chữ phải trả 0\$10 nhưng mỗi bức ít nhất cũng phải trả 1\$00.

Tên phố, dù dài mấy chữ cũng chỉ tính là một. Ví dụ : Route du village du Papier, Rue de la Sapèquerie, cũng chỉ tính là một chữ thôi.

Đánh điện-tín, muốn trả tiền trước để người nhận, khi trả-lời không phải trả tiền cũng được. Như vậy, phải trả ít nhất là 1\$00 (giá tiền 10 chữ).

Muốn điện-tín của mình được đánh trước và đưa trước các bức khác, thì phải trả gấp đôi tiền, nghĩa là mỗi bức phải trả ít nhất là 2\$00. Ngoài ra, mỗi chữ trả thêm 0\$20.

Điện-tín gửi về các nhà-quê thì chỉ nhanh hơn thư thường là được đánh bằng điện, từ tỉnh này đến tỉnh kia. Còn từ tỉnh về quê thì cũng gửi như các thư thường. Vậy muốn sở bưu-điện cho đưa ngay, thì phải trả thêm tiền thuê người mang, ít nhất là 0\$20. Nếu chỗ ở của người nhận cách xa sở bưu-điện ngoài ba cây số thì phải trả thêm mỗi cây số là 0\$06.

Nếu mình không biết rõ từ tỉnh-ly về chỗ ở người nhận là mấy cây số, thì có thể ký cược trước một số tiền là bao nhiêu. Khi điện-tín đã đưa đến nơi rồi thì sở bưu-điện sẽ tính quãng đường trường ấy là mấy cây số, phải trả bao nhiêu tiền.

Lùng bèo hoa-dâu có lợi những gì, xem Tân-nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Nếu số tiền mình gửi còn thừa, thì sẽ trả lại, nếu thiếu thì mình phải trả thêm.

Còn nhiều cách khác gửi điện-tín, muốn biết thì phải hỏi sở bưu-điện.

Điện-thoại (téléphone)

Muốn dùng máy điện-thoại mà nhà mình không có máy thì phải đến sở bưu-điện xin nói chuyện đến máy-nói số mấy, ở nơi nào. Nếu người mình gọi, cũng không có máy-nói thì phải nhờ nhà bưu-điện làm giấy gọi (avis d'appel téléphonique) giá nhất định là 0\$50. Đến lúc nói chuyện thì tính từng ba phút một, tùy theo gần xa mà trả tiền. Ngoài giờ làm việc thì phải trả gấp đôi, và từ 22 giờ (10 giờ đêm) đến 6 giờ sáng, thì phải gấp ba, nhưng chỉ có thể gọi những nhà có máy-nói thôi.

Lại còn cách gửi giấy bằng điện-thoại (message téléphonique) nghĩa là mình đọc cho sở bưu-điện viết ra giấy. Cách này rẻ tiền hơn điện-tín, song phải biết cách đọc và đọc nhanh thì mới lợi, vì cũng như nói điện-thoại, sở bưu-điện cũng đếm từng ba phút một mà tính tiền. Mỗi cái giấy điện-thoại có thể nói được đến 50 chữ, và giá là 0\$55. Nhưng nếu nơi mình gọi xa quá 100km (theo đường thẳng chim bay) thì không được gửi giấy điện-thoại

Khi ngoài giờ làm, thì không gửi giấy bằng điện-thoại được.

Măng-đa (mandat)

Có hai thứ măng-đa :

1.) măng-đa bưu-phiếu (mandat poste) để gửi kèm với thư.

Khi mua măng-đa, sở bưu-chính đưa cho cái phiếu có hai mảnh. Nhớ gửi mảnh lớn đi, còn mảnh nhỏ là cái cuống biên-lai (récépissé) thì giữ lại, đề phòng khi bưu-phiếu lạc mất, thì mang cái cuống ấy mà trình.

2.) măng-đa điện-phiếu (mandat télégraphique) thì sở bưu-chính đánh điện hộ đến chỗ mình gửi. Cách này dùng gửi tiền

Cách dùng bèo hoa dâu thế nào xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

đi tỉnh xa thì chóng và tiện, song ngoài tiền cước măng-đa, phải trả thêm tiền điện-phí, ít nhất là 1\$00 nữa.

Muốn gửi măng-đa gì thì phải đề vào đầu mảnh giấy là mandat poste hay mandat télégraphique, rồi biên :

- 1) — Tên và chỗ ở của người gửi ;
- 2) — Tên và chỗ ở của người nhận ;
- 3) — Số tiền gửi đi.

Tiền gửi từ một xu đến 15\$00 phải trả 0\$15 cước. Quá 15\$00 đến 200\$00 thì mỗi đồng bạc phải 0\$01 tiền cước. Ngoài 200\$00 đến 500\$00 thì mỗi đồng bạc phải trả nửa xu. Còn từ 500\$00 trở lên, thì cứ 10\$ phải trả 0\$01 tiền cước. Măng-đa bưu-phiếu thì lĩnh ở sở bưu-chính tỉnh nào cũng được. Măng-đa điện-phiếu thì không thể. Muốn rõ, phải hỏi sở bưu-chính.

Hạn lĩnh măng-đa bưu-phiếu là 3 tháng. Ngoài hạn ấy, phải trả thêm tiền cước. Để quá một năm không lĩnh thì mất.

Lỡ đánh mất măng-đa bưu-phiếu thì phải làm đơn kêu quan Chánh nha Bưu-chính hạt mình, nghĩa là phía Bắc thì Hanoi và phía Nam thì Saigon, và đính theo đơn cái cuống măng-đa bưu-phiếu bị mất và phải nộp 0\$30 tiền tem.

Độ 6 hay 9 tháng thì sẽ được lĩnh lại số tiền mất ấy tùy theo điện-phiếu hay bưu-phiếu.

Lĩnh măng-đa thì phải hợp một điều-kiện trong các điều-kiện sau này :

- 1) — Có giấy căn-cước và biết ký tên.
- 2) — Có thẻ thuế thân dán ảnh. Ảnh ấy phải có kiểm (cachet sec) của quan đầu tỉnh nhận-thực.
- 3) — Hai người có giấy căn-cước và biết ký tên làm chứng cho.
- 4) — Có lý-trưởng nhận-thực và xin quan đầu tỉnh nhận - thực chữ ký của lý-trưởng.

Đó là bốn cách lĩnh măng-đa của ta thường dùng. Còn nhiều cách khác, muốn biết phải hỏi sở bưu-chính. Măng-đa gửi đi, nếu muốn lĩnh lại, cũng phải theo các thẻ-lệ trên.

Bón lúa chiêm thế nào cho lợi, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Bưu-kiện (*colis postal*)

Bưu-kiện là những hộp hay là gói hàng giao cho sở Bưu-điện tải cho. Hộp dài, ngắn và nặng, nhẹ bao nhiêu, đã có lệ hạn định. Gửi bưu-kiện, phải buộc và gói cẩn-thận hay đóng hộp cho chắc-chắn để khi mang đi đường khỏi rách và vỡ (bể) được. Nếu gói buộc cầu-thả, lỗ hư-hỏng hay mất mát thì sở bưu-điện không chịu trách-nhiệm.

Những thứ như nước, rượu, dầu, phải đóng hai lần vỏ, nghĩa là một lần chai, một lần hộp và phải để vào mật-cura hay chất gì có thể thấm nước được.

Cấm không được bỏ thư từ vào bưu-kiện. Chỉ có thể để một tờ giấy khai giá (*facture*) hay địa-chỉ của người gửi và người nhận thôi.

Những tiền bạc đang lưu-hành trong nước, cấm tiết không được gửi. Những vật bằng vàng, bạc như đồ nữ-trang, phải gửi theo cách khai giá (*valeur déclarée*).

Như vậy, phải biên số tiền khai giá là bao nhiêu, vừa bằng chữ (*lettres*) vừa bằng số (*chiffres*) vào dòng khai giá, ở trong tờ giấy gửi bưu-kiện.

Muốn gửi bưu-kiện lãnh hóa giao ngân (*contre-remboursement*) cũng phải biên như vậy. Những chất nổ hay dễ cháy, nguy-biêm, hay hôi-thối thì không được gửi.

Các bưu-kiện không được quá trọng-lượng và kích-thước sau này :

3 kilos	không được dài quá 1m25 và quá 60dm ³
5	1m25 . . . 60dm ³
10	1m50 . . . 80dm ³
15	1m50 . . . 100dm ³
20	1m50 . . . 120dm ³

Ngoài bưu-kiện phải để địa-chỉ người gửi và người nhận cho rõ-ràng và phải để bằng bút mực, chứ không được để bằng bút chì, phải biên rõ ở trang sau tờ khai

rằng nếu bưu-kiện không đưa được thì phải làm thẻ nào, hoặc gửi trả lại mình, hoặc hủy bỏ đi, vân vân....

Giá tiền như sau này :

Trọng lượng	3kgs	5kgs	10kgs	15kgs	20kgs
Cùng một khu-vực .	0.30	0.50	0 90	1 40	1 80
Khu vực giáp giới .	0.60	1.00	1.80	2.80	3.60
Khu vực xa	1.00	1.70	3.00	4.00	6.00

Những khu-vực ấy phải hỏi sở Bưu-điện mới biết được.

Những bưu-kiện 15kgs hay 20kgs, chỉ gửi được ở nơi nào có xe-hỏa thôi.

Ngoài số tiền kể trên, mỗi bưu-kiện phải trả thêm 0\$08 tiền tem thuế (timbre fiscal). Nếu gửi nhiều bưu-kiện mà cùng cho một người ở một chỗ, cùng một hạng cân, thì có thể chỉ khai một tờ thôi, và cứ ba bưu-kiện mới phải trả 0\$08 tiền tem thuế.

Nếu mất bưu-kiện thì Nhà-nước đền như sau này :

Bưu-kiện	3kgs	—	10.00
—	5kgs	—	15.00
—	10kgs	—	25.00
—	15kgs	—	30.00
—	20kgs	—	35.00

Than thở.

Hai bà láng-diềng cùng than-thở về vú sữa. Một bà nói :

— Con vú nhà tôi hôm qua đưa trẻ đi chơi, để kẻ-cấp tháo ngay cái vòng cổ.

— Thế cũng chưa tệ bằng con vú nhà tôi, phải cho ra ngày hôm qua.

— Sao vậy !

Bà kia tiểu chủ vào tai.

Bà nọ hốt hoảng :

— Tôi đã bảo mà, chẳng thà cứ để cho ông ấy đi tối còn hơn !

Lời chỉ bảo của Docteur

Cách phòng và cách trị mấy chứng-bệnh trẻ-con

Cuồng-nhau không rụng và thối. — Rửa thuốc permanganate de chaux 1/000, eau oxygénée 1/4, thấm khô, rồi rắc peroxyde de zinc hay là bột này :

Poudre de quinquina gris	15gr
Poudre de tanin	2gr
Poudre d'acide borique	3gr

Cuồng-nhau rụng rồi, rốn có mủ. — Rửa thuốc như ở trên, thấm khô, bôi teinture d'iode loãng, chấm nitrate d'argent 1/10, rắc bột aristol.

Rốn sưng, chung-quanh đỏ. — Rửa sạch, lấy vải bông lược, lúc còn nóng nóng, đắp vào rốn. Nếu xem chừng thành nhọt, sốt nhiều, thấy đờm bé da vàng, nôn mửa, đi rữa, phải mời thầy-thuốc ngay.

Sài uốn-ván vì cắt rốn và buộc rốn bẩn. — Đứa-trẻ cứng hàm không nói được, chân tay cứng, cổ ngửa ra đằng sau, lưng uốn cong. Khó khỏi lắm, phải mời thầy-thuốc, hay đưa đi nhà-thương.

Cách phòng : Cắt nhau bằng kéo lược nước sôi rất kỹ, buộc chặt bằng chỉ cũng lược kỹ, bọc vải hấp có thấm rượu 90 phần. Chớ cắt nhau bằng dũa.

Trẻ mới đẻ ra một vài hôm, mắt không mở được, mí-mắt sưng húp, mủ mắt ra nhiều. — Là tại trùng bệnh lậu (mắc khi lọt lòng ở mình người mẹ có bệnh). Vành mí-mắt, lấy bông-hấp, nhúng nước permanganate de potasse 0gr10/1000 vắt vào trong mắt, càng nhiều càng tốt, đoạn giở vào mỗi mắt một giọt nitrate d'argent 1/100, hay argyrol 1/20. Cho uống chia ba một phần viên dagélan một, làm 4, 5 lần trong bốn, năm ngày luôn.

Cách phòng. — Chữa người mẹ trước khi đẻ, thật nước permanganate de potasse 1/3.000 lúc giờ dạ. Đứa trẻ mới xõ ra, lau ngay mí-mắt, giở mỗi bên một vài giọt thuốc mắt nói trên.

Xõ mũi, tắc mũi. — Rất khó chịu cho đứa bé, bệnh làm cho nó khó bú, ngủ không yên, ráo mồm. Trước khi cho bú, vể một tí bông sạch, thấm huile d'amandes douces, thông lỗ mũi cho đứa-bé hắt-hơi dễ thở, có khi bú được. Nếu mũi tắc tị quá, đứa-trẻ không bú được thì phải vắt sữa vào thìa (lược kỹ) để cho nó uống.

Theo luật thổ rão gọi tư-thự chứng-thự,

Thấy tắc mũi, lâu không khỏi, mũi chảy trước ra nước, sau ra mủ hung-hung, hay xám-xám, và ở gan bàn-tay, bàn-chân lại thấy phồng lên, rồi tróc da, thì chắc đứa-trẻ bị nọc giang mai truyền.

Cách phòng,— Nếu lạnh, phải ủ chân cho đứa-trẻ, đừng đặt nó hay tắm nó ở chỗ có luồng gió. Bố mẹ bị giang-mai, phải chăm chữa.

Sưng đỏ, mọc mụn, loét trong mồm. — Tùy nặng nhẹ, rửa nước sôi để ấm ấm, eau oxygénée 1/10, chấm collutoire boraté 1/10, collutoire iodé 1/10, acide lactique, collutoire au bleu de méthylène 1/30, solution de chlorate de potasse 1/10.

Cách phòng. — Giữ mồm đứa trẻ thật sạch, cho bú hay cho ăn xong, lấy bông thấm eau oxygénée 1/10 lau, trẻ lớn bắt nó đánh răng, súc miệng bằng thuốc sát trùng.

Tưa — Sinh bởi một thứ nấm rất nhỏ, tại sữa bú cặn ở trong mồm thành chua. Thường những trẻ yếu, gày còm hay là bị đi tuột năng mắc phải.

Lấy vải mềm và sạch cuộn vào ngón tay, thấm vào eau de Vichy hay vào collutoire boraté 1/10 lau hết chỗ có mụn tưa ở trong mồm.

Cách phòng. — Chữa cho đứa trẻ ăn uống chóng tiêu-hóa, cho bú xong, lau trong mồm nó bằng nước Vichy hay bicarbonate de soude 10/1000.

Nôn mửa, đi tuột. — Bú xong, ợ ra ít sữa, là tại cho bú nhiều. Hễ trớ, đi ngoài sệt sệt giảm ba lần thì phải thưa cho ăn (bỏ vài ba lần bú, thay bằng nước đường loãng). Nếu không khỏi, cho nhịn hẳn, thay bữa ăn bằng bouillon rau làm thế này:

Khoai tây	}	Mỗi thứ 65gr
Cà-rốt		
Đậu trắng	}	Mỗi thứ 25gr
Củ-cải đỏ		

Cho vào nồi, đổ một litre nước, đậy vung, đun nhỏ lửa trong 4 giờ cho thật nhừ và cạn đi, lúc cho ăn, lọc lấy nước và cho một tí muối cho đậm.

Thuốc. — Lấy muối (sulfate de soude : mỗi tuổi 2gr) lúc mới có bệnh,— acide lactique, 1 hay 2gr một ngày, pha với

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngọ.

nước cho uống dần từng thìa cà-phê sau khi cho uống bouillon, —
ferments lactiques, oxyléine, aniodol, tannigène.

Rửa ruột bằng nước muối 8/1 000 nếu phân có máu, mũi.

Rửa dạ dày — id — nếu nôn mửa nhiều

Tắm nước ấm ấm nếu lạnh chân tay và có cơn giật.

Tắm bằng nước mát, nếu sốt nhiều.

Cho ăn uống theo như ở trên. Cách chữa thuốc phải đợi thầy-
thuốc đến thăm chỉ bảo.

Cách phòng : Cho bú, cho ăn điều-độ Trẻ-con còn bú ;
ba giờ một lần, 6. 7 lần một ngày. Cai sữa từ từ vào những
ngày trời mát. Trẻ-con đã lớn : 3, 4 bữa một ngày, đừng cho
ăn vặt, ăn thứ khó tiêu, nhiều đồ ngọt.

Nôn từng kỳ. — Có trẻ cứ nôn thốc nôn tháo sau khi ăn
uống, nôn từng thời-kỳ, xanh yếu dần dần, phân thường táo,
Phải đưa nó đi thầy-thuốc thăm. Đưa trẻ ấy thường trong máu
và nước-liều có acétone.

Táo. — Thường là tại ăn ít quá hay là tại ăn sữa bò. Thụt
nước (20gr hay 60gr tùy tuổi), cho vào hậu-môn một thoi con
beurre de cacao, xoa da bụng từ bên phải sang bên trái, cho
uống dầu ricin, mỗi tuổi nửa thìa cà-phê, mannite 0gr 50 một tuổi, —
nước cam.

Cách phòng : Nếu vì ăn ít thì cho ăn thêm lên, vì sữa bò
thì thay sữa người. Sau khi ăn, cho nó uống ít nước cam (vừa
nhuận tràng, vừa bổ) hay nước lactosée.

Sài-mòn. — Vì ăn uống không tiêu-hóa : đưa-trẻ gầy dần,
da nhẵn nheo, đi ngoài, lúc lỏng vàng, xanh, có mũi máu tanh-
hôi, lúc không, khi ăn được, khi không ăn được, nôn mửa,
chân nặng, mắt mờ (thiếu chất sinh-tổ vitamine A).

Cách phòng và các chữa : Chữa chứng không tiêu từ lúc
mới phát ra, cho ăn có bữa, cho uống thứ có sinh-chất, tiêm
nước bẽ

Sài-kinh giật. — Bởi nhiều bệnh sinh ra : động-kinh, bệnh
thần-kinh, bội-thực, run-sán, mọc răng, sốt, đi rữa. Bố mẹ bị
bệnh thần-kinh, nghiện rượu, sinh ra con hay bị chứng kinh

Theo luật Tây, ai được làm công-chính chứng-thư,

giật. Trẻ con, lở khắp người mà chữa một cách mạnh bạo dễ chóng khỏi, cũng có khi lên cơn kinh giật.

Chữa những bệnh sinh ra kinh giật :

Lở nhiều, bôi thuốc từng chỗ một, đừng bôi khắp cả người. Lúc lên cơn, cởi quần áo cho đứa trẻ, nhúng nó vào nước cam-cúc ấm 36 độ, thụt thuốc này vào đít nó :

Sữa	100gr	
Lòng đỏ trứng	1 cái	
Chloral	0gr10	mỗi tuổi
Bromure de sodium	1gr	

Sưng phế và khí-quản — Sảy ra trong khi lên sởi, ho-gà, cảm, yết-hầu . . . Đứa bé uể-oải, hay quấy, biếng bú, biếng ăn, sốt liên-miên, khó thở, (cánh mũi phập phồng), mặt tái.

Đặt riêng đứa bé vào một phòng, vì có thể lây ra trẻ khác được. Lúc mới, nếu đứa trẻ có sức thì cho nó rửa (cách một giờ cho uống một thìa cà-phê sirop d'ipéca)

Bọc ngực bằng bông tẩm huile goménolée 1/30, hay là chườm bột hạt-cải (moutarde). Ngâm nước ấm 36° nếu có kinh giật. Cuộn vải nhúng nước lạnh nếu trẻ nóng nhiều và khó thở. Tiêm thuốc bổ tim (huile camphrée, sparlocamphre) oxygène. Cho uống dóc đờm (poudre de Dower, oxyde blanc d'antimoine) đỡ mệt (acétate d'amoniaque) . . .

Cho uống Dagénan, Bactéramide thần-hiệu lắm (mỗi tuổi 0gr10) trong 4, 5 ngày luôn.

Chốc — Thường lúc mới thì phát ở da đầu, hay ở thóp, chỗ đám cứt-trầu, sau lan ra mặt và chỗ khác.

Rửa hay đắp nước Dalibour (1 phần thuốc, 3 phần nước), khi hết vẩy, chấm violet de méthyle 0gr10, vert de méthyle 0gr10 Rượu 60° 100gr, sau bôi pommade à l'oxyde jaune de mercure 1/100.

Có thể lây, đừng để nằm chung với trẻ khác.

A) Lở từng mụn như hạt ngô, có mủ : lấy danh-ghim hơ rượu, chấm teinture d'iode, kêu, nặn hết mủ, rồi bôi pommade à l'oxyde jaune de mercure, hay là pommade de Dalibour.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

B) Lấm-tấm, chảy nước vàng hay lang. Có khi chữa lâu mới khỏi. Phải tìm căn-nguyên: thường lại các bệnh tiêu-hóa

Chữa các bệnh ấy: hoặc lấy, cho thuốc liêu, thay sữa. . . .
Lúc mới, đắp huile d'amande douce, pommade au carbonate de bismuth, khi không tẩy và khô, bôi pommade à l'ectogan 1/5 au goudron 1/100

Hăm. — Tại đê nước dãi (ở cằm, ở cổ) nước tiểu (ở khe dít) ướt luôn, có khi tại đi tướt (ở chung quanh hậu môn).

Chữa bệnh đi tướt: Giữ da dĩa trẻ cho khô ráo luôn, rắc bột talc. Chấm chỗ da hăm bằng nitrate d'argent 1/100, hay là vert de méthyle nói trên, xong rắc bột talc.

Thống-Chế PÉTAIN đã nói:

Hỡi dân Đại - Pháp và Đông - Dương, anh em hãy nhớ rằng chúng ta đã chia sẻ gánh nặng với nhau từ bao giờ rồi. Trên khắp giải đất Đông-Dương, đâu đâu cũng thấy ghi giấu một sự hợp-tác giấu về nỗ lực, đầy kết quả hay. Giữa buổi gian-truân này, sự đoàn-tụ bất diệt và hữu-ái là cái lẽ tối cao để hy vọng vào nước Pháp vĩnh viễn

Ông ngọc.

Ông Bá nuôi được thằng nhỏ rất tốt dạ, bảo trước quên sau. Một hôm, mời khách ăn cơm, muốn ra vẻ lịch sự, bèn dặn nó phải ăn nói cho lễ phép, rồi bảo:

— Chiều nay lúc dọn ăn, tao sai bảo gì, thì cứ gọi mày là thằng bếp nhé.

— Vâng ạ, thế con phải gọi ông là 'gì?

— Ngọc!

— Con nhớ rồi, Ngọc, Ngọc.

Muốn rõ phần thuế thân của mình phải nộp,

Mấy cách chữa ghẻ

Bệnh ghẻ là gì ai cũng biết cả. Chữa chẳng khó gì, vậy mà nhiều người cứ để mình mẩy chân tay ghẻ lở, roi góm chết. Ngoài những thứ thuốc ta thường dùng mà đâu cũng có bán, nay bản-xã mách giúp độc giả những cách chữa sau này :

I. Xoa dầu-hỏa. — Lấy dầu-hỏa, pha thêm hai ba phần nước lã, trước khi đi ngủ, sát kỹ mình mẩy độ hai ba hôm luôn.

Quấy cho đều, vì dầu-hỏa nổi trên nước. Sáng dậy, tắm bằng xà-phòng cho sạch dầu, đến tối lại xoa (thoa) dầu-hỏa.

II. Làm xà-phòng (xa bong) có pha dầu-hỏa. — Làm lấy xà-phòng theo cách sau này mà tắm, mỗi ngày chừng ba bốn lần :

Xà-phòng Marseille	100 grammes
Dầu hỏa	50 grammes
Rượu 90 phần	50 grammes
Sáp ong	40 grammes

III. Sulfure de calcium lỏng. — Lấy diêm-sinh tán nhỏ 50 grammes, vôi chưa tôi 100 grammes, nước lã 500 grammes, chộn với nhau rồi đem đun sôi. Khi nước nguội, đổ vào trong một cái chai nút nút kín và để cho lắng cặn. Một chai ấy, dùng được 4, 5 người.

Cách chữa :

- 1.) Xát xà-phòng, tắm bằng bàn-chải trong nửa giờ đồng hồ.
- 2.) Ngâm nước ấm trong nửa giờ.
- 3.) Xoa mình mẩy bằng thuốc trong chai ấy, rồi cứ để thế trong 15 phút cho khô, đừng lau.
- 4.) Tắm nước ấm độ 15 phút nữa cho sạch thuốc. Cả thấy trong 2 giờ đồng-hồ có thể khỏi được.

IV. Pommade soufrée d'Helmérich Hardy. — Lấy mỡ lợn 120 grammes, diêm-sinh tán nhỏ 20 grammes, carbonate de potasse 10 grammes chộn lẫn với nhau.

Cách chữa :

- 1.) Tắm xà-phòng đen và xát bàn-chải trong nửa giờ.
- 2.) Ngâm nước ấm, xát bàn-chải trong nửa giờ.
- 3.) Lấy nước ấy mà xoa vào mình độ 10 phút.

bao nhiêu, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Thống-Chế PÉTAIN đã nói :

Không phải là có nhiều cách để trung-thành với Pháp - Quốc. Người ta không thể phụng - sự nước Pháp một khi người ta phản - kháng hợp - nhất Đại Pháp, hợp - nhất Mầu Quốc và Đế - Quốc.

4*) Sáng hôm sau, tắm bằng xà-phòng cho sạch thuốc. Độ hai lần như thế khỏi hẳn.

LỜI DẶN. — Bốn cách chữa ghẻ trên ấy làm cho da bị sót, chỉ dùng cho người từ 15, 16 tuổi trở lên thôi. Muốn khỏi hại da thì trong ba hôm luôn, nên ngâm độ 20 phút vào nước nóng có hòa 500gr. amidon. Tắm xong, lấy poudre de talc hòa với sous-nitrate de bismuth, hai thứ ngang nhau mà xoa mình mẩy.

V. **Pommade au baume du Pérou.** — (Dùng cho những người nhỏ da và đàn-bà chữa). Mua ba thứ sau này chọn làm một :

Baume du Pérou	10 grammes
Lanoline	25 grammes
Vaseline	25 grammes

Buổi tối, trước khi đi ngủ, hai hôm luôn, tắm bằng xà phòng và nước ấm. Tắm xong, xoa thuốc trên ấy vào khắp thân-thể. Sáng hôm sau, tắm bằng bột amidon (hòa 500 grammes bột vào trong thùng tắm mà ngâm thân thể). Buổi tối, lại xoa thuốc trên kia và sáng hôm sau lại tắm bằng bột.

Nào các bạn nhà nông !

**Khó - nhọc luôn ngoài
đồng ;**

Mua vé số Đông-pháp :

**Trúng mười vạn, sướng
không ?**

THUỐC LÀO ĐÔNG LĨNH

Năm năm tháng tháng ngày ngày,
Lần lần lửa lửa rây rây mai mai.
Tri-âm bốn bề nào ai !

Thuốc Lào Đông - Linh, xin mời
nếm qua :
Cũng là thổ-sản nước nhà.

Theo luật ta, ai được làm công-chính chứng-thư

TRANG PHỤ-NỮ

Bếp nước, vá may

Kinh Dịch gọi đàn-bà là người «chủ chung-quỹ», nghĩa là làm chủ việc cơm nước trong nhà. Trong kinh Thi, kinh Lễ có dạy rằng: “ Khi tế tự nhà tôn-miếu, người chủ-phụ tay dâng bát đồ-nấu ”. Phương-ngôn cũng có câu rằng “ Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon, chín đụn mười con cũng lia ”. Xem đó thì biết rằng cô-nhân trọng việc đàn-bà nấu-nướng là dường bao. Bởi vì, trước tiên-hưởng nhà tôn-miếu, phụng-dưỡng cha mẹ, sau nuôi chồng con, đãi-tân-khách. Thức-ăn có tinh-sạch ngon-lành thì mới bổ thân-thể, không phải hư-vấn, bày đặt qua-loa xong bữa thì thôi. Chớ tưởng rằng ăn ngon phải có cao-lương mỹ-vị đâu. Nếu thế thì nhà nghèo lấy của đâu được? Người biết nấu ăn, chỉ năm bảy thứ mà xoay ra thành mấy mươi món. Con cá, lá rau mà nước lửa vừa vặn, mắm muối điều-hòa thì miếng ngon đánh ngã bát đầy, cũng tày cổ yến. Yến sào, bóng mực mà chém to kho mặn thì mâm cao cỗ đầy cũng phải chống đũa ngồi nhìn!

Vả lại, ăn uống gây nên cái lạc-thú cho gia-đình nữa. Như khi cha anh hay chồng con đi làm về, nom thấy trên bàn bát-đũa tinh-khiết, cơm rỏ canh ngọt, ăn rồi tỉnh táo quên hết mệt-nhọc, vợ con nói chuyện đàn-hòa thì còn gì vui thú bằng? Đàn ông được vợ như thế, còn bao giờ ước mong vui thú ở ngoài nữa?

Bởi vậy, bốn phận phụ-nữ phải sành việc chợ búa, cơm nước: thế nào là thịt sốt, là gà béo, là cá tươi, là rau non, đều phải biết. Bữa cơm nào cũng phải vào bếp, dầu nuôi đâu-bếp cũng không nên giao mặc họ được.

* * *

Còn như việc may vá thì cũng can-hệ như việc nấu nướng. “ Sợi tơ, sợi chỉ, rủ-rủ mà làm ”, phương-ngôn đã dạy thế. Đàn-bà, con-gái ngày nay hình như không biết chuộng việc vá may.

Biết may vá lấy, trong nhà một năm đỡ tốn được bao nhiêu tiền; Cho dầu lúc may nhiều, phải thuê thợ, thợ cũng không bắt bí ăn bớt được. Vả lại, những đồ mặc lót mình, chẳng lẽ mỗi lúc lại giao cho thợ khâu vá cả hay sao?

Xưa có một nhà văn-sĩ kén vợ. Người mối mách rằng: “ Nhà quan kia có ả tiểu-thư đẹp vào bậc chim sa, cá liêng, biết nghề đàn,

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

lại biết nghề văn-thơ. Văn-sĩ hỏi : Vậy cô ả có giỏi nghề cơm nước, vá may chăng ? Người mới đáp :

— Nhà ấy thiếu gì đầu-bếp với thợ-may ?
Văn sĩ nói :

— Thế thì nhà nho không dám, xin để nhường cho họ Mã ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.

Xem thế thì biết rằng :

*Việc cơm nước, việc vá may
Đều là phận-sự trong tay đàn-bà.
Trăm nghìn công việc lễ-gia,
Biết hai việc đó, mới là bản côn.
Vụng về trong việc gia-môn,
Dẫu rằng : trăm khéo, nghìn khôn cũng thừa.*

Trích trong quyển « Gương-Khuê »
của bản-xã sắp xuất-bản

Bạn gái làm thế nào được trẻ lâu ?

Các chị em bạn gái ta, đang thời tuổi trẻ, vui như mùa xuân, tươi như hoa nở, chưa biết cái già-yếu là cái chi chi. Nhưng chớ tưởng suốt đời, cứ được vui tươi như thế mãi đâu. Vậy nên, ta cần phải gìn-giữ cái xuân, cái trẻ ngay từ bây giờ, đừng đợi đến khi má đã răn mới biết lo âu gìn giữ thì nó đã quá muộn, bấy giờ mới cuống-cuồng đi tìm những thuốc quái, thuốc quỷ của thiên-hạ quảng-cáo rầm-rĩ mà bôi, mà uống..., chẳng những không cứu vớt được cái xuân mà có khi lại mua vạ vào mình nữa.

Giữ cho trẻ dai, này chị em ơi, chẳng có gì là khó cả. Chỉ cốt ở hai cách này : vận-động và ăn uống.

Ăn uống

Người con gái đẹp, chẳng những phải có mắt phượng, mày ngài, cái mũi ngay thẳng, cái miệng tươi cười, khỏe-mặt trái-soan đầy-dặn mà thôi đâu. Đẹp còn phải ở màu da hồng hào, tỏ rõ ra con người khỏe mạnh.

Chớ tưởng rằng ăn nhiều thịt cá là khỏe đâu, Ấy chính càng ăn lắm, má càng chóng răn đấy. Nghiệm ngay như người nhà-quê ta,

Muốn tính ngày, tháng, năm của âm-lịch ra dương-lịch

quanh năm có ăn thịt cá mảy, mà vẫn khỏe mạnh hồng-hào. Nhưng cũng đừng khảnh ăn quá mà lại hóa ra mình gầy xác xơ mà khốn.

Buổi sáng lót dạ, chớ nên ăn thịt, ăn mỡ. Ăn một bữa thịt buổi trưa là đủ rồi. Buổi chiều, ăn thịt chỉ tỏ hại dạ-dầy; ăn được nhiều rau, đậu tươi là tốt, vì nó có nhiều chất sắt rất bổ. Ăn được nhiều hoa quả càng tốt hơn nữa. Ăn quả thì nên ăn vào buổi sáng sớm lót dạ.

Những người ăn mau rất hại dạ-dầy, đồ ăn không nhai kỹ, xuống dạ-dầy không khác gì vất đá xuống ao. Vậy cần nhất là phải nhai kỹ.

Tắm-rửa và vận-động

Đừng bắt chước những ả chỉ lảo-lạo một chút ngoài da, rửa choền-hoén một cái bộ mặt, còn mình mẩy thì hàng tuần không biết gội nước là cái gì. Đàn-bà con-gái cần phải hàng ngày tắm rửa luôn, từ kẽ tóc đến gót chân. Nước, tùy thời-tiết mà dùng: mùa nực nước lạnh, mùa lạnh nước ấm. Mình mẩy có tắm thì da mới được mới mẻ, huyết lưu-thông mới được đều.

Cần nữa, là phải năng vận-động, đừng một bước cũng xe! mỗi ngày phải đi chân ít ra là một giờ thì mới khỏe. Các bà, các cô ở thành-thị nên tìm nơi thoáng khí ở ngoài thành-phố mà hít lấy cái hơi trong-sạch cho máu được tốt-tươi.

Đêm ngủ, chớ đóng cửa kính.

Muốn cho người khỏi bệu, khỏi cứng đờ, muốn được bộ thân-thể mềm-mại, dẻo-dang thì không thể không tập thể-thao được. Cách tập thể-thao của chị em phụ-nữ ta rất giản-dị, chẳng cần phải dùng khí-cụ gì cả, chỉ chân tay không là đủ rồi. Phép ấy là phép Thụy-điển (méthode suédoise) đã chỉ bảo và có hình vẽ trong *Tân-Nam-Lịch* năm Tân-ti (1941), trang 94.

Việc lau chùi đồ vật trong nhà

Các đồ-vật trang-hoàng trong nhà, có năng lau chùi thì mới giữ được lâu bền, trông mới ngoạn-mục. Người mình có tính cầu-thả, cứ đợi đến tết nguyên-đán hay là khi có việc vui mừng, như cưới xin thì mới tấp-nập đánh bàn ghế, đồ đồng,

xem *Tân-Nam-Lịch* năm Nhâm-ngọ

vấn vẩn. Trông nom việc đó, thuộc về gia-chính nghĩa là phận-sự của đàn-bà. Vậy bà chủ nhà phải biết cách lau chùi mỗi thứ khác nhau thế nào.

Lau chùi cửa kính và tủ gương

Những đồ-vật gì để gần cửa kính thì cất lui ra một chỗ để bụi khỏi bám vào. Quét cửa chớp, mảnh-mảnh ở phía ngoài, nếu nhấc ra được mà lau thì hơn. Mặt kính, lau bằng giấy nhật-trình và nước xà-phòng. Đánh bóng cũng bằng giấy nhật-trình. Sau rồi, lau lại bằng một miếng vải mềm thì sáng choang, vết bẩn của ruồi muỗi, lau bằng dầu-hỏa, ruồi muỗi ngửi mùi dầu ấy càng phải tránh xa.

Vết nhờn không sạch thì đánh bằng nước đái-quỉ pha với nước-lã.

Đánh đồ gỗ

1.) Trước hết, phải lau cho sạch bụi. Rồi đánh xi làm lấy bằng những chất sau này : Xi vàng 125 grammes, orcanette bột 30 grammes, đổ vào một cái xoong đặt trên lò lửa cho nó chảy ra, rồi lấy que quấy cho đều. Đoạn, lọc bằng một miếng vải thô và pha thêm 125 grammes térébenthine. Quấy mãi cho đến khi nguội mới thôi.

Chớ để essence de térébenthine gần lửa, vì dễ bén lửa.

2.) Lấy xi ấy xoa khắp mặt bàn ghế hay tủ, bằng một miếng len. Đoạn lấy một miếng len to và sạch đánh cho bóng.

Nếu là ghế có đệm bông nhồi liền, thì phải đem ra ngoài sân đập hết bụi ở đệm đã. Lấy một cái que cứng, bọc vải sạch mà đập cho khỏi hại đệm. Bây giờ người ta có chế ra cái máy hút bụi, không để bụi bay ra nhà, nhưng đệm dễ hỏng lắm.

Bụi bám vào ghế thì lấy rẻ lau là đủ, nếu gỗ chỗ chạm thì phải dùng bàn-chải mới hết bụi. Gỗ có vết bẩn, lau không đi thì phải lau bằng cồn hay bằng essence de térébenthine. Nếu là gỗ sơn thì chớ dùng cồn hay térébenthine mà bong hết sơn.

Nếu đệm giấy vết bẩn thì phải tùy vết mà tẩy, theo như cách tẩy vết quần áo.

Đánh đồ bạc

Rửa bằng nước nóng và xà-phòng. Nếu có vết ố hoen xám vì chất diêm-sinh, thí-dụ như chất trứng thì rửa bằng nước

Theo luật, thế-nào gọi là công-chính chừng-thư

lã pha mấy giọt nước đái-quỉ. Rồi lấy bột đánh giầy (blanc d'Espagne) hòa với nước hay rượu thì hơn, mà bôi vào đồ bạc. Đợi cho nó khô sẽ đánh bằng da chamois hay bằng nỉ, hoặc bằng một cái bàn-chải mềm.

Đánh đồ đồng

Đồng có nhiều vết bẩn thì phải lau bằng rử nhúng nước eau de cuivre. Nếu tay xước da, thì phải cẩn-thận, Đồng-lục thì tẩy bằng nước eau de Javel. Đồ đồng cũng có thể đánh bằng xà-phòng hay lá oseille. Đồng mạ vàng thì phải rửa bằng nước xà-phòng thật nóng và đánh bằng bàn-chải mềm, rồi rửa lại bằng nước lã cho sạch xà-phòng và các vết bẩn. Đoạn, để hóng gió cho khô hẳn, bấy giờ mới lấy rử sạch lau

Đồ thiếc

Lau cho sạch bụi rồi đánh bằng phấn tán nhỏ hòa với dầu olive, hoặc bằng một miếng nỉ thấm dầu-hỏa, hay là thấm còn chộn với cát nhỏ.

Đồ ngà

Dùng bàn-chải đánh bằng đá-bột tán nhỏ hòa với nước. Nếu có vết thì bôi bisulfite de soude, rồi đem phơi nắng.

Đồ đá hoa

Lau cho sạch bụi rồi lấy rử thấm nước ngâm cristaux de soude mà lau. Đoạn lấy nỉ sạch mà đánh bóng, nếu có vết nhòn thì lau bằng cồn.

Điều dặn chung

Lau cửa sổ, bàn ghế, đánh đồ gỗ, phủi bụi ở thảm, v. v... phải ngâm miệng cho bụi khỏi vào. Lau chùi xong, phải xỉ mũi và súc miệng cho kỹ.

Các nhà công thương, các người làm công tại các sở công thương muốn rõ quyền-lợi của mình, nên đọc :

Luật Lao - Công

(Sắc-lệnh ngày 30 décembre 1936)

Dịch gia : PHẠM - HUY - LỤC

Bán tại : Hà-Thành Ấn-Quán (Imprimerie de Hanoi)

85, phố hàng Bông, Hanoi

Giá : 0 \$ 12

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

KHOA-HỌC

Làm thế nào, các nhà bác-học đã chia ra từng giống người

Vì sự chiến-tranh và sự di-dân, cho nên các giống người thành lẫn lộn, mà những người nguyên giống không còn nữa. Vậy nên các nhà bác-học đã chia nhân-loại ra từng giống, theo :

1.) Màu da: vàng, trắng, đen, đỏ, v.v... và các màu tương-tự.

2.) Râu và tóc : râu tóc cứng, ít và thưa (người Á-đông) ; quăn và rậm (người Âu, Mỹ, Á-rập, Úc) ; ngắn, loăn-xoăn và rậm (người Phi-châu, Úc-châu).

3.) Thân người : cao lớn (người Bắc-phi, Á-rập, Sénégal, Âu, Mỹ) ; tầm thước (người Cận-đông, người da đỏ ở Mỹ-châu, người Ấn-độ) ; bé nhỏ (người Á-đông) ; lùn (Négrilles ở Phi-châu: 1^m30) ; cao nhất là người Anh ở Ecosse (1^m80).

4.) Vú : Vú tròn (Âu, Mỹ) ; to và dài (người Á-rập, Thổ-nhĩ Kỳ) ; chầy và nhỏ (người Á-đông) ; hình chũm-cau và nhọn (Mọi ở Congo, Sénégal, người Zoulou).

5.) Sức mạnh của bộ máy tiêu-hóa. Người Esquimaux (gần Bắc-cực) có thể ăn uống trong mấy ngày đêm liền, không nghỉ một phút nào, mà không bội-thực. Người Đông-phi (1^m30) có thể ăn một lúc 3 cân thịt và 70 mươi quả chuối-voi (mỗi quả to bằng cánh-tay), còn người Á-rập thì khảnh ăn hơn một tí : mỗi bữa cơm, ăn hết nửa con cừu ! Nhưng có thể nhịn ăn được trong một tuần-lễ.

6.) Cách ăn ở : a) Khi chào hỏi, người Âu, Mỹ, cúi đầu, ngả mũ hay bắt tay ; người Á-đông cúi đầu rồi vái ; người Tây-tạng thè lưỡi ; người Maori thì giáp mũi vào nhau.

b) Người Á-đông, Cận-đông, đàn ông lấy nhiều vợ. Đàn-bà Tây-tạng lấy nhiều chồng.

c) Người Âu, Mỹ, Á, làm nhà bằng gạch, đá, rơm, rạ. Người An-nam ta ở các thôn-quê, người Mọi Phi-châu làm bằng tre nứa, và lá cọ. Người Esquimaux (ở gần Bắc-cực) làm nhà bằng

Lối đề giấy bao tin hiệu hỉ thế nào cho nhã,

tuyết. Người Bắc-Nga, Phần-lan làm bầu, g. gỗ. Người Ả-rập phần nhiều chăn chiên, làm nhà bằng da cừu, bò, lạc-đà.

7.) Tôn-giáo : Đạo Thiên-chúa bắt kiêng thịt ngày thứ sáu, nhưng không cấm ăn cá và uống rượu. Đạo Phật và đạo Bà-la-môn bắt kiêng thịt, cá và rượu. Đạo Hồi-hồi chỉ bắt kiêng một thứ thịt lợn và kiêng rượu thôi, đàn-bà ra đường phải che mặt.

8.) Sự cảm-giác : Có thứ Mọi Phi-châu và Úc-châu thích ăn thịt người. Xưa kia, người Á-đông, vì mê-tín, có khi đem con chôn sống cho nó khỏi «lộn». Nhiều xứ còn hành hình các tội-nhân rất tàn ác : kìm, kẹp, phanh thây, treo cổ, mổ, sẻ, đâm, chém, lạng chì, chu di tam tộc. Nhưng ngày nay người ta bắt chước các nước Âu, Mỹ, dùng những cách có nhân-đạo hơn, như là máy chém, bắn súng, hoặc cho điện giật. Ở nước Abyssinie, người ta bôi sáp-ong vào quần áo rồi đốt sống. Ở Ấn-độ, người ta bắt tù ăn phân bò. Người Tàu có lần tắm dầu vào các người bội phản rồi đem đốt như năm 1937. Năm 1793, ông nghị Guillotin (người Pháp) nghĩ ra máy chém (guillotine) và xin chính-phủ bỏ các hình-phạt giã-man mà xưa kia, các nước hay dùng.

9.) Văn-chương và mỹ-thuật : Trên thế-giới thì chỉ có người Ai-cập, Á (Ethiopie), Ả-rập, Á-đông và Âu, Mỹ là có văn-chương thôi, còn mỹ-thuật đâu đâu cũng có : từ ngôi nhà-thờ Notre-Dame de Paris, chùa Vàng, chùa Bạc, cho đến mấy hòn đá chạm trổ của Mọi Phi, Úc-châu. Người Âu, Mỹ đánh phấn, bôi môi son, người Việt-nam, người Diến-điện nhuộm răng đen ; người Mọi Á, Úc và Phi-châu hay chạm trổ mình mẩy.

Về cái đẹp lẽ-lối, thì người Tây-ban-nha, Hi-lạp là hơn cả. Về cái đẹp tự-nhiên thì người Géorgie ở núi Caucase nhất. Vì vậy, xưa kia vua chúa Thổ-nhĩ-kỳ và Ba-tư hay tuyển người Géorgie làm cung-phi.

HÙNG - SƠN NGỌC - PHẢ

BÁN TẠI HÀ-THÀNH ẤN-QUÁN, 85, PHỐ HÀNG BÔNG, HANOI

Giá : 0 \$ 15

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Phép nuôi gà ta

Nuôi gà để ăn thịt và lấy trứng.

Thịt gà ta ăn đậm và ngon, tuy thường hay nhỏ con. Trứng gà ta ăn bồ, thơm, tuy không được to.

Muốn cho gà đẻ nhiều, trứng to, sau đẻ con lớn, dần dần nòi giống mạnh khỏe, ta cần phải nuôi cho đúng phép.

Cách thức cho ăn. — Muốn cho gà đẻ đều, phải cho nó ăn đủ các chất bồ, như là thóc, ngô, tôm, tép và các thứ rau (rau riếp, cải bắp, rau sà-lách), bột vỏ sò, xương tán nhỏ, vỏ trứng đập vụn. Ngô, thóc có nhiều chất bột làm thành lòng đỏ; tôm tép có nhiều chất đạm làm thành lòng trắng; bột vỏ sò, vỏ trứng, xương tán nhỏ có nhiều chất vôi làm ra vỏ trứng. Nếu cho ăn toàn ngô thóc, gà chỉ béo ra và đẻ ít di.

Gà ấp. — Phải lựa chọn trứng tốt; trứng cũ, trứng mốc, mỏng vỏ hay dày vỏ quá, ấp thường không đậu. Cần nhất là trứng gà-mái để có gà trống đập thì mới nở được. Gà-mái nuôi được độ một năm, thường hay vụng ấp, và có khi đương ấp dở-dang ba, bốn hôm đã thôi. Nên dùng gà-mái già độ một năm rưỡi hay hai năm để ấp thì hơn, vì thường những gà này ấp đã quen rồi.

Song muốn cẩn thận, phải cho gà ấp thử ba, bốn quả trứng đã (trứng đã loại rồi). Khi nào thấy gà ham ấp luôn sáu hôm hẳn hoi, không bỏ lửng, lúc bấy giờ mới cho ấp.

Số trứng ấp không được nhiều quá: mỗi bận thường chỉ cho ấp độ 10, 12 quả thôi, tùy theo gà to, nhỏ mà xếp nhiều hoặc ít trứng vào ổ ấp. Chỗ gà ấp phải yên-tĩnh, ấm-áp.

Trứng ấp 21 hôm thì nở.

Gà con mới nở. — Lúc mới nở, gà con không cần cho ăn uống gì trong nửa ngày (12 tiếng đồng-hồ). Chỉ cho ăn

Lệ giao-dịch với các nhà la-ga, xem Tân-Nam-Lịch 1 năm Nhâm-ngọ

ít cát khô cho sạch ruột thôi. Rồi cho ăn tấm, hoặc ngô giã, trong 15 hôm. Lại cho cả bột vỏ sò, vỏ trứng trộn vào cho ăn. Từ 15 hôm trở đi, mới bắt đầu cho ăn thêm rau thái nhỏ trộn với cám, vì rau cho ăn sớm quá sợ lạnh.

Nuôi được một tháng mới có thể cho ăn suồng-sã được, nghĩa là ngoài tấm, bột, ngô, rau, đã có thể cho gà ăn thêm tôm tép, bã lạc, bã đậu. Vài tháng trở đi, đã có thể chăn nuôi như gà lớn rồi.

Gà lúc mới nở, phải nhốt vào chỗ ấm - áp, khi nào khô lông mới có thể cho ra ngoài được.

Phép nuôi gà tây

Ta không quen nuôi gà tây, nên lắm người tưởng lầm rằng nuôi khó, thực ra cũng dễ.

Dưới đây, ít điều chỉ-dẫn về phép nuôi cho đúng cách-thức và được nhiều lợi :

Gà ấp. — Gà mái tây độ 10 tháng hay một năm thì đẻ trứng. Gà mẹ rất khéo nuôi con. Gà tây thân - hình to, nên mỗi kỳ ấp được nhiều trứng hơn gà ta.

Chọn trứng ấp. — Phải chọn những trứng của gà mái có gà sống đập. Nên chọn những trứng của gà lên hai tuổi, vì những trứng ấy sau này sẽ nở ra gà-con khỏe-mạnh dễ nuôi.

Thường thường, nuôi năm con gà-mái thì phải một con gà-sống. Nếu gà sống là giống gà Hoa-kỳ thì một con sống cũng đủ cho 10 con mái, vì gà Hoa-kỳ cường hơn.

Chăn nuôi theo cách thả rông thì ba tuần-lễ sau khi gà sống đập, gà-mái thường đi để giấu trứng xa chuồng. Phải rình xem gà-mái để chỗ nào mới biết ổ trứng của nó được. Hai ngày một lần, khi gà-mái không có đấy, ta nhấc trứng cất đi, phải để lại ổ một hay hai quả, nếu không, gà sẽ đi để chỗ khác.

Lối đẻ danh-thiếp mời ăn, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Ấp trứng. — Khi gà mái muốn ấp, đặt nó vào trong cái hòm có độ hai chục trứng. Nếu gà-mái nhỏ thì bớt trứng đi, chỉ để đủ số trứng cho nó ấp thôi. Mỗi ngày hai lần, phải nhấc gà ra khỏi hòm độ 15, 20 phút cho cho nó ăn, rồi lại cho nó vào hòm ấp. Hôm thứ 8, soi trứng: những quả trứng trong (vì thiếu đục) thì thải đi; những quả có bóng đen là trứng có con để ấp, độ 28 ngày thì trứng sẽ nở.

Cách nuôi gà con. — Khi trứng nở, bắt đầu những con gà con ấy, trong 24 giờ không cho nó ăn uống gì cả.

Khi trứng nở cả rồi, nếu nuôi nhiều gà thì có thể hợp hai ổ lại làm một, vì một con gà mẹ đủ nuôi được 50 con gà con.

Còn gà-mái thải không nuôi con, được ít ngày lại bắt đầu đẻ và ấp trứng lần khác.

Gà con mới nở, phải giữ cho khỏi mưa nắng. Nên lấy cát mà quây lại. Độ 10 ngày, gà con đã cứng-cáp, có thể theo mẹ được rồi, nhưng đừng để gà mẹ đi nhiều quá, sợ gà con mệt.

Nên coi chừng, giữ cho gà con khỏi phải mưa ướt và bị nắng quá. Buổi sáng, khi tan sương, hãy thả gà, chiều dồn về sớm. Nhớ khi nó bị ướt lạnh thì dồn vào bếp, nơi ấm áp cho nó khô-ráo.

Nuôi gà-tây nên cẩn thận, nhất là trong ba tháng đầu; ngoài ba tháng trở đi, gà dễ nuôi ít mắc bệnh tật.

Cách thức cho ăn. — Gà con mới nở phải để nhịn đói trong 24 giờ. Bắt đầu từ ngày thứ hai, cho ăn mỗi ngày 4 lần, cách quãng cho đều, cho ăn gạo xay, tấm, ngô giã, cám trộn với ít rau, cỏ thái nhỏ. Nếu nó khảnh ăn thì đem băm tôm, tép, ốc lẫn với rau, cám cho nó ăn. Nếu có trứng-kiến hay châu-chấu cho nó ăn càng tốt. Cứ mỗi kilo đồ ăn, cho một dùm hạt-tiêu xay, một dùm

muối, một dùm xương tán thành bột, một dùm than tán, như thế gà-con ăn không hay bệnh tật và chóng lớn.

Cho ăn uống cần-thận như thế trong ba tháng. Từ tháng 4 trở đi, gà đã lớn, kiếm ăn ở ngoài được không phải cho ăn nhiều thêm.

Muốn cho gà chóng đẻ, nên cho đủ ăn các chất bổ, nhất là các chất đạm :

Giá như nuôi hai chục con gà thì mỗi ngày cho ăn :

Thóc.	1k
Bã rọu phơi khô.	0,500
Cám	0,500
Rau (rau - riếp, rau - khoai, bèo, tằm, bẹ chuối, lá su-hào).	2,000
Cỏ băm vụn	1,500
Vôi tường và cát	0,400
Tôm, tép, cá khô tán nhỏ	0,150

Chia làm hai phần, buổi sáng cho ăn một phần và buổi chiều cho ăn một phần.

Còn như nước uống thì cho uống nước thường hoặc nước có pha phèn-xanh (sulfate de cuivre).

Cách pha : Lấy 100gr. phèn-xanh đun trong một litre nước cho tan. Khi gà con uống thì lấy một thìa súp nước ấy pha vào vào một litre nước lã. Cho gà uống như thế, tránh được nhiều bệnh.

Theo như bác-sĩ Phạm-văn-Huyền

Thanh-tra Thủ-y

Thống-Chế PÉTAİN đã nói :

Quốc-Trưởng là người biết làm cho ai nấy vâng theo và quý mến. Ngài không bắt buộc ai, mà ngài được thiên-hạ tâm-phục.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Tại sao ?

1.) Tại sao tôm lúc chưa luộc thì màu da xám-xanh, mà khi luộc rồi thì màu da lại đỏ ?

— Vì vỏ tôm có chất vôi và chấi chitine (*enveloppe chitino-calcaire*). Khi ta luộc tôm, chấi chitine tan ra mà vỏ tôm chỉ còn lại có chấi vôi thôi.

2.) Tại sao nốt hắc-lào mà chạm phải « len » thì nốt ấy lan to ra ?

— Vì len làm bằng lông cừu, mà cừu là giống hay ghẻ hoặc hắc-lào lắm.

3.) Tại sao khi uống calomel, thầy-thuốc lại dặn đừng ăn muối ?

— Vì calomel là *chlorure mercureux* ; muối là *chlorure de sodium*. Trộn với nhau thành *chlorure mercurique*, một chấi rất độc.

4.) Tại sao một con mồi bị cắt đuôi, cái đuôi còn dựng-dậy được trong vài phút ?

— Vì thớ thịt và gân còn co ra, dãn vào được. Cũng giống một người bị chấi đầu, còn chớp mắt, nháy nhó, nghiêng rãng được.

5.) Tại sao một chiến-sĩ đương múa gươm rõ thật hăng, bị chêm mất đầu rồi, thấy vẫn ở trên mình ngựa trong mấy phút ?

— Vì khi người ta làm gì hăng quá, các thớ thịt và gân co ra, dãn vào nhanh và liên liên không nghỉ. Khi mất đầu, chiến-sĩ chết cứng lại, hai chân quặp lấy mình ngựa. Trên các chiến-trường, người ta vẫn được mục-kích ưs này luôn.

6.) Tại sao ta không nên ăn nhiều đồ-hộp ?

— Vì đồ-hộp mất hết sinh-tổ rồi, ăn không bổ lắm nữa và hay đầy. Ăn nhiều đồ-hộp bị bệnh long rãng (*scorbut*).

Phòng-thủ thụ-động về không-chiến, xem

Vì vậy, các nhà thám-hiểm vẫn phải tìm đồ ăn tươi để ăn.

7.) Tại sao gạo già đổi lại bồ hơn gạo già kĩ?

— Vì gạo già đổi hãy còn nhiều cám. Ăn cám rất bồ và khỏi bệnh phù. Nên ăn với cháo, sữa. Cám đừng rang hoặc đun sôi, vì nó mất sinh-tổ di.

8.) Tại sao có khi gà hay đẻ ra trứng vỏ mềm hoặc không có vỏ?

— Vì mình gà ấy thiếu chất vôi. Bởi thế, người ta phải lấy vỏ trứng thừa tán nhỏ trộn với cơm cho gà ăn thì nó dễ đẻ và đẻ ra trứng tốt.

9.) Tại sao khi người ta ăn phải nhân-ngôn, thầy-thuốc bắt nôn và bắt ăn sữa?

— Vì sữa có tính-chất chữa được những thuốc nhân-ngôn.

9.) Tại sao, khi người ta ăn lầm phải nấm độc thì phải nôn ra và cấm ăn mặn?

— Vì muối có tính-chất dẫn vị độc ở nấm ra khắp cơ-thể.

10.) Tại sao không nên ăn thịt cùng một lúc với sữa?

— Vì sữa nhào với thịt sinh ra bệnh đau ruột.

11.) Tại sao người ho-lao không nên nuốt đờm?

— Vì đờm vào trong ruột sinh ra bệnh lao ruột.

12.) Tại sao khi ta ngủ, nên quay về bên tay-phải?

— Vì tim ta quay về bên tả. Khi ta nằm bên tay-trái, dạ-dầy làm vướng tim, tim đập không được đều nữa. Những người đau tim, hay tim đập mạnh, nên biết điều này.

13.) Tại sao người ta trọng dụng muối?

— Vì muối là một chất sát-trùng rất mạnh. Khi ta rạm mắt, đau mắt, nên rửa bằng nước muối thì chóng khỏi. Nước muối đun sôi chữa khỏi bệnh phát cước. Tắm nước muối cũng có ích bằng tắm bể.

14.) Tại sao mặt-trời buổi sáng, ta thấy to hơn mặt-trời buổi trưa ?

(Câu hỏi này, xưa kia có người hỏi đức Không-Tử ngài không trả-lời). Vì muốn nhìn mặt-trời thì ta phải, nhìn qua một tầng không-khí thật dày. Tầng không-khí này có tính-cách như là kính hiển-vi. Buổi sáng, ta nhìn qua một tầng không-khí dày hơn tầng không-khí buổi trưa. Vì vậy, mặt-trời buổi sáng ta thấy to hơn mặt-trời buổi trưa.

15.) Tại sao tóc người đau ốm chổng bạc ?

— Vì tóc là những cái ống rỗng, đầu bịt. Khi người ta đau, tóc cũng bị đau, các vi-trùng vào trong những cái ống ấy, thành ra đầu bạc.

16.) Tại sao ta không nên ăn chuối xanh ?

— Vì chuối xanh không bở và hay đầy. Chuối chín là một thức ăn rất dễ tiêu, dễ tiêu hơn cả bắp cải và thịt. Chuối chín bở lắm, có nhiều glucose và sinh-lổ.

17.) Tại sao ruồi đi trên trần, trên cửa kính mà không ngã ?

— Vì bàn chân ruồi có những lỗ hút không-khí, như là những cái ống-giác vậy.

18.) Tại sao châu-chấu, ve-sầu lại lột xác ?

— Vì mình các côn-trùng ấy có một cái màng chitine bao bọc. Muốn lớn được và đựng-dậy dễ dàng được, nó phải lột xác ra.

19.) Tại sao các đèn báo-hiệu của sở hỏa-xa lại làm màu đỏ ?

— Vì màu đỏ là màu dễ trông thấy ở xa hơn cả.

20.) Tại sao mặc hai ba cái áo đơn, lại ấm hơn một cái áo kép ?

— Vì hai ba lớp áo đơn giữ được nhiều không-khí hơn một cái áo kép.

Những giờ nào, Thương-chính có thể đến

Xá-giao

Bổn - phận khách đi thăm

Đến nhà ai thì trước hết phải gõ cửa hay là giạt chuông, có người ra mở rồi hãy vào, nhưng phải đợi ở nhà ngoài, chớ đừng vào tuột nhà trong. Lúc ngồi đợi ở nhà ngoài thì chớ thốc-mách, lấy tờ bồi, sách vở xem trộm, rờ mó đồ vật gì hoặc là dòm qua khe cửa.

Bất cứ đến nhà ai, nếu cửa đang đóng thì khi vào, khi ra phải đóng lại như trước. Điều đó nên dặn lắm, vì nhiều người khi ra vào, hay bỏ ngỏ cửa, thế chẳng những làm phiền cho nhà chủ mà thôi, gặp khi có luồng gió, lại có thể sinh bệnh nữa.

Khi hai người đi qua một cửa thì người trẻ phải nhường bước cho người già, người dưới nhường cho người trên, chủ phải nhường khách đi trước.

Trừ ra những khi có việc cần kíp không kể, còn thì không nên đi thăm vào những giờ nghỉ, giờ ăn, hoặc là buổi sáng sớm mới dậy.

Khi vào nhà thấy chủ đang nói chuyện với khách khác thì không nên làm đứt câu chuyện của người ta, nên đợi người chủ nói xong rồi hãy lại. Gặp lúc chủ nhà đương ăn cơm thì không nên ở, có việc gì cần thì đứng mà nói ngay, nếu phải ở lại đợi thì không nên nhìn người ta ăn uống như thế nào.

Vào nhà ai không nên chọn chỗ tiện nhất mà ngồi, phải tùy thứ bậc mình đối với nhà chủ. Nếu chủ nhà là bề trên hay là bậc tuổi tác thì khách phải đợi mời hãy ngồi, nhưng bao giờ cũng phải ngồi chỗ kém và đợi chủ nhà ngồi trước. Chủ nhà dẫu là bề trên mình mặc lòng, hễ

mời thì ngồi ngay, đừng để phải mời mãi, lại hóa ra người không biết lễ.

Đối với bức ngang hàng, cũng không nên ngồi ngả ngốn lấy tiện mình quá, như là ghéch cẳng lên bàn, lên ghế, hoặc nghiêng vẹo về bên nào quá, song cũng đừng nên bển lển, ngồi ngay như phỗng.

Nói chuyện không nên ngồi gần nhau quá, sợ hơi miệng xông hay nước-dãi bắn vào người khác. Không bao giờ nên mó-máy vào đồ vật ở gần mình, hoặc là gõ nhịp chân, nhịp tay, thối sáo miệng, tỏ ra người tinh-thần bất định, không ngồi được yên-tĩnh một lúc.

Thấy nhà chủ có đồ vật lạ, cũng không nên ngắm kỹ quá, ra bộ thèm thuồng ao ước.

Đàn-bà đi thăm nhau, nếu là chỗ không thân lắm thì không nên đem trẻ đi theo, sợ rằng nó phóng uế ra nhà người ta. Sau nữa, trẻ con dẫu ngoan đến đâu mặc lòng, phải ngồi im độ giảm phút thì cái tay, cái chân nó tất phải cử-động, làm bấn các đệm ghế, hoặc đánh cồ, đánh võ những vật quý trong nhà. Lắm bà, vào nhà người ta thấy những bức tranh vẽ, hoặc đồ chơi, lại lấy đưa cho con mình, nó làm hư-hỏng cả, chẳng lẽ nhà chủ lại ngăn giữ.

Ngồi chơi lâu hay chóng là tùy bạn thân sơ, tùy chuyện nhiều ít, nhưng không bao giờ nên ngồi dai quá, khiến người ta phải bỏ muối vào bếp, hay lần sau phải chối đi vắng. Khi câu chuyện đã thấy người người, nhà chủ có ý mệt, không đề tri vào lời nói của mình thì nên về ngay. Vì ngồi lâu quá là một sự phiền cho chủ nhà, dẫu thân đến đâu cũng vậy, có khi làm lỡ cả công việc của người. Vậy nên nhớ rằng đứng dậy về để cho chủ nhà

Văn-tự, văn-khế phải làm bằng chữ gì,

hơi tiếc, còn hơn là ngồi dai quá đến nỗi người ta phải mong cho chóng về.

Khi đứng dậy về mà trong nhà còn nhiều khách, chủ nhà có đi tiễn mình ra cổng ngoài thì nên mời ở lại, chủ nhà cứ tiễn không nghe thì mình phải đi mau, đừng để dùng-dằng, có nhiều chuyện thì để khi khác nói nốt, chứ đừng để chủ nhà phải chán trong, chán ngoài tiếp chuyện mình.

Khi mình đang nói chuyện với chủ nhà mà có khách khác đến chơi thì không nên đứng dậy về ngay. Nếu ngồi nữa không tiện thì cũng nên ở lại vài ba phút, kéo ra điều muốn tránh người ta, mà hóa ra mất lòng nhà chủ. Những người đến sau, dẫu mình không muốn làm quen thì cũng không nên lộ cho người ta biết. Khéo ăn nói thì ra người có giáo-dục mà lại không làm cho nhà chủ phải phiền lòng.

Nhà nào mình thường hay lui tới mà người ta không đi lại nhà mình thì không nên đến nữa, bởi vì người ta không muốn đi lại với mình. Nếu đang thân thiết mà không muốn đi lại nữa thì không nên tuyệt giao hẳn ra mặt. Trước đi lại luôn, sau thưa dần-dần, rồi sau nữa hãy thôi hẳn.

Nếu người bạn mình đến thăm, đi chơi nhà khác thì không nên đến gọi, trừ khi có việc cần kíp không kể.

Đến chơi nhà ai, không nên đem bạn riêng của mình vào, dẫu thân đến đâu cũng vậy, vì người bạn mình đem vào ấy có lẽ nhà chủ không ưa, hoặc là vì mình đưa lại, nhà chủ cũng tiếp đãi tử-tế, lần sau lại quên mui lui tới mãi chẳng.

Tưởng không cần phải dặn rằng đàn-bà trẻ không nên đến thăm đàn ông chưa vợ, trừ những khi có việc cần kíp hoặc là đến thăm bề trên không kể. Con gái nhà tử-tế, không được đến thăm ai một mình bao giờ. Có chị em

bạn như mình, mà muốn đến chơi thì phải xin phép cha mẹ và đem vú-già hay là đầy-tớ đứng-dẫn đi cùng.

Đồ mừng, đồ phúng.

Chỗ bà con quen thuộc, hễ nhận được giấy hay thiệp báo tin có việc vui mừng như cưới-xin, khánh-hạ, vân vân thì trước ngày làm lễ, phải gửi đồ mừng đến nhà. Đồ mừng to nhỏ, tùy gia-tình, tùy địa vị người cho và tùy cá sở-thích của người nhận. Nhưng, đồ mừng dù đắt tiền đến đâu mặc lòng, cũng phải lấy nhẽ làm trọng.

Ngày xưa, mừng câu-đối thì người mừng phải đưa chữ cho nhà chủ xem trước để tránh những chữ húy. Ngày nay, từ người mừng cho chí người được mừng, phần nhiều cùng không biết chữ nho, nên ít thấy lệ ấy nữa.

Về việc cưới xin thì đồ mừng khó hơn, vì không những phải tùy gia-tình người cho, mà lại tùy cả người cho là đàn-ông hay đàn-bà, tùy người nhận là con-trai hay con-gái, địa-vị ở trong xã-hội thế nào. Như người nghèo mừng người giàu thì đồ mừng tất-nhiên không phải là thứ đắt tiền rồi, còn như người nhận đồ mừng vào bức phong-lưu thì đồ mừng phải là vật mỹ-thuật, mà vào bức trung-thường trở xuống, thì phải là vật thiết-dụng cho đôi vợ chồng ra ở riêng sau này. Ví-du, một người ăn bữa sáng, lo bữa tối, mà cho người ta một bức tranh mỹ-xảo, hay một pho tượng đá hoa, thì đành phải bọc cất đi một nơi, chẳng bao lâu, đến phải bán rẻ đi mất.

Đàn-ông mừng con-gái thì phải cho vật gì có thể dùng chung cho cả cô-dâu, chú-rể, chứ mừng những vật dùng riêng cho cô-dâu, như là phần, nước-hoa thì không nhẽ, nhất là người mừng lại là người còn thanh-niên. Điều đó, phải dặn, vì thường-tình, cứ sẵn cái gì là mừng cái ấy. Đồ mừng

phải đính danh-thiệp của người cho. Theo phép lịch sự, trong thiệp không viết gì, hoặc có viết lời mừng thì chỉ mấy chữ thôi.

Nếu nhà có việc vui mừng quen biết rộng, mà những người quen biết ấy thường nhặt lui tới với nhau, thì nên bán nhau trước, nhà này mừng vật này, thì nhà kia mừng vật khác, để khỏi trùng nhau mà không bổ-ích cho người chủ, như là người ta vẫn thường thấy xưa nay, có nhà thu nhận hàng giảm bảy chục buồng cau, hàng mấy trăm bao chè, không dùng hết, nếu không đem bán rẻ, thì đến nẫu, đến hô mất cả.

Nhà chủ nhận được đồ mừng, phải gửi thiệp cảm-ơn ngay. Theo tục ta, nếu người cho đồ mừng vào bức cao quí, thì chính người gia-trưởng của cô-dâu, chủ-rể phải cảm-ơn lấy, nếu là người vào hàng với cô-dâu, chủ-rể thì cô-dâu, chủ-rể mới gửi thiệp cảm-ơn. Có nhà in sẵn vào thiệp-danh mấy chữ « cảm-tạ » thì không nhẽ, bình như chỉ ngồi nhà mà chực sẵn đồ mừng. Có nhà lại cảm-ơn dài dòng quá, như là : « Cảm ơn ngài đã cho cháu nhiều quá... » thì không nhẽ. Có khi đồ mừng chỉ là vật tầm-thường, như bao-chè, bánh-pháo, ống-vôi, ví-thuốc mà cũng viết như vậy thì người cho đồ mừng có thể nghĩ là nhà chủ nói mỉa. Ví thử là một vật mỹ-thuật, là một câu-đối hay, thì có thể cảm ơn là « . . . đã cho bức tranh đẹp lắm, hoặc quí lắm, hay là bức câu đối hay lắm. . . »

Vậy chữ cảm-ơn phải viết, chứ không n và phải tùy giá-trị đồ mừng, tùy địa-vị người cho mà viết lời cảm ơn. Nếu đồ mừng là của mấy người chung nhau thì có bao nhiêu người đứng tên, phải gửi thiệp cảm ơn cả bấy nhiêu người, chứ không giao rêng một cái thiệp-danh cho người đầy-tớ mang đồ mừng lại, khiến cho

khỏi phải phạt, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

những người đã bỏ tiền chung không được chắc dạ là đồ mừng đã mua hay chưa, hay nhà chủ đã nhận được chưa. Như thế mới có lễ-phép đối với mấy người mừng chung và nhất là đối với người đứng mua vật mừng.

Đồ phúng cũng vậy, phải tùy chỗ thân sơ, giàu nghèo mà sắm. Ở nhà quê, thường hay đem lợn, gạo, chè, cau, rượu, cũng là một cách giúp nhà hiếu-chủ đỡ tốn-phí về những khoản thù-tạc. Còn như ở tỉnh-thành, không bày ra cỗ bàn thì người ta thường phúng câu-đối cho tiện. Tục phúng câu-đối của cổ-nhân có ý-nghĩa hay hơn bây giờ. Câu-đối tức là những bài điệu-văn của văn-sĩ viếng văn sĩ hay là viếng thân-nhân của văn-sĩ. Ngày nay, câu-đối phúng mất cả cái ý-nghĩa ấy, chẳng qua chỉ là những vật phổ-diễn trong đám, như cờ-sí hay bàn-độc, thay cho những vòng-hoa trong đám Âu-tây mà thôi. Vì, từ người phúng cho đến người chết, cho đến cả nhà hiếu-chủ nữa, phần nhiều cùng « mít-đặc » chữ nho ! Nhiều khi, người phúng chỉ phó mặc cho hàng đối trượng, muốn viết chi chi thì viết, miễn là có bức vóc, bức lụa có chữ thêu sắc-sỡ, có đề tên và chức tước của mình thì thôi.

Nếu cất đám theo lối ta, mà xem chừng hiếu-chủ muốn đem câu-đối thì phúng câu-đối cũng được, không thì sắm các lễ-vật khác tiện hơn. Nếu cất đám theo lối Âu-tây thì phải phúng vòng-hoa. Đã đem vòng-hoa thì phải biết lối : hoa thật hay hoa cườm, hoa sắt, phúng người lớn tuổi, có chồng con hay vợ con rồi thì hoa các màu, nếu là trẻ-con hay người thanh-niên chưa kết-hôn thì phải toàn sắc trắng.

Đó là phận-sự người phúng, còn nhà hiếu chủ nhận được bao nhiêu câu-đối, bao nhiêu vòng-hoa phúng thì nên đem đi đường bấy nhiêu, chứ không nên sĩ-diện hão

Muốn rõ quyền-lợi của độc-giả Tân-Nam-Lịch thế nào, xem trang 39

mà thuê những vòng-hoa đã cũ rách của mấy nhà cho thuê đám chẳng có đề chữ viếng gì. Cũng đừng nên đem vòng-hoa về nhà, gói cất để hòng bán lại, như người ta đã từng thấy trong mấy nhà giàu xù ở nơi hành-thị. Như thế sao được vẻ-vang cho vong-hồn người đã khuất ?

Đồ phúng dù hậu thế nào mặc lòng, nếu không có tình với hiếu-chủ thì cũng không quý. Thật ra, người hiếu-chủ được chỗ thân-tình đến hỏi thăm, không có lễ vật-gì, chỉ một câu thành-thực, một lời ân-cần, thì phải lấy làm cảm-động hơn là một bức câu-đối do anh đầy-tớ hiệu trưởng đối mang lại. Vậy mà người ta đã từng thấy lắm nhà hiếu chủ chỉ biết cảm-ơn những người có đồ phúng mà không cảm-ơn gì những người đã thực tình đến chia buồn với mình.

Đó là ở sự giáo-dục ra, người có giáo-dục tự khắc biết xử trí, chứ bàn trong mấy dòng này không hết ý được.

Trích trong quyển « Lễ-Nghi »
của ông Phạm-Huy-Lục

Bò cũng biết chữ à !

Thầy lý Hếch có ruộng ở khác xóm, thường bị bò của thiên-hạ đến ăn lúa của mình, tức lắm. Một hôm, thầy ngồi nhà, lấy giấy bút viết tờ yết-thị, sai tuần đem cắm ở bờ ruộng mình.

Yết rằng :

« Bò nhà lão, mà tự tiện ăn lúa ruộng xóm kia thì sẽ bị nằm biên-bản.

— Thầy ni ơi, vì thử bò nó đọc được tờ yết-thị ấy thì nó cũng không bị nằm biên-bản, vì nó ăn lúa ruộng xóm này, chứ nó có ăn lúa ở ruộng xóm kia đâu ?

Muốn du-lịch những nơi thắng-cảnh, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị



BIỂU KÈ CÁC NGÀY LỄ NGÀY HỘI TÂY NAM
về năm 1943

Các ngày đại lễ của Nam-triều

Lễ Từ Khương (sinh-nhật Hoàng thái-hậu) : mồng 7 tháng giêng ta (11-2-1943).

Lễ Văn-Định (ngày Đại hôn) : mồng 10 tháng hai ta (15-3-1943).

Lễ Tiên-Thọ (sinh-nhật Thái-Hoàng Thái-Hậu) : 26 tháng ba ta (29-4-1943).

Lễ Hưng quốc khánh niệm (ngày kỷ-niệm đức Gia-long lên ngôi) : mồng 2 tháng năm ta (4-6-1943).

Lễ Vạn-Thọ (sinh-nhật Đức Kim Thượng) : 23 tháng 9 ta (21-10-1943).

Lễ Trường-Hy (sinh-nhật Hoàng-hậu) : 17 tháng mười ta (14-11-1943).

Lễ Thiên-Xuân (sinh-nhật Đông-cung Bảo-Long) : mồng 10 tháng 12 ta (5-1-1944).

Các ngày lễ Tây

	Ngày Tây	Ngày ta
Tết nguyên đán Tây	1er Janvier	25 tháng 11
Mardis gras	9 Mars	4 tháng giêng
Pâques	25 Avril	21 » 3
Ngày hội Lao-công	1er Mai	27 » 3
Ngày lễ Jeanne d'Arc	9 Mai	6 » 4
Ascension	3 Juin	1 » 5
Pentecôte	13 Juin	11 » 5
Lễ Dân-quốc kỷ-niệm	14 Juillet	13 » 6
Assomption	15 Août	15 » 7
Toussaint	1er Novembre	4 » 10
Noël (Thiên-Chúa giáng sinh)	25 Décembre	29 » 11

Các ngày tết ta

	Ngày ta	Ngày Tây
Tết ông Táo	23 tháng chạp	28-1-1943
Tết nguyên-đán	mồng 1 tháng giêng	5-2-1943
Tết mồng ba tháng ba	mồng 3 tháng 3	7-4-1943
Tết Đoan-ngũ	mồng 5 tháng 5	7-6-1943
Tết Trung-nguyên	rằm tháng 7	15-8-1943
Tết Trung-thu	rằm tháng 8	14-9-1943

Cách dùng giấy tiến-chỉ thế nào,

CÁC NGÀY HỘI CỦA TA

Ngày ta	THÁNG GIÊNG	Ngày tây
1 đến 14, Hội châu Thường-xuân (Thanh-hóa)	5 đến 18	2-1943
1 đến 14, Hội châu Ngọc-lạc (Thanh-hóa)	5 đến 18	2-1943
5 Giỗ trận chùa Đồng-Quang (Thái hà-ấp)		9-2-1943
6 Hội đèn Sóc làng Xuân-tảo (Hà-đông)		19-2-1943
7 Hội đèn Sĩ Vương (phủ Thuận-thành, Bắc-ninh)		11-2-1943
8 Hội chợ Thánh (Phủ-giầy, Nam định)		13-2-1943
9 Hội chùa vua Đế-thích làng Bạch mai (Hà-đông)		13-2-1943
10 Hội Kỳ-sâm (Cao bằng)		14-2-1943
12 Hội làng Phù-Ứng (Ân-thị Hưng-yên)		16-2-1943
13 Hội làng Lim (Bắc-ninh)		17-2-1943
13 Hội chùa Kinh-Chủ làng Dương-nham (Hải-dương)		17-2-1943
13 Hội làng Hồn quan (Tam-nông Phú-thọ)		17-2-1943
15 Hội đèn Vả (Sơn-tây)		19-2-1943
16 Hội các dân Thổ ở Đồng-mỏ Lạng-Sơn)		20-2-1943
24 Hội Đốt pháo ở Kỳ-lừa (Lạng-sơn)		28-2-1943

THÁNG HAI

5 Hội đèn hai Bà Trưng (làng Đồng-nhân, Hanoi)	10-3-1943
6 Hội đèn Lộ (Thanh-trì, Hà-đông)	11-3-1943
10 Hội mùa Xuân-phả (phủ Thọ-xuân)	15-3-1943
11 Hội đèn Voi-phục (Cầu-giấy, Hanoi)	16-3-1943
15 đến 25, Hội đèn Sòng (phủ Hà-trung Thanh-hóa)	20 đến 30-3-1943
18 Hội chùa Bà Bầu (Thanh-liêm Hà-nam)	33-3-1943
22 đến 24, Hội đèn bà Triệu-Ấu	27 đến 29-3-1943
25 Hội đèn Tuần tranh (Ninh-giang Hải-dương)	30-3-1943
26 Hội đèn Sùng-sơn (Thanh-hóa)	31-3-1943
26 tháng 2 đến mồng 2 tháng ba : Hội đèn Phố-Cát (Thanh-hóa)	31-3 đến 6-4-1943
28 Hội chùa Hương-Tịch ở Mỹ-đức (Hà-đông)	2-4-1943

THÁNG BA

4 Hội động Thiên-Tôn làng Đa-Gia (Ninh-binh)	8-4-1943
7 Hội Láng (Hà-đông)	11-4-1943
7 Hội Kéo chữ Phủ-giầy (Nam-định)	11-4-1943
7 Hội chùa Thầy (Quốc-Oai, Sơn-tây)	11-4-1943

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

- 9 Hội Bơi làng Đăm (Tây-tự Hà-đông). 13-4-1943
10 Hội đèn Hùng-vương (Phù-thọ) 14-4-1943
10 Hội Đồng-phù, huyện Mỹ-lộc (Nam định) 14-4-1943

THÁNG TƯ

- 8 Hội Gióng (làng Phù-đồng, Bắc-ninh). 11-5-1943
11 Hội Bần-yên-nhân (Hưng-yên). 14-5-1943

THÁNG NĂM

- 2 Lễ Hưng-quốc khánh-niệm 4-6-1943
15 Hội Trèm (Hà-đông). 17-6-1943

THÁNG SÁU

- 5 đến 15 Hội đèn Hàng, huyện Hậu-lộc (Thanh-hóa) 7 đến 17-6-1943

THÁNG BẢY

Hội Điện Hòn-chén, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên :
trung tuần tháng bảy

- 22 Giỗ Đức Lê-Lợi. 22-8-1943

THÁNG TÁM

- 10 Hội Chọi trâu (Đồ-sơn). 9-9-1943
10 Lễ kỷ-niệm ông Nguyễn-Du (Khai-Tri Tiến-đức). 9-9-1943
12 Hội đèn Ghềnh (Bắc-ninh). 11-9-1943
13 Hội đèn Phù-Ứng (Hưng-yên). 12-9-1943
13 Hội chùa Keo (huyện Vũ-tiên Thái-bình). 12-9-1943
20 Hội đèn Kiếp-bạc (Hải-dương). 19-9-1943
20 Hội đèn Bảo-lộc (Nam-định) 19-9-1943
27 Giỗ Đức Khổng-Tử. 26-9-1943

THÁNG MƯỜI

- 30 Hội đèn Thanh lâm (Thánh-hóa). 26-11-1943

BẢO - HÓA

92, phố hàng Trống Hanoi

Chế-tạo, cho thuê, mua bán và đổi chác
các đồ cũ và đồ mới

Văn-tự phải làm mấy bản,

THƯỜNG - THỨC

Thuốc đánh răng

1.) Thuốc đánh răng tốt nhất và rẻ tiền nhất là xà-phòng Marseille, dùng sau mỗi bữa ăn và nhất là buổi tối, trước khi đi ngủ.

2.) Người ta cũng có thể dùng phấn viết, trộn với vỏ trứng luộc tán nhỏ thành bột và bicarbonate de soude mà đánh.

3.) Cũng có người đánh răng bằng muối, vừa rẻ tiền lại vừa chắc răng.

4.) Dùng làn thuốc-lá mà đánh cũng trắng và sạch.

Còn như súc miệng thì lấy acide borique, 30gr bỏ vào một litre nước lã, đun sôi để nguội, hoặc lấy một thìa cà-phê liqueur de Labarraque hòa với một litre nước lã.

Thuốc gội đầu

Chất gội đầu của ta không gì tốt bằng bồ-kết với chanh quả, muốn thơm thì gội lại bằng rễ hương-bài, lá chanh hay lá sả, lá hương nhu. Còn như muốn dùng shampoing theo lối anglais thì có thể làm lấy được. Chỉ việc lấy 5 grammes xà-phòng, bào vụn và 5 grammes chất cristaux de soude ngâm vào trong một litre nước ấm ấm cho tan ra, rồi đem gội. Muốn thơm thì hòa với 40 grammes eau de Cologne.

Để mượt tóc

Muốn chải cho mượt tóc, thì hòa mấy thứ này với nhau :

Rượu 50 phần	20 grammes
Nước đun để nguội	10 grammes
Glycérine	5 grammes

Có thể cho thêm vài giọt nước hoa vào.

Cách trừ ruồi

Lấy một cái đĩa, bỏ formol commercial pha với 10 phần nước, để lên trên bàn cao hoặc trên tủ, chỗ trẻ-con hay mèo, chó không mó vào được. Giữa đĩa, để một ít đường làm mồi, ruồi đến ăn, bị chết dưới hàng đàn ở trong nước ấy.

Lại còn một cách nữa : lấy một cái cốc, đổ nước xà-phòng (xà-bong) gần đầy miệng. Cắt một khoanh bánh-mì có khoét một lỗ hồng ở giữa, phần dưới khoanh bánh ấy, đem phiết mặt hay nước đường rồi đặt lên miệng cốc.

Ruồi thấy mùi ngọt, chui vào lỗ bánh từng đàn mà chết đuối.

Cách trừ muỗi

1.) Lấy 100 grammes poudre de pyrèthre, 85 grammes nitrate de potasse, 200 grammes mật-cưa đập nước và gomme adragante, ngào với nhau, rồi nặn thành những cái tháp con hình nhọn, chừng 3 grammes một, đem phơi khô. Các bánh nhọn ấy, lấy lửa đốt vào dầu thì nó cháy như hương, khói tỏa ra không hại gì cho người mà làm ngạt muỗi. Tối đến, cứ đốt hai bánh ở trong buồng trước khi đi ngủ là không thấy muỗi.

2.) Lấy vỏ cam, vỏ quít, phơi khô rồi đốt. Hương trừ muỗi, người ta thường dùng bằng bột vỏ cam, vỏ quít cả.

3.) Lấy những chất sau này ngào với nhau mà nặn thành những bánh nhỏ, đặt lên một cái đĩa mà đốt :

Gomme benjoin	30 grammes
Soufre	10 grammes
Sulfure de carbone	10 grammes
Chlorate de potasse	10 grammes

Cách trừ kiến

1.) Chỗ nào nhiều kiến, rắc những miếng than củi đập nhỏ vào thì kiến đi mất.

2.) Lấy phấn trắng, vạch vào chung-quanh chân bàn, chân tủ, kiến không dám bò lên.

3.) Rắc mật-cưa vào chung-quanh những vật mình muốn giữ, kiến không bao giờ dám bò qua mật-cưa.

4.) Lấy mấy cái chai đồ nước chừng một nửa, hòa tí mật-ong vào. Kiến sẽ kéo đến hàng đàn rồi chết đuối trong chai.

5.) Lúc sâm sâm tối, kiến về tổ, đổ dầu-hỏa vào mà đốt. Coi chừng kẻ cháy

Làm vậy tự thế nào cho hợp lệ.

6.) Đổ nước xà-phòng đen hay essence de térébentine, hay sulfure de carbone vào lỗ kiến.

7.) Rắc vôi vào lỗ kiến rồi đổ nước vào.

Cách trừ trứng

Trong lịch Tân-Nam năm ngoái, đã chỉ mấy cách trừ trứng. Nay lại thêm mấy cách sau này :

1.) Thả trứng vào trong chậu nước lừng quả một. Đợi cho trứng thấm nước chìm xuống đáy chậu, rồi đem lên để hóng gió cho khô. Bấy giờ, lấy giấy mỏng bọc từng quả một, có thể trữ được hơn 6 tháng.

2.) Trứng mới đẻ, lấy nhật-trình bọc từng quả một. Lấy một cái rương kín, lót vải ở trong, rồi đặt từng quả một; rương đầy, đóng chặt lại, để vào nơi khô ráo và mát.

3.) Lấy cám hay mặt-cưa, đem sấy cho khô. Đổ vào một cái rương kín. Xếp trứng vào, cứ một lớp trứng, lại một lớp cám hay mặt-cưa. Đậy chặt rương và để vào nơi khô và mát.

Kem đánh giấy vàng

Nấu cách-thủy 60 grammes sáp ong vào trong một cái bát. Thêm 60 grammes vaseline, rồi quấy cho đều. Sau cùng, thêm 30 grammes essence de térébentine. Nên nhớ essence de térébentine là chất dễ bắt lửa lắm.

Cách giữ bóng đèn-điện

Muốn bóng được sáng, phải năng lau chùi bụi bặm và mạng-nhện bám vào. Nếu sợi đèn trong bóng bằng kim-chất, thì cứ để bóng có lửa mà lau, vì nóng thì sợi mềm khó đứt hơn khi sợi lạnh. Muốn lau được sạch thì phải dùng phấn đánh giầy pha với rượu.

Cách giữ cho thông-phong đèn khỏi vỡ

Đổ một thùng đầy nước muối, đặt thông-phong vào trong thùng. Đun sôi nước ấy lên, rồi tắt lửa đi. Khi nước lạnh hẳn, lôi thông-phong ra, chùi cho khô, rồi bọc bằng giấy mềm.

Tại làm sao khi thắp đèn, thông-phong hay vỡ (bể)? Là tại tay ẩm ướt cầm vào, và cũng tại hơi nóng làm thông-phong nở ra, mà nở không đều thì vỡ. Bởi vậy, lúc mới đốt, ngọn đèn phải khêu rõ nhỏ cho thông-phong nóng dần khắp cả.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

Cách dùng giấy nhật-trình

Nhật-trình cũ dùng được biết bao nhiêu việc. Trước hết, hãy rên dặn : quà cáp gửi biếu ai, chớ bọc nhật-trình, vì không lịch-sự mà lại vô phép. Đồ ăn cũng không nên bọc giấy nhật-trình vì trái vệ-sinh.

Nhật-trình cũng có thể dùng để :

- 1.) Nhóm bếp, không có gì nhóm mau bằng.
- 2.) Thấm nước, nước lã đổ xuống bàn, chỉ việc đặt một tờ nhật-trình lên, nó thấm hết nước, không phải thấm bằng giẻ.
- 3.) Lau chùi gương, lấy nhật-trình tẩm nước lã, nước dãi-quỷ (amonique) hay rượu mà lau kính, lau gương không gì sáng bằng.
- 4.) Dùng làm áo lạnh. Khi đi xa không đem quần áo lạnh, lã tiết-trời thay đổi bất thành-linh thì cắt lấy một mảnh, đắp vào giữa áo lót mình và áo ngoài, hoặc đắp ngay vào da cũng được, thì giữ được hơi nóng trong mình.

Lại có thể làm mền đắp bằng nhật-trình được : lấy hai tờ to còn nguyên, đừng rách, đắp vào nhau làm một. Bón chung-quanh, làm một cái nẹp giấy dán chặt lại. Một góc, khoan một lỗ hồng con, lấy miếng vải cho giấy phồng lên, rồi lấy hồ dán kín lại. Như thế, ở giữa hai tờ giấy nhật-trình, có một lớp không khí, thành một cái mền đắp rất ấm.

Cách dùng bã cà-phê

Bã cà-phê, chớ có bỏ phí, vì nó dùng được nhiều việc :

- 1.) Rửa bát đĩa nhờn hay vỏ lọ hôi. Bỏ vào nước sôi, rồi rửa thì sạch ngay.
- 2.) Đánh đồ đồng thật sáng.
- 3.) Tẩy những thảm cho sạch bụi. Rắc bã cà-phê ẩm lên trên thảm, rồi lấy chổi lùa quét thì thảm lại như mới.
- 4.) Đánh sàn bằng bã khô thì bóng như đánh xi vậy.

Làm sữa bằng đậu-tương

Không có sữa người hay sữa bò, có thể nuôi trẻ bằng đậu-tương được. Đậu tương có chất vitamine A, B và C. Lấy bột đậu-tương pha với nước sôi, nhiều ít tùy tuổi trẻ-con, như sau này :

Văn tự lữ viết lầm thì phải chữa thế nào,

MẤY TUỔI	BỘT MẤY THIA XÚP	NƯỚC SÔI MẤY THIA XÚP	NHỮNG GIỜ CHO ĂN
Từ 1 đến 2 tuần	1/2 thìa	3 thìa	6 giờ
Từ 3 đến 4 tuần	1 thìa	6 thìa	10 giờ
Từ 6 tuần đến 2 tháng	1 thìa /12	9 thìa	14 giờ
Từ 2 tháng 1/2 đến 3 th.	2 thìa	12 thìa	18 giờ
Từ 4 tháng đến 5 tháng	2 thìa 1/2	15 thìa	23 giờ
Từ 6 tháng đến 12 tháng	3 thìa	16 thìa	6 giờ 10 giờ
Từ 1 đến 2 năm	3 thìa 1/2	16 thìa	14 giờ 18 giờ

Những người đau, không có sữa ăn cũng có thể dùng bột đậu-tương được. Cứ một thìa bột thì 5 thìa nước sôi. Có thể pha thêm đường, lòng đỏ trứng-gà, chocolat, cacao ; muốn thơm thì vắt chanh hay cam.

CÁCH LÀM CHO XÀ-PHÔNG DÙNG ĐỠ HAO

Thư nước nào có nhiều chất vôi (calcaire) và chất magnésie thì nấu ăn, hay giặt giã không tốt.

Những nước như thế, xà-phòng vào không tan được. Khi giặt quần-áo, những chất vôi và magnésie ở nước ngấm vào vải, giữ chặt lấy bụi, ghét, mỡ, mồ-hôi, giặt không đi. Muốn giặt được sạch thì trước hết hãy làm cho xà-phòng tan trong nước đã, rồi hãy lấy nước ấy giặt sau. Nhưng thế thì tốn xà-phòng quá ! Vậy nên dùng cách khác, là đun nước lên, nước sẽ mất đi một nửa chất magnésie và chất vôi. Đoạn, cho một ít carbonate de potasse hay carbonate de soude vào nước ấy ; song chớ bỏ nhiều quá, vì chất carbonate de soude làm phai mất màu vải. Chất carbonate de potasse và carbonate de soude rẻ hơn xà-phòng nhiều, nhưng hiện nay khó mua lắm.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Muốn thay hai chất ấy thì có thể dùng gio bếp cũng tốt, vì trong gio củi có chất carbonate de potasse. Vậy nên giữ lấy gio mà dùng dần. Gio có nhiều hạt than, trước khi dùng phải lọc nước gio ấy đã.

Như nước ở Hà-nội, cứ 10 lít nước thì dùng 60 grammes gio.

Nước nào lắm chất vôi, hay magnésie thì rau không chín được, mà còn cứng thêm nữa. Trước khi nấu thức ăn, ta nên đổ vào xoong một ít nước gio lọc. Như thế, đồ ăn mới dễ chín và dễ tiêu.

Nước máy ở Hà-nội có nhiều chất magnésie và chất vôi lắm, nhưng còn có thể dùng để giặt-già, nấu, uống được. Nước sông Hồng-hà, Huế, Sài-gòn, Lạng-sơn có ít những chất ấy, nhất là nước ở Tam-đảo.

Tuy vậy, nếu trong nước không có một ít chất vôi thì người uống sẽ mềm xương và yếu ớt.

Cách giữ lốp bánh cao-su được bền gai

Các lốp bánh cao-su được bền gai hay chóng hỏng là tùy xe tải nhẹ hay nặng, chạy chậm hay mau, khi-giờ lạnh hay nóng, máy xe tốt hay xấu và đường đi bằng-phẳng hay gập-ghềnh. Bởi vậy, đương lúc hiếm lốp bánh cao-su, ta nên biết gìn giữ cho lốp xe được lâu bền. Người ta đã nghiệm rằng xe ô-lô chạy 80 cây-số một giờ, lốp mòn chóng gấp đôi xe chạy 50 cây số; xe chạy lúc trời nóng 30 nhiệt-độ, lốp cũng mòn chóng gấp đôi lúc tiết trời có 15 độ.

Lốp xe-đạp và xe-tay cũng vậy, cho nên bắt-đắc-dĩ hãy đi vào những lúc trời nóng.

Việc mở-mang mấy thứ kỹ-nghệ ở Đông-Dương trong thời chinh-chiến

I. — Gang. — Kỹ-nghệ này mới có hai năm nay, do ông Mai-tâm mở lò đúc tại Đáp-cầu. Trong năm 1941, lò ấy xuất-sản được 15 tấn và đến ngày 10 juillet 1942 được 20 tấn gang rất tốt.

Đại tang có thể được kết hôn hay không,

Chỉ nay mai, lò ấy sẽ xuất-sản được mỗi ngày 10 tấn gang, đủ dùng trong xứ.

II. — Carbure de calcium. — Đông-dương chỉ có một nơi làm carbure de calcium, mở tại Lộc-binh (gần Lạng-son).

Kỹ-nghệ này mới mở được 3 năm nay. Đến 1er août 1942, đã xuất-sản được 130 tấn. Bởi vậy trong xứ mới có dầi đèn mà dùng.

III. — Đồng. — Kỹ-nghệ này do hãng Soco làm. Nhà máy mở ở Chợ-lớn, có thể đúc, ép thành lá hay là kéo sợi đồng được. Mỗi năm xuất-sản được từ 250 đến 300 tấn đồng lá, từ 200 đến 300 tấn đồng thoi, từ 300 đến 400 tấn đồng dây.

Hãng Berset và nhà Thuốc ở đạn Phú-thọ cũng bắt đầu làm dây đồng từ năm 1942. Hiện nay đã làm được 30 tấn rồi.

IV. — Hòm ắc-qui (accu). — Công-ti xe-điện ở Saigon nhận làm được mỗi tháng từ 50 đến 60 hòm ắc-qui.

V. — Ruột bánh xe ô-tô. — Có hai hãng làm ở Saigon :

1) Hãng Comptoir général du Caoulchouc làm riêng cho công-ti xe-điện, mỗi tháng 300 chiếc.

2) Hãng Labbé, nay mai sẽ làm được 3000 chiếc, nhưng phải có đầu van (valve) thì mới làm đ ược.

VI — Glycérine. — Xưởng Xà-phòng Việt-Nam của ông Trương-văn-Bền mỗi năm làm được 89 tấn. Trước kia còn dư xuất-cảng glycérine sang Hoa-kỳ và sang Pháp nữa. Nay mỗi ngày làm được 50kg, đủ dùng trong xứ.

VII. — Stéarine và Oléine. — Năm 1941, ông Delaunay bắt đầu ép cá để lấy dầu. Từ cuối juillet 1941 đến giờ, xưởng này cất được :

1.) chất stéarine để làm diêm và làm nến.

2.) chất oléine để đánh kim-khí cho nhẵn.

Còn bã thì dùng làm vaseline và brai để ngăn điện-khí.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

VIII. — Thuốc-súng và chlorate de potasse. — Công-ti Société Indochinoise de Pyrotechnie (Đáp-cầu) làm mỗi tháng được từ 2 đến 4 tấn thuốc súng.

Sở cơ-khi và binh-khi ở Vinh-yên cũng làm được thuốc súng, các mô-lơ điện vừa mua ở Nhật sang. Mỗi tháng, rồi ra có thể làm được 10 tấn.

Công-ti Đáp-cầu lại còn làm được chlorate de potasse, rất cần cho các nhà máy diêm.

IX. — Thiếc và tungstène. — Năm 1903, Đông-dương mới bắt đầu khai mỏ thiếc và tungstène ở Thượng-du Bắc-kỳ, đến năm 1923, lò đúc thiếc bắt đầu mở tại Cao-bằng, mỗi năm xuất-sản được 330 tấn thiếc, nhưng năm 1931 lại đóng cửa.

Năm 1937, Đông-dương xuất-sản được 390 tấn tungstène và năm 1938, 1620 tấn thiếc.

Công-ti Société des Etains et Wolframs du Tonkin et des Etains du Haut-Tonkin xuất-sản hàng năm được 500 tấn thiếc.

Ở Lào, có công-ti Société d'Etudes d'Exploitations minières, khai được 600 tấn mỏ thiếc và công-ti Compagnie Fermière des Etains d'Extrême - Orient khai được từ 260 đến 360 tấn thiếc mỗi năm.

X. — Kẽm và chì. — Ở Quảng-yên có nhà máy kẽm, mở từ năm 1925, kẽm ấy lấy ở mỏ Chợ-diền của Compagnie Minière et Métallurgique de l'Indochine. Mỗi năm, công-ti này xuất-sản được từ 5.000 đến 7.000 tấn kẽm, và nhà máy kẽm từ năm 1939 đến giờ, chế được ngoài 5.000 tấn kẽm một năm.

XI. — Sắt và manganèse. — Công-ti Compagnie Indochinoise d'Industrie Minière, là chi-cục của hãng Nhật-bản Takushoku Kaisha, khai mỏ sắt ở Thái-nguyên và manganèse ở Cao-bằng. Mỏ khai được xuất-cảng sang Nhật. Mỗi năm xuất-sản được 73.000 tấn sắt và 2.450 tấn manganèse. Từ năm 1941 đến giờ, số xuất-sản kém đi, vì sự vận-tải khó khăn không được như trước.

Theo như báo « Bulletin Indochinois
des Combustibles Liquides et Lubrifiants »

Ai được lập chúc-thư xem Tân-Nam Lịch năm Nhâm-ngọ

癸	未	年	節	候	表
正月小	二月大	三月小	四月大	五月小	六月大
○初一日子時 立春	○初一日酉時 驚蟄	○初一日子時 清明	○初三日酉時 立夏	○初四日亥時 芒種	○初七日巳時 小暑
○十五日戌時 雨水	○十六日戌時 春分	○十七日辰時 穀雨	○十九日辰時 小滿	○二十日申時 夏至	○廿三日丑時 大暑
七月大	八月小	九月大	十月小	十一月大	十二月小
○初八日酉時 立秋	○初九日亥時 白露	○十一日未時 寒露	○十一日申時 立冬	○十二日辰時 大雪	○十一日戌時 小寒
○廿四日巳時 處暑	○廿五日辰時 秋分	○廿六日申時 霜降	○廿六日未時 小雪	○廿七日丑時 冬至	○廿六日午時 大寒

Việc soạn Tân - Nam - Lịch

NĂM GIÁP-THÂN (1944)

Về việc soạn các mục trong Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân (1944), độc-giả yêu cầu đăng những bài gì, xin các ngài cho biết trước từ tháng tám trở lại, đừng đợi như năm nay, gần hết năm mới tổ ý thì soạn bài không kịp.

TÂN-NAM-XÃ cần bạch

Lắm nghề thế !

Thầy. — Cha anh làm nghề gì ?

Trò. — Thừa thầy, cha con khi thì làm vua, khi thì làm quan, khi thì làm lính ạ !

Thầy. —Ồ cha anh sao lắm nghề thế ?

Trò. — Thừa, cha con làm kép hát ở rạp tuồng ạ !

NGUYEN-VAN-DU

MÉDECIN CIVIL

TRỊ ĐỦ CÁC CHỨNG BỆNH

GIỜ KHÁM BỆNH

mai : 8 giờ đến 12 giờ

chiều : 3 giờ đến 6 giờ

220 A, trên lầu, Đường Lefèbre Saigon

Thế nào là án treo, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngô

Những ngày phiên chợ

BẮC-GIANG

Chợ Thượng ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm. chợ phố
Đạo-đường ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm. chợ Kế ngày
4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm. chợ Kép ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26,
sớm. chợ Đa-mai ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26,
28, sớm. chợ La (Đức-la) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm.
chợ Bồ-hạ ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, trưa. chợ Nhã-nam
ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm. chợ Bắc-lệ ngày 4, 9, 14, 19,
24, 29, sớm. chợ Phố-vị ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm.
chợ Đồn-met ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm. chợ Cầu-giỏ
ngày 3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28, sớm. chợ Phồng ngày 3, 8,
13, 18, 23, 28, sớm. Chợ Nếnh ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19,
22, 24, 27, 29, trưa. chợ Đức-thắng ngày 2, 5, 7, 10, 12,
15, 17, 20, 22, 25, 27, 30, sớm. chợ Biền-động ngày 5, 10,
15, 20, 25, 30, trưa. chợ An-châu ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26,
sớm. Chợ Chàng (Lục-nam) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm.
chợ Chũ ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm. chợ Lầm ngày 5, 10,
15, 20, 25, 30, trưa.

BẮC-KẠN

Chợ Mới (Cây-thị) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, trưa. chợ
Bắc kạn ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm. chợ Phủ-thông
(Bạch-thông) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa. chợ Ngân-sơn
ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa.

BẮC-NINH

Chợ Lớn ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm. chợ Cầu (Thị-
cầu) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa. chợ Vân (Yên-vân)
ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, trưa. chợ Giầu (Phủ-ừ) ngày 4,
9, 14, 19, 24, 29, trưa. chợ Văn-giang ngày 4, 9, 14, 19, 24,

Cách xin tạm tha thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngô.

29, sớm. chợ Keo (Giao-tự) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, trưa. chợ Sủi (Phú-thuy) ngày 2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30, trưa.

CAO-BẰNG

Chợ Đông-khê ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sáng. chợ Tỉnh ngày nào cũng họp sớm. chợ Cao-bình (Háng-séng) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, buổi sáng. chợ Nước-hai (Hang-cáp) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, buổi sáng. chợ Nguyên-bình ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, buổi sáng. chợ Quảng-uyên (Pak-kà) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, buổi sáng. chợ Thượng-lăng (Cồ-sầu) 5, 10, 15, 20, 25, 30, buổi sáng.

HÀ-ĐÔNG

Chợ Đơ ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30. chợ Mai-lĩnh ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27. chợ Chuông ngày 4, 10, 14, 20, 24, 30. chợ Quang (Thanh-liệt) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Lũ ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29. chợ Giáy (Văn-diễn) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30. chợ Mọc ngày nào cũng họp. chợ Mỹ-lâm (Phú-xuyên) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Trúc-sơn ngày 3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28. chợ Bảng (Thường-lin) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Tía ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29. chợ Dục ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30. chợ Cống-văn-tự (Hỗ-xá) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30. chợ Mỗ (Hoài-đức) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29. chợ La-cả ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Canh ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Đăm (Tây-tự) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29. chợ Kẽ (Thượng-cát) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30. chợ Cáo (Xuân-tảo) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Gạ (Phú-gia) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Vẽ (Đông-ngạc) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27. chợ Chèm (Thụy-phương) ngày 1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29. chợ Đình (Ứng-hòa) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28. chợ Thá trên (Ngã ba-thá) ngày 6, 16,

Quyền của người lập chúc-thư thế nào,

26. chợ Thá dưới 1, 11, 21, chợ Bến (Mỹ-đức) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26. chợ Phủ (Mỹ-đức) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29.

HÀ - GIANG

Chợ Bắc-quang ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm. chợ Hoàng-xu-phi ngày Mão, ngày Dậu, sớm. chợ Lao-khay ngày Sửu ngày V, sớm. chợ Hà-giang ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm. chợ Đồng-văn, ngày Thìn ngày Tuất, sớm.

TỈNH HẢI-DƯƠNG

Chợ Tổng-thượng (Kinh-môn) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa. chợ Tràng (Kinh-môn) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, trưa. chợ Dương-nham (Kinh môn) ngày 3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29, trưa. chợ Thông (Kinh-môn) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, trưa. chợ Thái-mông (Kinh-môn) 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa. chợ Huyện Thanh-lâm (Nam-sách) 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm. chợ Tử-dương (Nam-sách) mỗi tháng 24 phiên vào những ngày : 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, sớm. chợ Kinh-dương (Nam-sách) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, sớm. chợ Rông (Nam-sách) ngày 2, 6, 8, 12, 16, 18, 22, 26, 28, sớm. chợ Mết (Nam-sách) ngày 2, 6, 8, 12, 16, 18, 22, 26, 28, sớm. chợ Hồ (Ninh-giang) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, trưa. chợ Độ (Ninh-giang) mỗi tháng 24 phiên vào những ngày : 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, sớm. chợ Chiềng (Ninh-giang) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm. chợ Sắt (Bình-giang) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, sớm. chợ Hà (Bình-giang) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, sớm. chợ Kiệt (Bình-giang) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, sớm. chợ Thông (Thanh-miền) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, sớm. chợ Do (Thanh-miền) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm. chợ Dinh (Thanh-

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

miện) 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm. chợ Cốc (Thanh-miền) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, sớm. chợ Trâu-bò (Gia-lộc) ngày 2, 6, 12, 16, 22, 26, sớm. chợ Tang (Gia-lộc) ngày 1, 7, 11, 17, 21, 27, sớm. chợ Bông (Gia-lộc) ngày 2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30 sớm. chợ Quán-cầu (Gia-lộc) mỗi tháng 21 phiên vào những ngày: 2, 3, 4, 6, 8, 9, 10. chợ Rong (Gia-lộc) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, sớm. chợ Thượng (Kim-thành) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm. chợ Thanh-liên (Kim-thành) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, sớm. chợ Roi (Kim-thành) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm. chợ Quynh (Kim-thành) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm. chợ Si (Kim-thành) ngày 1, 5, 10, 11, 15, 20, 21, 25, 30, sớm. chợ Hương (Thanh-hà) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa. chợ Diêm (Thanh-hà) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa. chợ Xét (Thanh-hà) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, trưa. chợ Vang (Thanh-hà) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa. chợ Soi (Thanh-hà) 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, trưa. chợ Kim-quan (Cầm-giàng) ngày 1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29, sớm. chợ Phú-lộc (Cầm-giàng) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm. chợ Qui-dương (Cầm-giàng) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm. chợ Tu-thông (Cầm-giàng) ngày 2, 5, 10, 12, 15, 20, 22, 25, 30. chợ Ngọc-trúc (Cầm-giàng) ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, sớm. chợ Thiên (Chí-linh) ngày 1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27, trưa. chợ Ngải (Chí-linh) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa. chợ Bến (Chí-linh) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa. chợ Cót (Đông-triều) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm. chợ Bắc-ma (Đông-triều) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm. chợ Hóp (Tứ-kỳ) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm. chợ Nạp (Tứ-kỳ) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm. chợ Mụ (Tứ-kỳ) ngày 3, 9, 13, 19, 23, 29, sớm. chợ Gạch (Tứ-kỳ) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm. chợ Nam-âm (Vĩnh-bảo)

Chức-thư phải lập theo cách nào mới hợp lệ?

ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, trưa. chợ Đôn (Vĩnh-bảo) ngày 3, 5, 7, 10, 13, 15, 17, 20, 23, 25, 27, 30, trưa. chợ Cốc (Vĩnh-bảo) ngày 6, 9, 16, 19, 26, 29, trưa. chợ Cát (Vĩnh-bảo) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa. chợ Hà-cầu (Vĩnh-bảo) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa. chợ Hạ-dương (Vĩnh-bảo) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa.

HẢI-NINH

Chợ Moncay ngày nào cũng họp. chợ Hà-cối ngày 3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29, trưa. chợ Mộc-hai (Đàm-hà) ngày 1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27, trưa. chợ Tiên-yên ngày nào cũng họp hai buổi.

HẢI-PHÔNG

Chợ Lớn ngày nào cũng có, chợ Hành-kênh (Lạc-viên) ngày nào cũng có.

HÀ-NAM

Chợ Bầu (Châu-cầu) ngày 2, 7, 4, 9, 12, 17, 14, 19, 22, 27, 24, 29, buổi sáng. chợ Đồng-văn ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa. chợ Đới ngày 1, 4, 7, 9, 11, 14, 17, 19, 21, 24, 27, 29, trưa. chợ Đép ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, trưa. chợ Nga-khe (Lý-nhân) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, buổi sáng. chợ Bùi (Bình lục) ngày 3, 4, 7, 9, 13, 14, 17, 14, 23, 24, 27, 29, buổi sáng. chợ Mòi (Mai-động) ngày 3, 7, 13, 17, 23, 27, trưa. chợ Dầm (Tiêu-động) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29. chợ Ngô khe ngày

QUAN - SỰ CẨM - NANG

BÁN TẠI HÀ-THÀNH ẤN-QUÁN, 85, PHỐ HÀNG BÔNG, HANOI

Giá: 0 \$ 80

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, buổi sáng. chợ Vã (Yên-đồ) ngày 4, 6, 10, 14, 16, 20, 24, 26, 30, buổi sáng. chợ Đồn (Chi-nê) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, buổi sáng. chợ Cấy (đồn-điền Leconte) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, buổi sáng.

THÀNH-PHỐ HÀ-NỘI VÀ CHUNG-QUANH

Chợ Đồng-xuân ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm. chợ Bưởi ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, từ 9 giờ. chợ Mới-mơ ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, họp sớm.

HÒA-BÌNH

Chợ Chó (Suyut) ngày 10, 20, 30, buổi sáng. chợ Bờ ngày 1, 11, 21, trưa. chợ Phương-lâm ngày 2, 12, 22, buổi sáng. chợ Đồn (Kệ-sơn) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, buổi sáng. chợ Lam-hoa (Lạc-sơn) 4, 7, 10, 14, 17, 20, 24, 27, 30, trưa.

HUNG-YÊN

Chợ Bần (Mỹ-hào) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm. chợ Bạc (Mỹ-hào) ngày 4, 6, 9, 14, 16, 19, 24, 26, 29, sớm. chợ Bông (Kim-động) ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, trưa. chợ Dốc-lã (Kim-động) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa. chợ Mễ (Khoái-châu) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, trưa. chợ Như-quỳnh (Văn-lâm) ngày 2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30, trưa. chợ Thừa (Mỹ-hào) ngày 3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28, trưa. chợ Trương (Kim-động) ngày 2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30, trưa. chợ Trung (Yên-mỹ) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, sớm. chợ Phủ (Khoái-châu) mỗi tháng 24 phiên, vào những ngày : 1, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, những phiên ngày 1 và ngày 6, có bán súc-vật, chợ Ôn xá (Văn-lâm) ngày 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, sớm. chợ Độ (Yên-mỹ) ngày 1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 16, 18, 20, 21, 23, 25, 26, 28, 30, sớm. chợ Xuôi (Tiên-lữ) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm.

Nếu không có chúc-thư thì của chia thế nào,

KIẾN-AN

Chợ Kiến-an ngày nào cũng họp. Chợ Trinh-xá ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa, chợ Đồn (Núi-dẹo) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa, chợ Dinh (Thủy-tú) ngày lẻ, chợ Đồi (Tiền-lăng) ngày 2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30, trưa, chợ Đồ-sơn ngày nào cũng họp, chợ Mo (Nghĩ-dương) ngày chẵn họp về buổi sáng, chợ Quan (Rong-nha) ngày nào cũng có, trừ ngày 3, 13, 23, sớm, chợ Huyện-dào ngày 1, 2, 4, 6, 9, 11, 12, 14, 16, 19, 21, 22, 24, 26, 29, sớm.

LAI-CHÂU

Chợ Điện biên-phủ ở ngay phủ-ly, mỗi tháng có 6 phiên vào những ngày : 3, 8, 13, 18, 23, 28, chợ Mao-xao-phing ở ngay đồn Mao-xao-phing cứ 5 ngày một phiên.

LANG-SƠN

Chợ Tỉnh ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29 sớm, chợ Kỳ-lừa ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm, chợ Đồng-mỏ ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa,

NAM-ĐỊNH

Chợ Tây (tỉnh-ly) ngày nào cũng họp, sớm, chợ Năng-lĩnh (tỉnh-ly) ngày nào cũng họp, sớm, chợ Vị-xuyên (tỉnh-ly) ngày nào cũng họp, sớm, chợ Bườn (Mỹ-lộc) ngày nào cũng họp, sớm, chợ Cốc (Vụ-bản) ngày nào cũng họp, sớm, chợ Phố (Vụ-bản) ngày 2, 5, 7, 9, 12, 15, 17, 19, 22, 25, 27, 29, sớm, chợ Bông (Vụ-bản) ngày 3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29, sớm, chợ Dư-duệ (Vụ-bản) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm, chợ Gôi (Vụ-bản) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm, chợ Sủ (Phong-doanh) ngày 2, 5, 7, 12, 15, 17, 22, 25, 27, sớm, chợ Mụa (Phong-doanh) ngày 1, 4, 8, 11,

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

14, 18, 21, 24, 28, sớm, chợ Vò (Nghĩa-hưng) ngày 3, 7, 13, 17, 23, 27, sớm, chợ Lưu-hải (Nghĩa-hưng) ngày 2, 5, 8, 12, 15, 18, 22, 25, 28, sớm, chợ Tam-tòa (Nghĩa-hưng) ngày 2, 5, 9, 12, 15, 19, 22, 25, 29, sớm, chợ Ninh (Trực-ninh) ngày 2, 6, 12, 16, 22, 26, trưa, chợ Sáng (Trực-ninh) ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, sớm, chợ Nam-thọ (Trực-ninh) ngày 3, 8, 10, 13, 18, 20, 23, 28, 30, trưa, chợ Tân-lý (Trực-ninh) ngày 1, 5, 8, 11, 15, 18, 21, 25, 28, trưa, chợ Cồ-lễ (Trực-ninh) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa, chợ Trâu-bò (Trực-ninh) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm, chợ Cầu-đôi (Hải-hậu) ngày 5, 9, 15, 19, 25, 29, sớm, chợ Trung (Hải-hậu) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm, chợ Lương (Hải-hậu) 1, 7, 11, 17, 21, 27, sớm, chợ Hưng-nghĩa (Nghĩa-hưng) ngày nào cũng họp sớm, chợ Thượng (Nghĩa-hưng) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm, chợ Cống (Nam-trực) ngày nào cũng họp sớm, chợ Quì (Nam-trực) ngày 1, 7, 11, 17, 21, 27, sớm, chợ Yên (Nam-trực) ngày 2, 6, 12, 16, 22, 26, sớm, chợ Sông (Trực-ninh) ngày 4, 8, 14, 18, 24, 28, sớm, chợ Sa-châu (Xuân-trường) ngày nào cũng họp sớm, chợ Hành-thiện (Xuân-trường) ngày nào cũng họp sớm, chợ Bến (Xuân-trường) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm, chợ Đồn (Xuân-trường) ngày nào cũng họp sớm, chợ Trà-Bắc (Xuân-trường) ngày 3, 9, 13, 19, 23, 29, sớm, chợ Trà-trung (Xuân-trường) ngày 4, 8, 14, 18, 24, 28, sớm.

NINH-BÌNH

Chợ Địch (Địch-lộng) ngày 3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29, trưa, chợ Rồng (tỉnh-lị) ngày 1, 4, 6, 8, 11, 14, 16, 18, 21, 24, 26, 28, trưa, chợ Nhạc (Phúc-nhạc) ngày 1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27, trưa, chợ Qui-hậu (Kim-sơn) ngày 3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29, trưa, chợ Phú-vinh (Phát-diệm) ngày

Chồng chết, vợ góa được những quyền gì,

1, 4, 8, 11, 14, 18, 21, 24, 28, trưa, chợ Hồi-thuần ngày 3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29 trưa, chợ Bút Yên-mô) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa, chợ Đề (Gia-viễn) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, trưa, chợ Liêng (Phủ-Nho-quán) ngày 2, 6, 9, 12, 16, 19, 22, 26, 29, trưa, chợ Đớn (Phủ-Nho-quan) ngày 1, 5, 8, 11, 15, 18, 21, 25, 28, trưa.

PHÚC-YÊN

Chợ Phúc-yên ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, trưa, chợ Mã (Đa-phúc) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, trưa, chợ Xa (Cổ-loa) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa, chợ To (Oai-nỗ, ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29 trưa, chợ Nga (Thạch-lỗi) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa.

PHÚ-THỌ

Chợ Tỉnh (Mè) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa, chợ Phú-hộ ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, trưa, chợ Trò (Cát-trù) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa, chợ Chàng (Lê-mỹ) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa, chợ Chử (Cổ-chủ) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa, chợ Huyện (Hạc-trì) ngày 1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29, trưa, chợ Vĩnh (Vĩnh-chân) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa, chợ Mới (Đan-thượng) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa, chợ Hiền (Hiền-lương) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa, chợ Tu-vũ ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa.

Nào các bạn đi buôn !

Kinh-doanh vất-vả luôn.

Mua vé số Đông-pháp,

Tiền bạc như mây tuôn !

Các thứ mỏ

Thầy — Anh hãy kể cho tôi nghe vài thứ mỏ, thí-dụ: mỏ sắt.

Trò — Bầm mỏ gà, mỏ vịt, mỏ neo a !

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

QUẢNG-YÊN

Chợ Rừng (tỉnh-lị) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, buổi sáng, chợ Rọc-vỏ ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, buổi sáng, chợ Trời (Hoành-bồ) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29 buổi sáng.

SƠN-TÂY

Chợ Nghệ (Thị xã Sơn-tây) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm, chợ Phủ-quốc (Quốc-oai) ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, sớm, chợ Hiệp (Quốc-oai) ngày 3, 5, 8, 10, 13, 15, 18, 20, 23, 25, 28, 30, sớm, chợ So (Quốc oai) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm, chợ Thầy (Quốc-oai) ngày 1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29, sớm, chợ Vân-xa (Quảng-oai) ngày 3, 7, 10, 13, 17, 20, 23, 27, 30, sớm, chợ Phủ (Quảng-oai) ngày 3, 6, 10, 13, 16, 20, 23, 26, 30 là những phiên chợ thường, còn những ngày: 2, 7, 12, 17, 22, 27 là phiên chợ bán trâu bò, họp sớm, chợ Liễu-châu (Quảng-oai) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm, chợ Đầy (Bất-bạt) ngày 2, 6, 8, 12, 16, 18, 22, 26, 28, sớm, chợ Mộc (Bất-bạt) ngày 3, 7, 13, 17, 23, 27, sớm, chợ Bạt (Bất-bạt) ngày 3, 7, 13, 17, 23, 27, sớm, chợ Trùng (Bất-bại) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm, chợ Mía (Phúc-thọ) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm, chợ Bùn-thượng (Phúc-thọ) ngày 1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29, sớm, chợ Sắn (Thạch-thất) ngày 1, 4, 6, 9, 11, 14, 16, 19, 21, 24, 26, 29, sớm, chợ Gạch (Thạch-thất) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm, chợ Nứa (Thạch-thất) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm.

THÁI-BÌNH

Chợ Sóc (Kiến-xương) ngày 1, 5, 11, 15, 21, 25, sớm, chợ Huyện (Kiến-xương) ngày 3, 7, 13, 17, 23, 27, sớm, chợ Đông-nam (Thái-ninh) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, sớm, chợ Phủ (Thái-ninh) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, sớm, chợ Tiên-hưng (Tiên-hưng) ngày 1, 2, 4, 6, 8, 9, 11, 12, 14, 16, 18, 19

Con trai con gái chưa ở riêng có được phép có của

21, 22, 24, 46, 28, 29, sớm, chợ Huyện (Quỳnh-côi) ngày 2, 6, 12, 16, 22, 26, trưa, chợ Đụn (Thuy-anh) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26 sớm, chợ Hồ (Thuy-anh) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm, chợ Gạch (Đông-quan) ngày 3, 6, 8, 13, 16, 18, 23, 26, 28, sớm, chợ Rù (Đông-quan) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30 sớm, chợ Hồ (Đông-quan) ngày 4, 6, 9, 14, 16, 19, 24, 26, 29, sớm, chợ Trông (Thư-rì) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, sớm, chợ Ila (Thư-trì) ngày 2, 7, 12, 17, 22, 27, sớm, chợ Bung (Thư-trì) ngày 1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27, sớm, chợ Đông-làng Phụ dục) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, sớm, chợ Hữu-vy (Tiền-hải) ngày nào cũng họp, sớm, chợ Hương-tân (Tiền-hải) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30 sớm, chợ Me (Hưng-nhân) ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29 sớm, chợ Hoi, (Hưng-nhân) 2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30, sớm, chợ Câu-lê (Hưng-nhân) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, chiều, chợ Buồm (Hưng-nhân) ngày 2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30, sớm, chợ Khánh (Hưng-nhân) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, sớm, chợ Đồn (Hưng-nhân) ngày 1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, sớm, chợ Bo (Vũ-tiên) ngày nào cũng họp sớm, chợ Tông-trong (Vũ-tiên) ngày 2, 6, 10, 12, 16, 20, 22, 26, 30 sớm, chợ Mê (Vũ-tiên) ngày 2, 6, 12, 16, 22, 26, sớm, chợ Tông ngoài, (Vũ-tiên) ngày 2, 6, 10, 12, 16, 20, 22, 26, 30, sớm, chợ Còi (Vũ-tiên) ngày 3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 30, sớm, chợ Mết (Vũ-tiên) ngày 6, 10, 16, 20, 26, 30, sớm, chợ Keo (Vũ-tiên) ngày nào cũng họp sớm, chợ Bồng-tiên (Vũ-tiên) ngày nào cũng họp sớm, chợ Chai (Duyên-hà) ngày nào cũng họp sớm, chợ Hàng (Duyên-hà) ngày nào cũng họp sớm, chợ Phạm (Duyên-hà) ngày 1, 4, 8, 11, 14, 18, 21, 24, 28, trưa, chợ Tha (Duyên-hà) ngày 2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30, trưa.

riêng không, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

THÁI-NGUYỄN

Chợ Tỉnh ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29, trưa, chợ Chu, ngày 2, 5, 7, 12, 15, 17, 22, 25, 27, trưa Đình-cả (Võ nhai) ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, trưa, chợ Mụ (Hùng-sơn) 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa.

TUYÊN-QUANG

Chợ Tam-cờ ngày nào cũng họp về trưa chợ Bắc-mục ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26, buổi sáng chợ Huyện (Yên-bình) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa, chợ Phố-cát (Đại-đồng) ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa.

VĨNH-YÊN

Chợ Thồ tang (Vĩnh-tường) ngày 2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29, sớm, chợ Cánh (Bình-xuyên) 2, 6, 12, 16, 22, 26, trưa chợ Me (Tam-dương) ngày 4, 10, 14, 20, 24, 30, trưa, chợ Tỉnh (Tĩnh-lị) cứ hai ngày một phiên vào ngày lẻ, trưa, chợ Đầm (Lập-thạch) ngày 3, 8, 13, 18, 23, 28, trưa, chợ Bình-di (Lập-thạch), ngày 5, 9, 15, 19, 25, 29, trưa, chợ Huyện (Lập-thạch) ngày 3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28, trưa.

YÊN - BẮY

Chợ tỉnh ngày nào cũng họp, chợ Lục-yên, ngày 5, 10, 15, 20, 25, 30, trưa, chợ Nghĩa-lộ ngày nào cũng họp, chợ Bảo-hà, cứ ngày chủ-nhật từ 9 đến 10 giờ.

TÍNH THẬT THÀ

Thầy học. — Tính, thầy anh nợ tiền gạo tháng này 26\$50, tiền củi 6\$50, tiền thuê nhà 48\$, tiền thợ giặt 6\$20, tiền may hai bộ áo mới 180\$, tiền thuê ô-tô 70\$, tiền điện 16\$50. Anh giỏi tính, vậy cộng ngay là bao nhiêu nào?

Học-trò. — Thưa thầy, thế thì không phải trả đồng nào hết ạ. Cuối tháng, nhà con chỉ việc dọn đi phố khác.

Cách xin phục-quyền thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

ĐƯỜNG HAIPHONG ĐI HANOI

G A R E S Stations — Haïtes	T. 10 Mixte Régulier 2e et 3e classes	A. 2 Autorail Régulier 2e et 3e classes	T. 12 Voyageurs Régulier (Train Léger) 2e, 3e et 4e classes	A. 4 Autorail Régulier 2e et 3e classes	T. 14 Mixte Régulier 4e classe	T. 16 Mixte Régulier 4e classe	A. 6 Autorail Régulier 2e et 3e classes	T. 18 Voyageurs Régulier (Train Léger) 2e, 3e et 4e classes
Haiphong-Ville (di).	5h15	7h10	9h20	13h15	13h25	16h10	17h35	20h40
Haiphong-Marché .	5 20	»	9 25	»	13 31	16 16	»	»
Thuong-Ly . . .	5 27	»	9 32	»	13 38	16 22	»	»
Vat-Cal-Thuong . .	5 37	7 22	9 42	»	13 50	16 34	»	20 55
Du-Nghia.	5 49	»	»	»	14 03	16 45	»	»
Phu-Thai.	6 04	»	10 00	»	14 19	16 58	18 00	21 13
Pham-Xa	6 18	»	10 10	»	14 33	17 10	»	»
Lai-Khe	6 26	7 46	10 17	13 51	14 44	17 19	18 11	21 28
Hai-Duong { đến. { di.	6 44	7 57	10 32	14 02	15 03	17 38	18 22	21 42
An-Dien	6 50	7 58	10 38	14 03	15 10	17 48	18 23	21 48
Cam-Giang	7 12	8 12	10 56	14 17	15 35	18 18	»	22 05
Dông Xa	7 23	8 20	11 06	14 25	15 47	18 53	18 43	22 14
Lac-Dao	7 53	»	»	14 37	16 07	19 12	»	»
Dinh-Du	8 02	8 37	11 28	»	16 17	19 22	»	22 35
Phu-Thuy	8 11	»	11 35	14 47	16 25	19 30	»	22 41
{ đến. { di.	8 22	»	11 43	»	16 37	19 39	»	22 48
Gia-Lâm	8 41	8 56	14 58	15 02	17 07	19 59	19 20	23 04
Hanoi Gd Marché .	9 01	8 57	12 00	15 04	17 15	20 06	19 21	23 06
Hanoi-Ville . (đến).	9 12	9 06	12 10	15 13	17 27	20 18	19 30	23 16
	9 20	9 11	12 18	15 18	17 35	20 26	19 35	23 24

ĐƯỜNG HANOI ĐI LAOKAY

KILOMÉTRAGE	G A R E S Stations—Haltes	T. 31 Voyageurs Régulier 3e et 4e classes	T. 124 Marchandises Voyageurs Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 24 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 23 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 25 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 131 Marchandises Voyageurs Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 27 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 73 Voyageurs Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes
0	Hanoi-Ville. (di),		5h10		8h30	12h20		16h40	18h30
2.2	Hanoi Gd-Marché .		5.20		8.40	12.30		16.51	»
5.4	Gia-Lâm . (đến. (di.		5.30		8.52	12.40		17.05	18.50
10.9	Yên-Viên. . .		5.55		9.02	12.50		17.16	19.00
16.0	Xuân-Kiên . .		6.06		9.12	13.02		17.31	19.11
21.1	Dông-Anh . .		6.23		»	13.13		17.41	»
26.1	My-Nôi-Thôn. .		6.34		9.27	13.27		17.54	19.28
33.4	Thach-Loi . .		6.50		»	13.38		18.04	»
39.1	Thap-Mieu . .		7.20		9.44	13.54		18.20	19.47
47.5	Huong-Canh . .		7.36		9.55	14.10		18.32	19.58
53.4	Vinh-Yên. . .		7.52		10.08	14.27		18.46	»
62.8	Huong-Lai . .		8.12		10.20	14.45		19.02	20.21
68.6	Bac-Hat . . .		8.24		10.34	15.05		19.21	»
72.5	Viétri . . . (đến. (di.		8.35	9h00	10.44	15.17		19.32	»
81.7	Phu-Duc . . .			9.15	10.51	15.28	16h05	19.43	20.50
90.6	Tiên-Kiên . .			9.31			16.22	20.05	21.00
99.0	Phu-Tho . . (đến. (di.			9.47			16.39	20.20	»
				9.50			16.56	20.35	21.43
							17.01	20.51	21.46

ĐƯỜNG HÀ NỘI ĐI LAOKAY

KILOMÉTRAGE	G A R E S Stations - Haltes	T. 31 Voyageurs Régulier 3e et 4e classes	T. 421 Marchandises Voyageurs Régulier 1e 2e 3e et 4e classes	T. 21 Mixte Régulier 1e 2e 3e et 4e classes	T. 23 Mixte Régulier 1e 2e 3e et 4e classe	T. 25 Mixte Régulier 1e 2e 3e et 4e classes	T. 431 Marchandises Voyageurs Réguliers 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 27 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 73 Voyageurs Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes
108.1	Chi-Chu . . .			10h05	12h03		17h18		»
115.7	Thanh-ba . . .			10.26	12.21		17.40		22h16
121.4	Vinh-Chiên . . .			10.41	12.32		17.54		»
130.9	Am-Thuong . . .			11.00	12.48		18.14		»
140.5	Doan-Thuong . . .			11.16	1.04		18.31		»
148.2	Van-Phu . . . (dén.			11.31	13.21		18.47		»
155.3	Yên-Bay . . . (di.	6h00		11.45	13.35		19.02		23.24
165.1	Co-Phuc . . .	6.20							23.39
176.9	Ngôi-Hop . . .	6.46							0.02
186.2	Mo-Ha . . .	7.09							0.32
201.8	Trai-Hutt . . .	7.42							0.54
218.8	Lang-Key . . .								1.37
237.2	Bao-Ha . . .								2.15
247.5	Thai-Van . . .								3.05
261.8	Pho-Lu . . .								3.29
277.6	Thai-Niên . . . (dén.								4.08
293.8	Pho-Moi . . . (di.								4.52
296.0	Lao-Kay . . .								5.30
									5.45
									5.53

ĐƯỜNG LAOKAY ĐI HANOI

G A R E S Stations—Haltes	T. 20 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 22 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 130 Marchandises Voyageurs Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 120 Marchandises Voyageurs Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 24 Mixte Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes	T. 30 Voyageurs Régulier 3e et 4e classes	T. 70 Voyageurs Régulier 1e, 2e, 3e et 4e classes
Phu-Tho (đến. (đi.	5h05	7h34	11h34		14h51		3h15
Tiên-Kiên	5.22	7.36	11.50		14.53		3.17
Phu-Duc	5.37	7.53	12.08		15.07		»
Viétri (đến. (đi.	5.52	8.08	12.25		15.22		»
Bac-Hat	6.09	8.23	12.41		15.37		4.00
Huong-Lai	6.21	8.38		13h05	15.48		4.10
Vinh-Yen	6.32	8.50		13.17	15.56		»
Huong-Canh	6.51	9.01		13.29	16.06		4.27
Thap-Mieu	7.04	9.21		13.49	16.21		4.43
Thach-Loi	7.19	9.32		14.29	16.31		4.54
My-Nôi-Thôn	7.30	9.56		14.55	16.45		5.08
Đông-Anh	7.45	10.07		15.07	16.55		»
Xuân-Kiên	7.55	10.23		15.23	»		»
Yên-Viên	8.08	10.34		15.43	17.14		5.36
Gia-Lâm (đến. (đi.	8.18	10.47		15.56	»		»
Hanoi Gd Marché	8.28	10.58		16.20	17.30		5.54
Hanoi-Ville (đến)	8.40	11.08		16.31	17.39		6.04
	8.56	11.24		16.50	17.51		6.14
	9.04	11.40		17.09	18.07		»
		11.48		17.17	18.15		6.30

ĐƯỜNG HÀ NỘI ĐI NÁCHAM

KILOMÈTRAGE	G A R E S	F. 34 Voyageurs Facultatif 3e, 4e classes	A. 91 Autorail 2e, 3e, 4e classes	F. 1021 Mixte Facultatif 3e, 4e classes	33 Voyageurs 2e, 3e, 4e classes	1011 Mixte 3e, 4e classes	35 Voyageurs 3e, 4e classes
0k	Hanoi	5h40	6h50	7h22	11h12	14h37	18h21
5.4	Gia-Lâm	6.05	7.01	7.55	11.36	15.01	18.44
10.9	Yên-Viên	6.15	7.09	8.08	11.46	15.24	18.56
28.9	Bắc-Ninh	6.56	7.34	9.02	12.25	16.29	19.36
32.4	Thị-Cầu (Đáp-Cầu)	7.06	7.39	9.14	12.35	16.41	19.46
49.0	Phủ-Lạng-Thương	7.35	8.01	10.15	13.07	»	20.15
147.5	Lạng-Sơn	»	10.35	»	»	»	»
178.7	Nácham	»	14.28	»	»	»	»

ĐƯỜNG NÁCHAM ĐI HÀ NỘI

G A R E S	30 Voyageurs 3e, 4e classes	1010 Mixte 3e, 4e classes	1032 mixte 2e, 3e, 4e classes	32 Voyageurs 2e, 3e, 4e classes	F. 1020 Mixte Facultatif 3e, 4e classes	A. 92 Autorail 2e, 3e, 4e classes	F. 1022 Mixte Facultatif 3e, 4e classes
Nácham	»	»	4h53	»	»	13h40	»
Lạng-Sơn	»	»	5.58	»	»	14.31	»
Phủ-Lạng-Thương	6h15	9h20	11.44	12h35	14h44	17.06	17h22
Thị-Cầu (Đáp-Cầu)	6.40	9.35	»	13.01	15.21	17.29	17.55
Bắc-Ninh	6.55	10.23	»	13.15	16.01	17.37	18.31
Yên-Viên	7.32	10.36	»	13.49	16.51	18.00	19.23
Gia-Lâm	7.42	11.03	»	14.00	17.04	18.08	19.38
Hanoi	8.06	»	»	14.24	17.30	18.20	20.19

ĐƯỜNG HANOI ĐI SAIGON

KILOMÉTRAGE	G A R E S	Voyageurs 2e, 3e, 4e classes	F. A. 431 Autorail Facultatif 2e, 3e, 4e classes	F. 435 Voyageurs Facultatif 2e, 3e, 4e classes	1121 Mixte 3e, 4e classes	1 Voyageurs 1e, 2e, 3e, 4e classes
0k	Hanoi	6b30	10h43	13h10	16h32	19h00
55.3	Phủ-Lý	8.07	11.54	14.48	19 46	20 07
86.8	Nam-Định	9.07	12.30	15.55		20.43
113.8	Ninh-Bình	10.23				21.25
175.0	Thanh-Hóa	12.08				22.48
321.0	Vinh	17.55				1.57
688.3	Hué					10 30
791.4	Tourane					13.24
927.9	Quảng-Ngãi					16.23
1314.7	Nha-Trang					1.19
1697.5	Biên-Hòa					11.12
1729.7	Saigon					12 15

ĐƯỜNG SAIGON ĐI HÀ NỘI

G A R E S	² / Voyageurs 1e, 2e, 3e 4e classes	1560 Mixte 1e, 2e, 3e 4e classes	F. 550 Voyageurs Facultatif 2e, 3e 4e classes	4562 Mixte 2e, 3e, 4e classes	F. 552 Voyageurs Facultatif 2e, 3e, 4e, classes	F. 554 Voyageurs Facultatif 2e, 3e, 4e classes	556 Voyageurs 2e, 3e, 4e classes
Saigon	19h00	5h15	6h50	7.35	12h05	16.20	18.10
Biên-Hòa	19.53	6.42	7.59	9.38	13 15	17.41	19.28
Nha-Trang	4.39						
Quảng-Ngãi	13.55						
Tourane	16 45						
Huế.	19.41						
Vinh.	4.29						
Thanh-Hóa	7.59						
Ninh-Binh	9.38						
Nam-Định	10.20						
Phủ-Lý	11.04						
Hanoi	12.15						

154

Voyageurs
2e, 3e, 4e
classes

F. A. 130
Autorail
Facultatif
2e, 3e, 4e

F. 434
Voyageurs
Facultatif
2e, 3e, 4e
classes

Mixte
3e, 4e
classes

12.45

14.37

18.15

18.49

19.59

7.05

8.01

9.48

5.05

7.52

PHỔ-THÔNG PHÁP-CHÍNH TÙNG-THƯ

**Bibliothèque de vulgarisation de droit
et d'administration annamites**

DO MỘT BAN CHUYÊN - MÔN BIÊN - TẬP

*Nay mai sẽ xuất-bản, mỗi tháng ra hai tập không có kỳ-hạn
nhất định. Rất cần cho dân-gian và thích-dụng nhất cho các
viên-chức, các tổng-lý cùng các thí sinh thông-sự và bang-lá*

Giá mỗi cuốn : 0\$25

Mua trước cả bộ 24 tập, giá rút xuống 5\$00

*Vì là sách có giá-trị, phải gửi cách đảm-bảo, mỗi lần
bất cứ nặng nhẹ là 0\$10, tiền cước ngoài không kể.*

Thư viết cho Imprimerie de Hanoi, 85, Rue du Coton.

Cái bí-quyết làm giàu,
Tóm lại, có một câu :
Mua vé số Đông-pháp.
. . . Trúng số đầu !

Nào anh em thợ thuyền !
Bấy nay chưa phải nguyên .
Mua vé số Đông - pháp :
Tha - hồ có nhiều tiền !

ẢNH ĐẸP VÀ CÓ GIÁ-TRỊ LÀ ẢNH
CHỤP TẠI HIỆU

HU'ONG-KY Photo

ở số 92, Hàng Trống (Rue Jules Ferry) Hanoi

Quyền lợi của vợ cả vợ lẽ khác nhau thế nào,

LỊCH TÂN-NAM năm Tân-tị (1941) và năm Nhâm-ngọ (1942) về những chuyển tái bản hãy còn lại một ít. Giá mỗi quyển 5 hào. Các ngài muốn dùng, xin hỏi tại bản-xã và đề bì như sau này : « Imprimerie de Hanoi, 85, Rue du Coton, Hanoi ».

Trừ phần in âm lịch và dương-lịch không kể, còn mục nào cũng là mục phổ-thông dùng về năm nào cũng được. Xin nhắc Lịch Tân-Nam có những mục cốt yếu sau này :

Năm Tân-tị

Pháp-luật thường-thức. — Tư-pháp bổ-trợ. — Cách xin thế nào. — Những điều người ta thường làm trong việc Nam án. — Kháng-án và kháng-cáo khác nhau thế nào. — Việc thi-hành án. — Thử-tiêu nguyên-án. — Tái-thẩm. — Tiêu-án và thu-hồi nguyên-án.

— Việc sinh-tử, giá-thủ ở ba kỳ khác nhau thế nào.

— Thẻ căn-cước.

— Cách dùng tin-chỉ và tem. — Lệ trước-bạ.

Xã giao. — Mời khách ngồi ô-tô thế nào. Y-phục Âu tây. — Bắt tay. — Danh-thiếp.

— Những bài thuốc kinh-nghiệm.

— Trang phụ-nữ. — Cách giữ gìn thân-thể. — Sắc đẹp.

— Thể-thao của phụ-nữ. — Luật đi đường. — Vệ-sinh. — Thú y.

Bệnh truyền-nhiễm các gia-súc. — Việc giết thịt và khám thịt. — Việc chăn nuôi loài-vật. — Cách thiến súc-vật.

— Những nơi thắng-cảnh ở Đông-dương, vân vân.

Năm Nhâm-ngọ

Cách tìm ngày, tháng, năm dương-lịch ra âm-lịch và âm-lịch ra dương-lịch.

— Phép cân đo, lường ta đối chiếu với phép cân, đo lường tây.

— Biểu kê giá-ngạch thuế thân An-nam tại Bắc-kỳ.

— Xã-giao : Cách đề danh-thiếp mời ăn — Cách đề giấy báo tin hiếu hỉ, giấy tạ ơn. — Phần biểu.

— Những việc giao-dịch với các nhà ga xe-lửa : Vé hành-khách. — Đánh giầy-thép trên xe-lửa thế nào —. Hành-lý lơ bỏ quên trên xe-lửa phải làm thế nào. — Cách thức gửi hàng-hóa.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

— Lời chỉ bảo của docteur : Các bệnh nào chữa lấy được, bệnh nào phải mời thầy-thuốc ngay.

— Mấy cách phòng-thủ thụ-dộng về không-chiến.

— Hướng-đạo.

— Luật thưởng thức về thương-chính : Hiệu-lực của tờ biên-bản do các viên-chức thương-chính làm. — Những giờ thương-chính được phép khám nhà. — Số tiền phạt. — Thế nào là một tội thành ba. — Những trường-hợp nào bị phạt. — Những điều nên tránh. — Tại sao điều-dinh với thương-chính có lợi hơn là theo kiện.

— Nhi đồng : Cái chai biết tắt lửa. — Quỉ biết động đậy. — Tự làm lấy phong-vũ-biểu. — Chụp hình bằng nển. — Nhảy dù. — Bóng đèn cỏ ma. — Mấy trò quỉ-thuật.

— Nông vi bản : Cách trồng khoai-tây. — Cách dùng bèo hoa-dâu.

— Phép chọn trâu cày. — Những cách lừa dối của lái trâu.

— Thường thức : Cách thử tròng tốt xấu — Cách rửa các đồ dùng trong nhà. — Cách thử nấm, thử mật-ong, vân vân.

— Pháp-luật thường-thức : Theo nghĩa pháp-luật, thế nào là công-chính chứng thư, là tư-thực chứng-thư. — Lỗi làm các chứng-thư thế nào — Quyền hạn của lý-trưởng hay phố-trưởng trong việc làm các chứng-thư thế nào. — Chứng-thư phải làm bằng chữ gì?

— Trong thời-kỳ đại tang, con cái có thể kết-hôn được không ?

— Chúc-thư phải lập theo cách nào mới hợp lệ ? Nếu không có chúc thư thì ai được hưởng di-sản ? Quyền của người vợ góa thế nào ?

— Địa-vị của người đàn-bà có chồng, đối với pháp luật thế nào ? Nói về sự vô tư-cách của đàn-bà có chồng. Những việc gì không do chồng cho phép thì đàn-bà không được tự ý làm ?

— Tại làm sao mảnh vé xe-lửa lượt về, cho hay bán cho người khác lại phải phạt ?

— Cách xin phục-quyền thế nào ?

— Thế nào là án treo ?

— Tại ngoại hậu-cửu

— Việc xin tạm tha.



Muốn rõ quyền-lợi của độc-giả Tân-Nam-Lịch thế nào, xem trang 39.

Ai cũng nên đọc :

Phòng-thủ Thụ-động về không-chiến

Manuel élémentaire de Défense passive
contre les attaques aériennes

SOẠN - GIẢ :

Albert COURTOUX

Nguyên Chánh Thanh-tra
các trường liêu học Bắc-kỳ

Phạm-Huy LỤC

Nguyên Hội-viên
Fội-đồng Trung-ương Phòng-thủ
Thụ-động Đông-dương

85 bức tranh vẽ

Bản chữ tây hay bản quốc-ngữ
giá bán mỗi quyển : **0\$20**

Hỏi các hàng sách và tại nhà in
Imprimerie de Hanoi — 85, phố hàng Bông

TAN - THANH



PROPRIÉTAIRE
NGUYEN-VAN-DOAN

FOURNISSEUR RÉPARATEUR APPAREIL TÉ-
LEPHONIQUE, PHONOGRAPHES, DISQUES,
ACCESSOIRES ET TOUT TOUR ÉLECTRICITÉ



129, RUE DU COTON — HANOI — TÉLÉPHONE : N° 1320

Tr. Tan Loc

Bà nên mua
về số Đông-Pháp bạc bẽ
Chỉ một đồng bạc được,
Cổ thể làm giàu vẫn
vì xem đây hồng-vân
của bà đã đến...

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP



CERTIFIÉ L'INSERTION
TIRAGE 3000 EXEMPLAIRES